

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Long An, tháng 9 năm 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO**



















**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn 09/2019 – 09/2024)

Long An, tháng 9 năm 2024

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27/11/2023 và Quyết định số 207/QĐ-ĐHTT.24 ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Mai Lâm	Quyền Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Phó chủ tịch	
4	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BDCL	Thư ký	
5	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a. Maya Dangelas Ed.D)	Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên	
7	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên	
8	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên	

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
9	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên	
10	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên	
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên	
13	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng	Thành viên	
14	Bà Phạm Lan Anh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên	
15	Ông Dương Hoài Linh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên	
16	Ông Vũ Văn Cường	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên	
17	Bà Đoàn Thị Mỹ Hạnh	Sinh viên khóa 2022- 2026, ngành Quản trị kinh doanh	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người).

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	6
PHẦN I. KHÁI QUÁT	7
1. Đặt vấn đề	7
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	7
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá	8
2. Tổng quan chung	10
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	17
Tiêu chuẩn 1	17
Tiêu chí 1.1.	17
Tiêu chí 1.2.	26
Tiêu chí 1.3..	32
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	36
Tiêu chuẩn 2:	37
Tiêu chí 2.1.	37
Tiêu chí 2.2.	40
Tiêu chí 2.3.	43
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	45
Tiêu chuẩn 3:	46
Tiêu chí 3.1.	46
Tiêu chí 3.2.	50
Tiêu chí 3.3.	58
Kết luận về Tiêu chuẩn 3:	62
Tiêu chuẩn 4:	63
Tiêu chí 4.1.	63
Tiêu chí 4.2.	65
Tiêu chí 4.3.	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:	71
Tiêu chuẩn 5:	72

Tiêu chí 5.1.	72
Tiêu chí 5.2.	75
Tiêu chí 5.3.	78
Tiêu chí 5.4.	80
Tiêu chí 5.5.	82
Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:	84
Tiêu chuẩn 6:	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.1.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.2.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.3.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.4.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.5.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.6.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 6.7.	Error! Bookmark not defined.
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chuẩn 7:	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.1.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.2.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.3.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.4.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 7.5.	Error! Bookmark not defined.
Kết luận về Tiêu chuẩn 7:	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chuẩn 8:	84
Tiêu chí 8.1.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.2.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.3.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.4.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 8.5.	Error! Bookmark not defined.
Kết luận về Tiêu chuẩn 8:	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chuẩn 9.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.1.	Error! Bookmark not defined.

Tiêu chí 9.2.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.3.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.4.	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chí 9.5.	Error! Bookmark not defined.
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	Error! Bookmark not defined.
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	133
Tiêu chí 10.1.	150
Tiêu chí 10.2.	154
Tiêu chí 10.3.	156
Tiêu chí 10.4.	158
Tiêu chí 10.5.	161
Tiêu chí 10.6.	163
Kết luận về Tiêu chuẩn 10:	166
Tiêu chuẩn 11:	167
Tiêu chí 11.1.	168
Tiêu chí 11.2.	172
Tiêu chí 11.3	174
Tiêu chí 11.4.	177
Tiêu chí 11.5.	179
Kết luận về Tiêu chuẩn 11:	182
PHẦN III. KẾT LUẬN	184
PHẦN IV. PHỤ LỤC	194
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	194
Phụ lục 2: Danh sách các quyết định	219

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BGH	Ban Giám hiệu
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cố vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
ĐHTT	Đại học Tân Tạo
ĐT	Đào tạo
ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng
GDDH	Giáo dục đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GTCL	Giá trị cốt lõi
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐT	Hội đồng Trường
HP	Học phần
HTNH	Hỗ trợ người học
HTQT	Hợp tác quốc tế
HTTNV	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KQHT	Kết quả học tập
KT-QTKD	Kinh tế và Quản Trị kinh doanh
KT-BĐCL	Khảo thí – Bảo đảm chất lượng
KTĐG	Kiểm tra đánh giá

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
MTĐT	Mục tiêu đào tạo
MTKN	Ma trận kỹ năng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NTD	Nhà tuyển dụng
NH	Người học
NLĐ	Người lao động
NV	Nhân viên
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PGS	Phó Giáo sư
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
QL	Quản lý
QLNH	Quản lý người học
QTKD	Quản trị kinh doanh
QT-TB	Quản trị - Thiết bị
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SM	Sứ mạng
TCHC	Tổ chức - Hành chính
TC-KT	Tài chính - Kế toán
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TLGD	Triết lý giáo dục
TN	Tâm nhìn
TS	Tiến sĩ
TTTS	Truyền thông và Tuyển sinh

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Hình 1.1.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường	16
Hình 2.2.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa	17
Hình 3.2.1.	Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành	56
Hình 3.3.1.	Mối liên kết giữa các khối kiến thức	58
Bảng 1.1.1.	Tính kết nối giữa tầm nhìn, sứ mạng của Trường, Khoa và MTĐT của ngành	23
Bảng 1.1.2.	Sự tương thích giữa MTĐT ngành QTKD với Luật GDDH	26
Bảng 1.2.1.	Ma trận kết nối mục tiêu (POs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	30
Bảng 1.2.2.	Ma trận kết nối giữa CĐR CTĐT với Khung năng lực trình độ quốc gia	31
Bảng 1.3.1.	So sánh CĐR của trình độ ĐH ngành QTKD qua các năm	35
Bảng 3.1.1.	Ma trận liên kết giữa CĐR VÀ các khối kiến thức	46
Bảng 3.1.2.	Phân bổ kiến thức CTĐT năm 2022	47
Bảng 3.2.1.	Tỷ trọng các học phần đáp ứng CĐR	50
Bảng 3.2.2.	Mối liên hệ giữa CĐR và PP dạy - học, PP đánh giá	51
Bảng 3.3.1.	Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH ngành QTKD của một số trường ĐH và trường	60
Bảng 6.1.1.	Bảng thống kê số lượng GV Khoa theo trình độ trong 5 năm gần đây	85
Bảng 6.1.2.	Bảng thống kê số lượng GV của ngành QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây	85
Bảng 6.2.1.	Tỉ lệ GV/NH của khoa QTKD qua từng năm học	88
Bảng 10.1.1.	Bảng thống kê nhu cầu của các BLQ trong chu kỳ đánh giá	148
Bảng 10.6.1.	Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống	161
Bảng 11.1.1.	Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành QTKD của 6 khoá	165
Bảng 11.1.2.	Tỷ lệ NH thôi học ngành QTKD các khoá	166
Bảng 11.1.3.	Đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian TN trung bình với ngành	167
Bảng 11.1.4.	Đối sánh thời gian TN trung bình với ngành QTKD	167
Bảng 11.2.1.	Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành QTKD	169
Bảng 11.3.1.	Thống kê môi trường làm việc của NH tốt nghiệp	171
Bảng 11.4.1.	Thống kê hoạt động NCKH của NH ngành QTKD và các ngành khác của khoa	174

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Trong nhiều năm qua, nhằm khẳng định thương hiệu, Trường Đại học (ĐH) Tân Tạo (ĐHTT) đã đẩy mạnh các hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) đào tạo (ĐT) như: thực hiện cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiếp cận Giáo dục dựa trên CĐR, điều chỉnh các nguồn lực, định kỳ rà soát và cập nhật CTĐT, thực hiện TĐG và đăng ký đánh giá ngoài CTĐT. Chất lượng ĐT là mối quan tâm hàng đầu của người học, phụ huynh và toàn xã hội, là yếu tố quan trọng trong hội nhập quốc tế. Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã yêu cầu các trường ĐH nâng cao chất lượng ĐT với mục đích đáp ứng nhu cầu nhân lực thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa, quốc tế hóa. Ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) xây dựng báo cáo TĐG CTĐT, gồm 04 phần:

Phần I: Khái quát: Mô tả tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG theo các tiêu chuẩn, mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các BLQ.

Phần II: TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là: (1) Mô tả, phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể, (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT, (3) Điểm tồn tại, (4) Kế hoạch hành động và (5) TĐG.

Phần III: Kết luận các vấn đề TĐG CTĐT ngành QTKD: mô tả tóm tắt các điểm mạnh, điểm tồn tại, các giải pháp cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả TĐG ngành QTKD theo các tiêu chuẩn.

Phần IV: Phụ lục bao gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG: Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách, Kế hoạch TĐG, Tổng hợp kết quả TĐG, Cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT ngành QTKD, và Danh mục minh chứng.

Nội dung các tiêu chuẩn kể trên hướng đến:

Báo cáo TĐG CTĐT ngành QTKD được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, trong đó:

- Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy - học, đánh giá về Kết quả học tập (KQHT) của người học (NH).

- Tiêu chuẩn 6, 7 TĐG về đội ngũ cán bộ (CB), GV (GV) và đội ngũ nhân viên (NV).

- Tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH.

- Tiêu chuẩn 9 về CSVC và trang thiết bị.

- Tiêu chuẩn 10 nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học.
- Tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của CTĐT.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường ĐHTT.

Quá trình TĐG giúp Trường nói chung và Khoa nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành QTKD, hiệu quả hoạt động ĐT, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng ĐT, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành QTKD.

Hoạt động TĐG cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động ĐT, NCKH, PVCD theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với TLGD, tầm nhìn, SM và GTCL của Trường và chiến lược của Khoa.

Phạm vi tự đánh giá: đánh giá CTĐT trình độ ĐH ngành QTKD của Trường ĐHTT theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDDH), ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Giai đoạn đánh giá: 5 năm (từ 01/9/2019 đến 31/08/2024).

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG

Hội đồng TĐG được thành lập theo quyết định của Ban Giám hiệu nhà trường, bao gồm các lãnh đạo khoa, giảng viên, và nhân viên có năng lực chuyên môn phù hợp. Ban Thư ký được chỉ định để hỗ trợ Hội đồng trong các công tác thu thập tài liệu, lập danh mục minh chứng và tổ chức các cuộc họp.

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG

Kế hoạch tự đánh giá bao gồm mục tiêu, lịch trình thực hiện, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng. Thời gian thực hiện được xác định chi tiết để đảm bảo hoàn thành báo cáo đúng hạn, từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024.

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng

Các minh chứng được thu thập từ các nguồn: kết quả khảo sát sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng; các báo cáo kết quả học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học; và cơ sở vật

chất liên quan. Sau đó được phân loại và đánh giá để đảm bảo độ tin cậy và phù hợp với từng tiêu chí.

Bước 4: Viết báo cáo TĐG

Báo cáo được xây dựng theo cấu trúc quy định, bao gồm phần khái quát, tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn/tiêu chí, và các kế hoạch hành động khắc phục. Nội dung báo cáo tập trung phân tích điểm mạnh, điểm tồn tại và nguyên nhân, đồng thời đưa ra kế hoạch cải tiến.

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG

Báo cáo được gửi đến các thành viên Hội đồng tự đánh giá và các chuyên gia tư vấn để rà soát, đảm bảo tính chính xác, logic và phù hợp với nội hàm tiêu chí. Sau khi nhận góp ý, báo cáo được chỉnh sửa và hoàn thiện trong khoảng thời gian từ tháng 7/2024 đến tháng 10/2024.

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Hồ sơ tự đánh giá hoàn chỉnh, bao gồm báo cáo và danh mục minh chứng, được nộp cho Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục Sài Gòn vào tháng 11/2024.

Hội đồng tự đánh giá tiếp tục phối hợp với Trung tâm trong quá trình thẩm định để giải đáp và bổ sung thông tin khi cần.

Phương pháp TĐG chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2019 - 2024, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí KĐCL.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số, cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau:

Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4.

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8.

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

Công cụ TĐG: Bản “*Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QTKD*” là sản phẩm của một quá trình TĐG khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành QTKD, Khoa Kinh tế và QTKD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT (Thông tư 04/2016/TT- BGDĐT).

Trường đã ban hành Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27/11/2023 về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành QTKD. Ban thư ký thuộc Hội đồng TĐG đã được tập huấn, hướng dẫn chi tiết quy trình TĐG và viết báo cáo, các nhóm công chuyên trách tác chịu trách nhiệm một số tiêu chuẩn được phân công. Các phòng ban có liên quan huy động toàn bộ nguồn lực GV, NH để hỗ trợ thực hiện các bước quy trình TĐG. Để triển khai TĐG, Phòng KT-BĐCL tiến hành họp phổ biến kế hoạch tiến độ chi tiết và phân công rõ ràng từng mảng công việc như: điều tra khảo sát các BLQ, thu thập, phân loại, mã hóa MC, viết báo cáo tiêu chí, dự thảo báo cáo TĐG, sắp xếp MC. Ngoài ra, các đơn vị thuộc Trường cung cấp số liệu, thông tin MC cần thiết khi có yêu cầu từ Phòng KT-BĐCL

2. Tổng quan chung

Trường ĐHTT được thành lập theo quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ, là trường ĐH (tư thục) được thành lập ở Đức Hòa - Long An. Năm học 2012-2013 trường có 05 khoa ĐT, 10 phòng chức năng và là năm đầu tiên Trường thực hiện ĐT 10 ngành. Tính đến năm 2024, Trường hiện có 5 ngành ĐT ĐH được tổ chức thành 8 nhóm ngành, phát triển cân đối. Trường đã cung cấp cho xã hội 75 cử nhân và 262 bác sĩ. Ngoài ra, Trường đã công bố SM, tầm nhìn, mục tiêu trên website của trường, cho toàn thể NV, GV, NH và PH.

2.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: *“Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình GDDH của Mỹ, Trường ĐHTT khuyến khích suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng về ngôn ngữ. Trường ĐHTT sẽ ĐT nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo”*. Sứ mệnh của Trường ĐHTT phù hợp với các nguồn lực về nhân lực, vật lực và tài lực của Trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Long An và cả nước trong cung cấp nguồn nhân lực y tế chất lượng cao cho đất nước, đáp ứng sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Tầm nhìn: *“Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường đại học nổi tiếng của khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền*

tăng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên Thế giới”.

Giá trị cốt lõi: “*Trách nhiệm – Hợp tác – Nỗ lực – Chất lượng – Sáng tạo – Tôn trọng – Lãnh đạo*”

- *Trách nhiệm*: với bản thân, gia đình, cộng đồng trong nước và quốc tế
- *Hợp tác*: trong mọi hoạt động
- *Nỗ lực*: đề cao hướng tới việc xây dựng một ĐHTT phát triển bền vững
- *Chất lượng*: đạt chuẩn trong nước và quốc tế
- *Sáng tạo*: sự khác biệt có giá trị
- *Tôn trọng*: bản thân, các quyền của cộng đồng
- *Lãnh đạo*: bản thân, nhóm và tổ chức/doanh nghiệp

Triết lý giáo dục: Trường đã xây dựng và ban hành TLGD vào năm 2021 với nội dung: “*Khai phóng - Học suốt đời*”. Triết lý giáo dục của Trường hướng đến ĐT nguồn nhân lực có tính sáng tạo, tư duy logic, có tinh thần học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo.

2.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, NH và các hoạt động của Trường

2.3.1. Đội ngũ cán bộ giảng viên

Tính đến tháng 08/2024, Trường có 08 phòng, 02 ban, 06 khoa và 02 trung tâm trực thuộc. Tổng số CB, GV và NV của trường 126 người, trong đó GV cơ hữu 64 người, CB NV 62 người. Phân loại GV cơ hữu theo trình độ, Trường có 01 GS, 06 PGS, 26 TS/BSC2, 26 ThS/BSC1 và 02 cử nhân.

2.3.2. Hoạt động đào tạo

Tổng số NH của trường là 544 NH thuộc 10 ngành ĐT trình độ ĐH chính quy. Khoa KT-QTKD chịu trách nhiệm ĐT 04 ngành (QTKD, Kinh doanh quốc tế, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng) với 149 NH đang học, trong đó ngành QTKD có 63 NH đang học.

2.3.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trường rất chú trọng công tác NCKH và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng ĐT của Trường. Từ năm 2019 tới nay, Trường có 21 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu. Trong năm 2024, Trường có 4 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Trường đã có 22 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, 5 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước. Bên cạnh đó, NCKH trong NH được quan tâm, có 02 đề tài NH được nghiệm thu, 39 bài báo NH tham gia xuất bản và một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi KH&CN.

Hàng năm, Trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của GV, CB viên chức và SV. Tính đến nay, Trường có 20 báo cáo khoa

học cấp trường. Năm 2024 có 8 Báo cáo khoa học cấp Trường.

2.3.4. Hoạt động phục vụ cộng đồng

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác khác đã giúp hàng trăm NH có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và ĐT nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương, các tổ chức đoàn thể. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Hàng năm, phòng CTNH-HTDN phối hợp Tỉnh Đoàn Long An tổ chức NH tham gia Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè, Chiến dịch Hoa Phượng Đỏ tại các vùng sâu, khó khăn trên địa bàn tỉnh Long An. Nhiều hoạt động ý nghĩa thiết thực đã được thực hiện thu hút đông đảo sự tham gia, hưởng ứng của đoàn viên học sinh và người dân như Thực hiện công trình Đường hoa Thanh niên, sân chơi “Mùa hè yêu thương” nâng cao kỹ năng tiếng Anh cho đoàn viên, học sinh. Bên cạnh đó, Trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

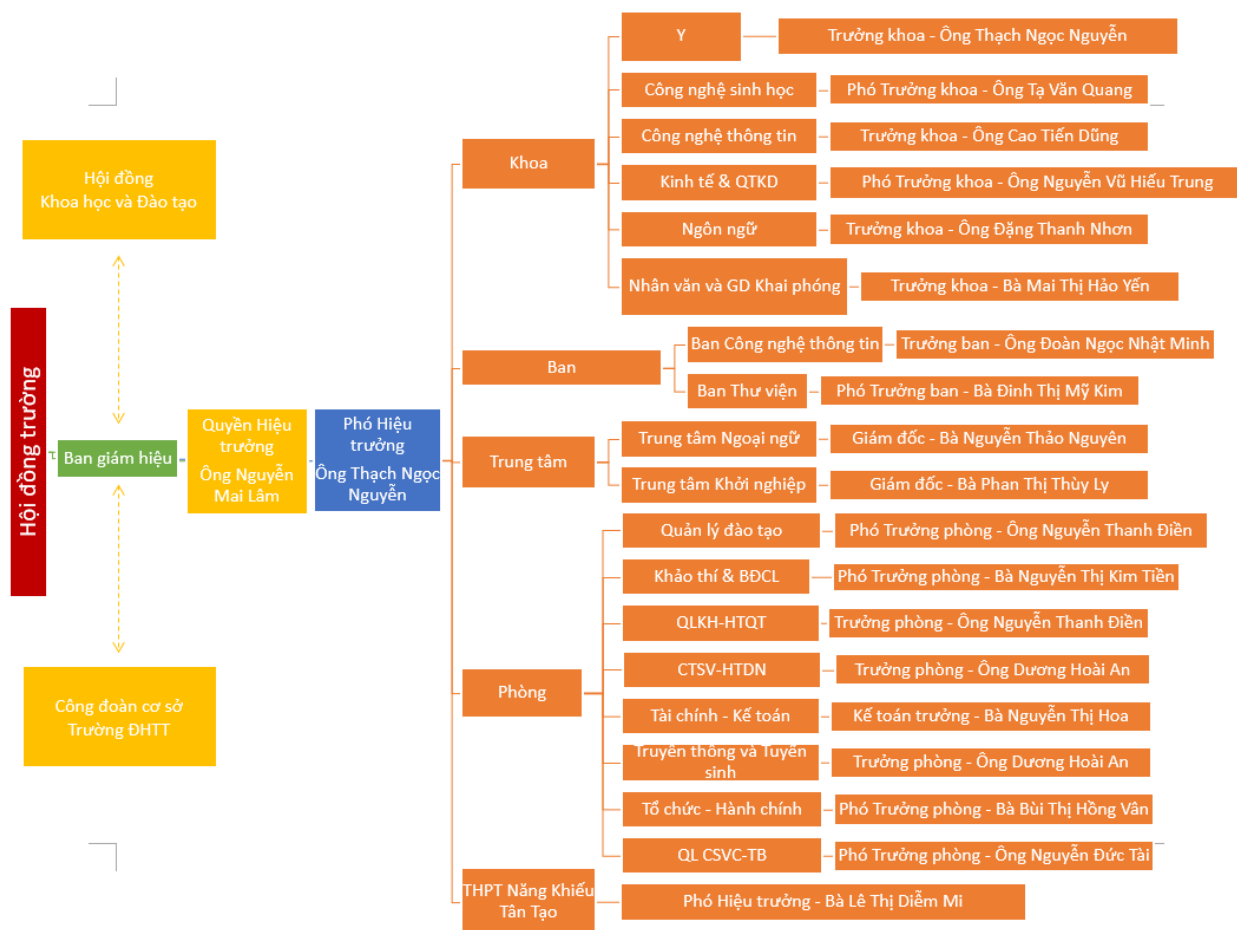
2.3.5. Hoạt động quan hệ hợp tác, đối tác

Trường ĐHTT luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các bệnh viện, trung tâm y tế, các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể CBVC và các tổ chức đoàn thể của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Tỉnh Đoàn Long An, Huyện Đoàn Đức Hòa, Công Đoàn các khu công nghiệp tỉnh Long An.

2.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tân Tạo

2.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường



Hình 1.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường Đại học Tân Tạo

2.4.2. Giới thiệu về Khoa KT-QTKD

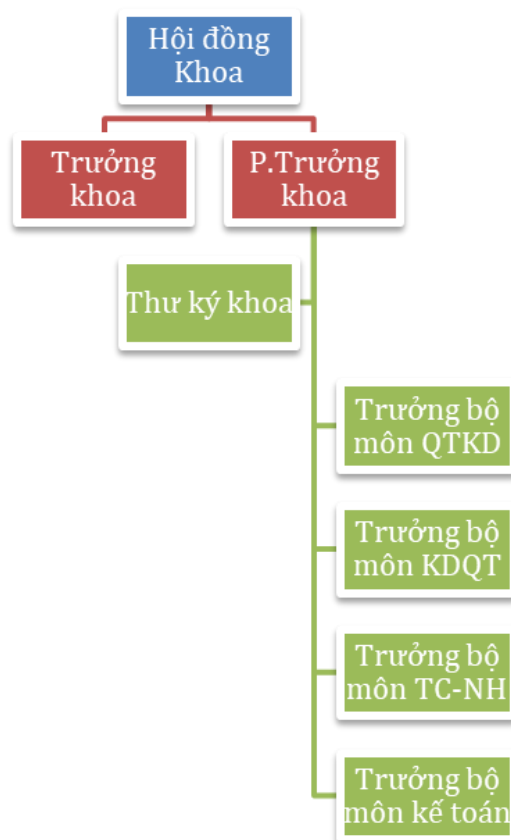
Khoa KT-QTKD được thành lập vào ngày 25 tháng 02 năm 2011 theo quyết định số 784/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Đây là một trong những khoa đầu tiên của Trường ĐHTT, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng giáo dục ĐT theo chuẩn quốc tế cho các ngành QTKD tại Việt Nam.

Từ khi thành lập, Khoa KT-QTKD đã phát triển mạnh mẽ với 4 ngành ĐT chính: QTKD, Kinh doanh quốc tế, Tài chính ngân hàng, và Kế toán. Chương trình ĐT của Khoa được xây dựng dựa trên mô hình giáo dục khai phóng (liberal arts education) của ĐH Duke, Hoa Kỳ, giúp NH tiếp cận với kiến thức đa ngành và phát triển tư duy độc lập, sáng tạo.

Từ năm 2011 đến năm 2021, Khoa KT-QTKD tập trung ĐT cử nhân QTKD với chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, nhằm chuẩn bị cho NH khả năng hội nhập quốc tế. Từ năm 2022, Khoa mở rộng thêm CTĐT bằng tiếng Việt với mục tiêu ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển kinh tế đất nước và xã hội hóa giáo dục, giúp tiếp cận được nhiều đối tượng NH hơn.

Đội ngũ GV phục vụ ĐT của Khoa KT-QTKD gồm 08 người trong đó 06 GV có

trình độ ThS và 02 GV có trình độ TS.



Hình 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa KT-QTKD

Chính sách chất lượng của Khoa KT-QTKD

Khoa KT-QTKD cam kết: ĐT những nhà lãnh đạo kinh doanh có tư duy chiến lược, sáng tạo và có khả năng lãnh đạo toàn cầu, đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và xã hội. Chúng tôi hướng đến mục tiêu ĐT NH thành các chuyên gia kinh doanh có khả năng thích ứng và phát triển trong môi trường kinh doanh toàn cầu và đa văn hóa với các tiêu chí:

(1) Đào tạo theo CĐR: CTĐT của Khoa KT-QTKD tuân thủ các tiêu CĐR quốc tế và địa phương, với phương pháp dạy và học cập nhật, đảm bảo NH có kiến thức và kỹ năng thực tiễn phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

(2) Phát triển năng lực GV: Khoa cam kết nâng cao năng lực của đội ngũ GV thông qua ĐT liên tục, cải tiến PPGD và đánh giá, nhằm tạo môi trường học tập trung tâm là NH, khuyến khích tính chủ động và sáng tạo.

(3) Ứng dụng công nghệ và ngoại ngữ: Tích cực áp dụng CNTT và ngoại ngữ trong quá trình ĐT và QL, để đáp ứng yêu cầu của thời đại số và hội nhập quốc tế, tăng cường khả năng giao tiếp và hợp tác quốc tế của NH.

(4) Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao: Đảm bảo NH tốt nghiệp từ Khoa có khả năng chuyên môn cao, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, và ý thức trách nhiệm với cá

nhân, tổ chức, và cộng đồng. NH sẽ có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm một cách hiệu quả.

(5) Môi trường làm việc minh bạch và công khai: Xây dựng một môi trường làm việc công bằng, công khai, minh bạch và văn minh nơi mọi thành viên của Khoa, từ NH đến GV và NV, có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân, được khuyến khích sáng tạo, và đóng góp vào sự phát triển chung của Khoa và Trường

Triết lý giáo dục: Khoa KT-QTKD lấy triết lý "Nuôi dưỡng tinh thần doanh nhân, trang bị kiến thức toàn cầu, tạo ra giá trị bền vững" làm nền tảng, cam kết ĐT NH không chỉ để thành công trong sự nghiệp mà còn để trở thành công dân toàn cầu có trách nhiệm và đạo đức.

Chính sách trên phản ánh cam kết của Khoa trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐT NH không chỉ để đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội trong tương lai.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Khoa KT-QTKD sẽ là đơn vị ĐT uy tín trong lĩnh vực kinh doanh và kinh tế tại Việt Nam, phát triển nguồn nhân lực có tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo toàn cầu và sáng tạo trong kinh doanh, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Sứ mệnh:

Cung cấp nền tảng tri thức vững chắc và kỹ năng cần thiết để phát triển các nhà lãnh đạo và chuyên gia kinh doanh có trách nhiệm và sáng tạo.

Vị trí việc làm của NH tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, NH của chương trình QTKD có khả năng làm việc trong môi trường kinh doanh toàn cầu, đa dạng ngành nghề và có cơ hội đi du học hoặc làm việc tại các công ty đa quốc gia. Các vị trí việc làm bao gồm, nhưng không giới hạn ở:

(i) Chuyên viên phân tích kinh doanh, dự báo và tư vấn chính sách.

(ii) Chuyên gia trong các lĩnh vực như quản trị nguồn nhân lực, tài chính, và chiến lược kinh doanh.

(iii) Nhân viên và lãnh đạo chủ chốt từ cấp cơ sở tới cấp cao tại các tổ chức đa quốc gia.

(iv) Khởi nghiệp với khả năng làm chủ và điều hành doanh nghiệp riêng.

(v) Giảng viên ngành QTKD.

Với nền tảng giáo dục chuyên sâu và kỹ năng thực tiễn, NH có thể dễ dàng thích nghi và phát triển sự nghiệp trong môi trường kinh doanh đang ngày càng toàn cầu hóa và cạnh tranh.

Mục tiêu:

Chương trình QTKD tại Đại học Tân Tạo hướng đến việc phát triển nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng nhu cầu kinh tế xã hội và môi trường kinh doanh quốc tế. Điều này liên kết chặt chẽ với TN và sứ mệnh của trường cũng như của khoa Kinh tế - QTKD.

Giáo dục đại cương (PO1-PO2): Cung cấp nền tảng kiến thức về khoa học xã hội, tự nhiên, nhân văn và an ninh quốc phòng. Nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng tư duy độc lập và nhận thức rõ trách nhiệm xã hội.

Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (PO3-PO6): Sinh viên được trang bị ngoại ngữ và công nghệ thông tin, cùng kiến thức chuyên sâu về QTKD, hướng đến hội nhập quốc tế và phát triển ngành.

Kỹ năng cứng và mềm (PO7-PO11): Phát triển các kỹ năng như phân tích, đánh giá, giao tiếp, lãnh đạo và làm việc nhóm, thúc đẩy năng lực lãnh đạo và phát triển cá nhân.

Thái độ và đạo đức nghề nghiệp (PO12-PO15): Nuôi dưỡng trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức và kỷ luật, phù hợp với các giá trị cốt lõi của trường như trách nhiệm, sáng tạo và tôn trọng.

Chương trình TĐG định kỳ nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc gia. Các điểm mạnh bao gồm tính phù hợp của mục tiêu với TN và sứ mệnh, cùng sự đồng bộ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, cần đa dạng hóa đối tượng khảo sát và tăng cường tần suất các hội thảo về chương trình đào tạo. Qua việc rà soát, điều chỉnh liên tục, chương trình QTKD đáp ứng yêu cầu thực tế của thị trường lao động và hội nhập quốc tế, đảm bảo sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp để đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng kinh tế xã hội.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu và CĐR của một CTĐT là một trong các thông số thể hiện sự gắn kết trường ĐH, ngành ĐT với nhu cầu ĐT của XH. Do đó, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành được xây dựng dựa trên SM, tầm nhìn, GTCL, TLGD, chiến lược dài hạn của Trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của GDDH đã quy định tại Luật GDDH và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học phải đạt được sau khi ra Trường được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt, phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CĐR này. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở GDDH, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, cụ thể: CTĐT ngành QTKD đã thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT trong Quyết định số 784 /QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường ĐHTT ĐT hệ chính quy trình độ ĐH ngành QTKD, quyết định ban hành CTĐT của Hiệu trưởng Trường các năm 2019, 2021, 2022 [H1.01.01.01], Bản mô tả CTĐT năm 2022 và Đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần (HP) từ khi mở ngành năm 2011, các năm 2019, 2021, 2022. Mục tiêu CTĐT được thể hiện rõ ràng, cụ thể, có sự liên kết, tính đáp ứng của các CĐR CTĐT, mục tiêu và CĐR HP [H1.01.01.02].

Tóm tắt:

Năm	Nội dung chính của CTĐT	Lý do không/thay đổi
2019	Giữ nguyên cấu trúc và nội dung từ phiên bản 2011.	Bối cảnh thị trường ổn định, chưa có yêu cầu lớn về thay đổi nội dung đào tạo.
2021	Giữ nguyên cấu trúc và nội dung từ phiên bản 2019.	Tăng cường áp dụng thực tiễn trong giảng dạy nhưng không thay đổi nội dung cốt lõi.
2022	Điều chỉnh để triển khai hệ song ngữ, bổ sung kỹ năng số hóa, bền vững và trách nhiệm xã hội.	Đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế, mở rộng đối tượng học viên, và cải thiện tính ứng dụng của CTĐT trong bối cảnh hiện đại.

Về mục tiêu của CTĐT ngành QTKD bao gồm mục tiêu chung (đã được bổ sung từ năm 2019 và điều chỉnh vào năm 2022) và mục tiêu cụ thể được điều chỉnh phiên bản năm 2022 (đã được điều chỉnh từ năm 2019 và không đổi cho tới hiện nay) như sau:

Về mục tiêu chung:

Hiện trạng

Chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh của trường Đại học Tân Tạo (TTU) được xây dựng với mục tiêu trang bị cho người học kiến thức lý thuyết nền tảng và kỹ năng thực hành vững chắc, đáp ứng nhu cầu nhân lực có chất lượng cao trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đồng thời, chương trình cũng hướng đến phát triển các phẩm chất cá nhân, khả năng tư duy độc lập và tinh thần khởi nghiệp sáng tạo của người học.

1. Phân tích sự thay đổi mục tiêu chung qua các giai đoạn (2019, 2021 và 2022):

Giai đoạn 2019-2021:

Trong giai đoạn này, chương trình đào tạo ngành QTKD chỉ được giảng dạy bằng tiếng Anh, tập trung vào việc đào tạo nguồn nhân lực có khả năng hội nhập quốc tế, đặc biệt phù hợp với đối tượng học sinh có định hướng làm việc trong môi trường doanh nghiệp nước ngoài và đa quốc gia, hướng đến phát triển năng lực ngoại ngữ, kỹ năng chuyên môn, và khả năng làm việc trong môi trường toàn cầu. Điều này dẫn đến phạm vi tiếp cận còn hẹp, hạn chế đối tượng học sinh trong khu vực, đặc biệt là nhóm học sinh gặp khó khăn về khả năng tiếng Anh.

Giai đoạn 2022:

Nhận thấy nhu cầu mở rộng và đáp ứng nguồn nhân lực địa phương, từ năm 2022, khoa KT-QTKD bổ sung chương trình đào tạo hệ tiếng Việt, mở rộng đối tượng tuyển sinh trong tỉnh Long An và các vùng lân cận. Sự điều chỉnh này không chỉ đáp ứng nhu cầu tiếp cận giáo dục chất lượng cao của học sinh trong khu vực mà còn phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của nhà trường: đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội trong tỉnh Long An và các khu vực lân cận, tạo điều kiện tiếp cận giáo dục đại học cho học sinh có mong muốn học tập tại một môi trường đào tạo hiện đại nhưng phù hợp hơn về ngôn ngữ, đồng thời, xây dựng và phát triển TTU trở thành trung tâm đào tạo và cung cấp nhân tài chủ lực trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phân tích mục tiêu chung theo định hướng chiến lược:

Mục tiêu chung của chương trình thể hiện cam kết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với sứ mạng của trường Đại học Tân Tạo là trở thành "cái nôi đào tạo nhân tài và lãnh đạo trong khu vực và trên toàn cầu." Trong bối cảnh tỉnh Long An phát triển mạnh về công nghiệp

và nông nghiệp công nghệ cao, nhu cầu nhân lực về quản trị kinh doanh có khả năng làm việc thực tiễn ngày càng gia tăng. Mục tiêu của chương trình tập trung trang bị cho sinh viên kỹ năng khởi nghiệp và năng lực thực hành, giúp họ đáp ứng tốt yêu cầu của các doanh nghiệp và tổ chức trong khu vực. Việc duy trì song song chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh và tiếng Việt không chỉ mở rộng đối tượng học sinh mà còn đảm bảo sự hội nhập quốc tế, giúp sinh viên linh hoạt trong môi trường làm việc đa dạng.

3. Kế hoạch hành động (KHHĐ):

Thời gian thực hiện:

Tháng 1/2024: Rà soát và đánh giá các mục tiêu của chương trình hiện tại so với nhu cầu thực tế địa phương và quốc tế.

Tháng 3/2024: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến từ các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên).

Tháng 6/2024: Hoàn thiện mô tả và phân tích các mục tiêu mới, tập trung vào hệ đào tạo song ngữ và chiến lược địa phương hóa.

Tháng 8/2024: Ban hành mục tiêu chính thức và công bố trên các kênh thông tin của khoa.

Trách nhiệm thực hiện: Ban chủ nhiệm khoa và tổ cải tiến chương trình.

Kết quả mong đợi: Mô tả mục tiêu chung rõ ràng, có tính giải thích và đối sánh giữa các giai đoạn.

Minh chứng: Báo cáo hội thảo, biên bản góp ý, quyết định điều chỉnh mục tiêu chung của CTĐT.

Về mục tiêu cụ thể:

i) Về kiến thức:

PO1: Vận dụng cơ bản các kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành QTKD - đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

PO2: Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế, có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp lưu loát với du khách, đối tác, đồng nghiệp sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

PO3: NH có kiến thức về cơ sở ngành QTKD, có hiểu biết về những vấn đề của kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, quản trị làm nền tảng để hiểu sâu hơn về kiến thức chuyên ngành và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn, cũng như ứng dụng vào thực tế công việc QTKD.

PO4: Vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành về QTKD như Xây dựng chiến lược kinh doanh, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị rủi ro... Giúp QL và điều hành Doanh nghiệp hoạt động và phát triển bền vững trong thời đại mới.

PO5: NH có tư duy logic, tư duy phản biện trong việc đầu tư, đưa ra quyết định kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo nhằm sử dụng, QL có hiệu quả mọi nguồn lực của Doanh nghiệp, đem lại kết quả cao nhất trong kinh doanh.

PO6: NH có thái độ làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng và tác phong làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm và đạo đức trong công việc, có tinh thần ham muốn học hỏi và học tập suốt đời.

ii) Về kỹ năng:

PO7: NH có kỹ năng tư duy nhận thức, phân tích, đánh giá, dự báo một cách khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô, nhằm có thể đưa ra các đề xuất, giải pháp đúng đắn và phù hợp trong việc thực hiện, điều hành và QL doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay.

PO8: NH có kỹ năng Quan hệ xã hội, có kỹ năng lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm soát các nguồn lực trong tổ chức để đưa ra quyết định, đạt được mục tiêu trong môi trường làm việc luôn thay đổi.

PO9: Có kỹ năng tự ĐT để thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thực tiễn công tác, biết vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

P10: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và đàm phán trong kinh doanh.

P11: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột, mâu thuẫn, kỹ năng QL thời gian.

iii) Về mức độ tự chủ trách nhiệm nghề nghiệp:

PO12: Có ý thức trách nhiệm và có hoài bão về nghề nghiệp được ĐT.

PO13: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

PO14: Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt.

PO15: Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhằm định hướng rõ ràng SM đã đề ra, MTĐT của Khoa, ngành QTKD được thiết kế phù hợp với SM và TN của CSGD. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT ngành QTKD, Hội đồng Khoa học và ĐT của Khoa của Trường đã bám sát vào tầm nhìn, SM của Trường và của Khoa để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.03].

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh được xây dựng và phát triển nhằm đáp ứng sứ mạng và tầm nhìn của cả trường và khoa, cụ thể:

Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành QTKD

Mục tiêu của CTĐT	Sự phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn
1. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao	Phù hợp với sứ mạng của trường trong việc cung cấp nhân lực có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.
2. Phát triển kỹ năng khởi nghiệp và tư duy sáng tạo	Hỗ trợ tầm nhìn của khoa trong việc tạo ra những nhà khởi nghiệp và nhà quản lý có khả năng thích ứng và đổi mới trong môi trường kinh tế.
3. Trang bị kiến thức toàn diện và kỹ năng thực hành	Đáp ứng tầm nhìn của trường và khoa trong việc kết hợp lý thuyết và thực tiễn, đào tạo sinh viên sẵn sàng làm việc và hội nhập thị trường lao động.
4. Mở rộng tiếp cận đào tạo thông qua hệ tiếng Việt	Phù hợp với sứ mạng của trường trong việc mở rộng đối tượng học sinh, đào tạo nhân tài cho tỉnh Long An và vùng đồng bằng sông Cửu Long.
5. Xây dựng môi trường học tập chuẩn quốc tế	Liên kết với tầm nhìn của trường nhằm trở thành trung tâm đào tạo chuẩn quốc tế, nâng cao khả năng hội nhập và cạnh tranh của sinh viên.

Về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Mục tiêu của CTĐT hướng đến việc cung cấp cho sinh viên khối kiến thức quản trị kinh doanh hiện đại, kết hợp kỹ năng thực hành và các phẩm chất như tính kỷ luật, tư duy phản biện, và khả năng giao tiếp hiệu quả. Đây là nền tảng để sinh viên đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Long An và khu vực lân cận.

Về mở rộng tiếp cận đào tạo: Phiên bản mục tiêu của năm 2022, với việc bổ sung hệ đào tạo bằng tiếng Việt, phù hợp với định hướng phát triển của trường nhằm trở thành "cái nôi đào tạo nhân tài" cho tỉnh Long An. Điều này giúp mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao đến đông đảo học sinh trong khu vực, đồng thời giữ vững chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế.

Về phát triển khả năng khởi nghiệp và hội nhập: Mục tiêu của chương trình đặc biệt chú trọng vào việc phát triển kỹ năng khởi nghiệp và tư duy sáng tạo, giúp sinh viên trở thành những nhà quản lý tiềm năng và doanh nhân sáng tạo. Đây là yếu tố then chốt

trong việc hiện thực hóa tầm nhìn của khoa về đào tạo nhân lực có khả năng thích ứng nhanh với môi trường kinh doanh toàn cầu hóa.

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành QTKD không chỉ bám sát sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHTT mà còn thể hiện rõ định hướng phát triển của khoa KT-QTKD. Sự bổ sung và mở rộng mục tiêu trong năm 2022 khẳng định cam kết của trường trong việc mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương và xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu xã hội, chiến lược phát triển của Trường và Luật GDĐH. Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành QTKD với mục tiêu GDĐH của Luật GDĐH được thể hiện ở bảng 1.1.2. **[H1.01.01.03]**.

Bảng 1.1.2. Sự tương thích giữa MTĐT ngành QTKD với Luật GDĐH

Luật Giáo dục ĐH	MTĐT của ngành QTKD
Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.	Kiến thức
	PO1: NH có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, đáp ứng được yêu cầu công việc trong môi trường kinh doanh quốc tế.
	PO2: Vận dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kinh tế, có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp lưu loát với khách nước ngoài, đối tác, đồng nghiệp sử dụng tiếng Anh đáp ứng vị trí công việc trong môi trường hội nhập quốc tế.
	PO3: NH có kiến thức về cơ sở ngành QTKD, có hiểu biết về những vấn đề của kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, quản trị làm nền tảng để hiểu sâu hơn về kiến thức chuyên ngành và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn, cũng như ứng dụng vào thực tế công việc QTKD
PO4: Vận dụng tốt kiến thức chuyên ngành về QTKD như Xây dựng chiến lược kinh doanh, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị rủi ro... Giúp	

Luật Giáo dục ĐH	MTĐT của ngành QTKD
	QL và điều hành Doanh nghiệp hoạt động và phát triển bền vững trong thời đại mới.
	PO5: NH có tư duy logic, tư duy phản biện trong việc đầu tư, đưa ra quyết định kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo nhằm sử dụng, QL có hiệu quả mọi nguồn lực của Doanh nghiệp, đem lại kết quả cao nhất trong kinh doanh.
	PO6: NH có thái độ làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng và tác phong làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm và đạo đức trong công việc, có tinh thần ham muốn học hỏi và học tập suốt đời.
	Kỹ năng
Đào tạo trình độ ĐH để NH có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được ĐT.	PO7: NH có kỹ năng tư duy nhận thức, phân tích, đánh giá, dự báo một cách khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô, nhằm có thể đưa ra các đề xuất, giải pháp đúng đắn và phù hợp trong việc thực hiện, điều hành và QL doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay
	PO8: NH có kỹ năng quan hệ xã hội, có kỹ năng lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm soát các nguồn lực trong tổ chức để đưa ra quyết định, đạt được mục tiêu trong môi trường làm việc luôn thay đổi
	PO9: Có kỹ năng tự ĐT để thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thực tiễn công tác, biết vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp
	PO10: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và đàm phán trong kinh doanh.
	PO11: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột, mâu thuẫn, kỹ năng QL thời gian.
	Mức tự chủ và trách nhiệm

Luật Giáo dục ĐH	MTĐT của ngành QTKD
Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân.	PO12: Có ý thức trách nhiệm và có hoài bão về nghề nghiệp được ĐT.
	PO13: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
	PO14: Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt.
	PO15: Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu ĐT được cập nhật và điều chỉnh liên tục để đảm bảo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và xu hướng hội nhập quốc tế. Chương trình ĐT ngành QTKD đã được thiết kế để gắn kết chặt chẽ với mục tiêu chung của Khoa, phù hợp với kiến thức của thời đại. Khoa phối hợp với các đơn vị liên quan để tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ (GV, SV, NTD) nhằm hoàn thiện MTĐT và xây dựng định hướng phù hợp cho quá trình giảng dạy và học tập. NH đánh giá về sự phù hợp của CTĐT ngành QTKD thông qua thang đo Likert 5 mức độ, từ "*Rất không đồng ý*" đến "*Rất đồng ý*". Kết quả thống kê cho thấy, phần lớn MTĐT được NH đánh giá cao, với 12/15 mục tiêu đạt mức bình quân trên 4, bao gồm PO1, PO2, PO5, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13 và PO15. Các mục tiêu PO3, PO4 và PO14 có mức bình quân là 3,9, cho thấy chúng tiệm cận mức phù hợp và cần được cải thiện để nâng cao hiệu quả của chương trình. Cụm NH các khóa cũng đánh giá cao sự phù hợp của MTĐT, với mức đánh giá cao nhất là đối với các mục tiêu PO7 và PO10, cùng đạt 4,48. GV và NTD đánh giá cao các MTĐT của ngành QTKD, với mọi mục tiêu đều có mức bình quân từ 4,0 trở lên [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Mục tiêu của CTĐT được đối sánh với các trường ĐH uy tín trong nước (Trường ĐHTT) [H1.01.01.06]. Qua đó, mục tiêu của CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế [H1.01.01.07]. Mục tiêu CTĐT được công khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa [H1.01.01.08]. Qua kết quả của khảo sát các BLQ, đối sánh trong và ngoài nước, khoa có sự tổng hợp, phân tích về sự phù hợp, xu hướng nghề nghiệp làm cơ sở cải tiến mục tiêu CTĐT ngành QTKD, để ngành QTKD đáp ứng nhu cầu công việc thực tiễn [H1.01.01.09].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xây dựng rõ ràng, phù hợp với SM và TN đã được tuyên bố, phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành quản trị kinh doanh chưa được phân tích rõ ràng về sự phù hợp và mức độ đáp ứng đối với sứ mạng, tầm nhìn của trường và khoa. Sự thay đổi mục tiêu giữa các giai đoạn (2019, 2021, 2022) chưa được mô tả cụ thể và chưa làm rõ điểm khác biệt, đặc biệt là sự bổ sung hệ đào tạo bằng tiếng Việt từ năm 2022. Việc phổ biến mục tiêu CTĐT tuy đã triển khai nhưng chưa có đánh giá cụ thể về mức độ hiệu quả, chưa có khảo sát thường xuyên từ các bên liên quan như người học, nhà tuyển dụng và giảng viên để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Kế hoạch hành động

Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Kết quả mong đợi
1. Rà soát và chỉnh sửa mục tiêu chung của CTĐT để phù hợp với nội hàm tiêu chí.	Tháng 1/2024	Tổ rà soát CTĐT	Bản mô tả mục tiêu chung được điều chỉnh.
2. Tổ chức hội thảo lấy ý kiến từ giảng viên, sinh viên và nhà tuyển dụng về mục tiêu chung của chương trình.	Tháng 2/2024	Ban chủ nhiệm khoa	Biên bản hội thảo và ý kiến góp ý cụ thể.

Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Kết quả mong đợi
3. Hoàn thiện bản mục tiêu mới, cập nhật sự khác biệt giữa các giai đoạn 2019, 2021, 2022.	Tháng 3/2024	Tổ rà soát CTĐT, Hội đồng khoa	Báo cáo phân tích mục tiêu chi tiết.
4. Trình Hội đồng trường phê duyệt mục tiêu chung được điều chỉnh.	Tháng 4/2024	Ban chủ nhiệm khoa	Quyết định phê duyệt mục tiêu mới.
5. Công bố công khai mục tiêu mới trên website và tài liệu chính thức của khoa.	Tháng 5/2024	Ban truyền thông khoa	Mục tiêu mới được cập nhật và công bố rộng rãi.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với những yêu cầu quy định của Trường và Bộ GD&ĐT, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu đặc thù cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Trường đã ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT của Trường CT, đồng thời ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT và ĐCCT HP (01/KH-RO/2021). Sau khi vận hành các CTĐT nhằm giúp các khoa trong quá trình triển khai công tác được dễ dàng và thống nhất, Trường ra Văn bản Hướng dẫn “Xây dựng CĐR CTĐT, CĐR HP, CĐR bài học. Trường đã đưa ra các yêu cầu đối với CĐR, CĐR của CTĐT: Chuẩn kiến thức (kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành), Chuẩn kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm), Chuẩn mức độ tự chủ và trách nhiệm (phẩm chất đạo đức cá nhân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức XH), MTKN (Ma trận CĐR của CTĐT, Ngôn ngữ dùng cho CĐR, Năng lực nhận thức, lưu trữ thông tin liên quan đến CĐR). Trước mỗi đợt điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký và các Tổ Điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH. Các CĐR sau khi được rà soát đều được Trường ban hành năm 2019-2022. Chuẩn đầu ra

được thiết kế có tính hệ thống với mục tiêu cụ thể của CTĐT, bao gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ HP, 15 CĐR (5 CĐR kiến thức, 6 CĐR kỹ năng, 4 CĐR mức tự chủ và trách nhiệm) được thiết kế đã khái quát và đáp ứng toàn bộ yêu cầu mà mục tiêu cụ thể trong CTĐT đã xác định [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03]. Ngoài những yêu cầu chung, CĐR cũng đề cập đến những yêu cầu kiến thức chuyên môn, kiến thức lý thuyết chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, trình độ ngoại ngữ và tin học. Khoa cũng đã xây dựng ma trận kết nối giữa MTĐT và CĐR thể hiện ở Bảng 1.2.1, CĐR của CTĐT với yêu cầu CĐR của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam thể hiện ở Bảng 1.2.2 trong đó, có thể hiện rõ mỗi CĐR được kết nối với MTĐT nào và CĐR nào của Khung năng lực trình độ quốc gia.

Bảng 1.2.1. Ma trận kết nối mục tiêu (POs) và CĐR của CTĐT ngành QTKD

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (Learning outcomes): PLO														
	Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	PL O 1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O1 0	PL O1 1	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4	PL O1 5
PO1	x	x													
PO2		x	x							x	x				
PO3			x												
PO4				x											
PO5					x										
PO6												x		x	
PO7						x									
PO8							x	x							
PO9									x						
PO10									x						
PO11										x	x				
PO12												x			
PO13							x						x		x
PO14													x	x	
PO15															x

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, 2022)

Bảng 1.2.2. Ma trận kết nối giữa CDR CTĐT với Khung NLTDQG

NLTDQ G	CDR ngành QTKD														
	Kiến Thức					Kỹ năng						Tự chủ trách nhiệm			
	L O 1	L O 2	L O 3	L O 4	L O 5	L O 6	L O 7	L O 8	L O 9	L O 10	L O 11	L O 12	L O 13	L O 14	L O 15
KT 1	x	x	x	x	x										
KT 2	x	x													
KT 3			x								x				
KT 4				x	x										
KT 5				x	x										
KN 1					x	x	x	x	x	x	x				
KN 2							x								
KN 3					x			x	x						
KN 4								x							
KN 5									x	x	x				
KN 6											x	x			
TCTN 1												x			
TCTN 2															x
TCTN 3													x	x	
TCTN 4								x						x	x

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, 2022)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Chuẩn đầu ra được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP. Trong đó, mỗi CDR của các HP được thiết kế phải đóng góp vào việc đạt được một trong các CDR của CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, căn cứ vào MTKN (ma trận mục tiêu - CDR, CDR - Khung năng lực trình độ quốc gia). Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD thể hiện được các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi

tốt nghiệp. Ngoài ra, NH còn có khả năng theo học tiếp tục ở bậc học cao hơn với ngành QTKD và các ngành liên quan khác như: Kinh doanh quốc tế, Tài chính ngân hàng và Kế toán [H1.01.02.04]. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để đảm nhận các vị trí việc làm đa dạng trong tương lai. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong nhiều lĩnh vực như quản trị doanh nghiệp, nhân sự, tài chính, marketing và logistics. Cụ thể, các vị trí bao gồm chuyên viên phân tích kinh doanh, quản lý vận hành, quản lý dự án, và chuyên gia tư vấn chiến lược kinh doanh. Chương trình cũng tạo nền tảng cho những sinh viên muốn khởi nghiệp, xây dựng và quản lý doanh nghiệp riêng. Để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, chương trình chú trọng phát triển các kỹ năng như phân tích dữ liệu, giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy chiến lược và phản biện. Đồng thời, sinh viên được trang bị năng lực làm việc trong môi trường kinh doanh số và hội nhập quốc tế, mang đến cơ hội nghề nghiệp không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thị trường quốc tế. Hiện trạng cho thấy sự liên kết chặt chẽ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) trong ngành Quản trị Kinh doanh đã được xây dựng và thể hiện thông qua ma trận kỹ năng. Ma trận này đóng vai trò như một công cụ hệ thống hóa, giúp xác định rõ trách nhiệm của từng học phần trong việc đóng góp vào các mục tiêu tổng thể của chương trình đào tạo. Mỗi học phần được thiết kế để hỗ trợ một hoặc nhiều chuẩn đầu ra của chương trình, từ đó đảm bảo rằng tất cả các kỹ năng và kiến thức cần thiết cho sinh viên đều được cung cấp và phát triển một cách đồng bộ. Quá trình xây dựng ma trận kỹ năng dựa trên nguyên tắc liên kết các CLOs với PLOs theo mức độ đóng góp cụ thể. Các mức độ này bao gồm: nhận biết (mức 1), hiểu (mức 2), và ứng dụng (mức 3). Ví dụ, các học phần cơ bản như "Nhập môn Quản trị học" và "Kinh tế vi mô" chủ yếu đóng góp vào việc xây dựng nền tảng kiến thức ở mức độ nhận biết và hiểu. Trong khi đó, các học phần chuyên ngành như "Marketing căn bản" và "Mô phỏng kinh doanh" tập trung vào việc phát triển kỹ năng ứng dụng, giúp sinh viên giải quyết các vấn đề thực tế trong kinh doanh. Ngoài ra, ma trận kỹ năng được cập nhật định kỳ dựa trên phản hồi từ các bên liên quan, bao gồm nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và giảng viên, để đảm bảo tính phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Việc này không chỉ giúp đồng bộ hóa giữa chuẩn đầu ra của học phần và chương trình, mà còn hỗ trợ trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tế. Minh chứng cụ thể bao gồm các bản ma trận kỹ năng, đề cương chi tiết học phần, và biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo. Những tài liệu này thể hiện rõ sự liên kết logic và hiệu quả giữa các CLOs và PLOs, khẳng định chất lượng và tính ứng dụng của chương trình đào tạo.

Khoa đã thiết lập kế hoạch khảo sát nhu cầu của thị trường lao động trong vòng 5 năm và thu thập ý kiến của các BLQ về CĐR khi phát triển CTĐT. Qua quá trình thu thập và phân tích các ý kiến đóng góp, Khoa đã tiến hành rà soát và cập nhật CTĐT để đảm bảo các CĐR phù hợp với yêu cầu thực tế. Điều này không những giúp GV và NH mà còn giúp các doanh nghiệp hiểu rõ hơn và đánh giá chính xác chất lượng ĐT ngành QTKD của trường. Chuẩn đầu ra của ngành QTKD được NH đánh giá cao, với 9/15 CĐR (LO1, LO2, LO3, LO4, LO5, LO6, LO9, LO10, và LO11) có mức đánh giá bình quân trên 4. Điều này cho thấy phần lớn CĐR của ngành được NH đánh giá là phù hợp. Các CĐR còn lại (LO7, LO8, LO12, LO13, LO14, và LO15) cũng tiệm cận rất gần với mức phù hợp, với mức đánh giá bình quân khoảng hơn 3,9 trên thang đo Likert, nơi “4 = Đồng ý”. Kết quả từ khảo sát cựu NH cho thấy, mặc dù CĐR LO1 và LO6 chỉ đạt mức bình quân lần lượt là 3,92 và 3,96, điều này chỉ ra rằng cả hai CĐR này cần được điều chỉnh để nâng cao sự phù hợp. Đặc biệt, các CĐR liên quan đến tự chủ và trách nhiệm (LO12, LO13, LO14, và LO15) đều được đánh giá cao hơn mức 4,0, phản ánh sự phù hợp với MTĐT của Khoa và sự đánh giá cao từ phía doanh nghiệp. Tổng quan, 12/15 CĐR có mức bình quân cao hơn 4,5, cho thấy sự phù hợp chặt chẽ với yêu cầu của ngành và nhu cầu của thị trường. Trong đó, LO9, LO12, và LO13 là ba CĐR có mức đánh giá cao nhất, cho thấy tầm quan trọng của việc phát triển kỹ năng mềm và tự chủ trong ngành. Ngược lại, LO6, mặc dù được đánh giá là phù hợp, nhưng cần được ưu tiên cải thiện để nâng cao hơn nữa chất lượng ĐT, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của doanh nghiệp và xu hướng phát triển của ngành. **[H1.01.02.05]**.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT, CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường, chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của NH sau khi tốt nghiệp, được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Trường, Khoa khảo sát ý kiến của các BLQ về CĐR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo chưa được đối sánh và phân tích đầy đủ với các chương trình đào tạo tương tự ở các trường đại học trong nước và quốc tế để đảm bảo tính cập nhật, hội nhập và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Việc xác định và đánh giá mức độ phù hợp của CĐR với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và nhu cầu của nhà tuyển dụng chưa được thực hiện một cách hệ thống và định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện (TGTH/HT)	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tháng 1/2024: Kiện toàn mạng lưới cựu người học (NH), xây dựng cơ sở dữ liệu liên hệ.	Khoa KT-QTKD, Phòng CTSV&HTDN	Tháng 1/2024 – Tháng 3/2024	Phối hợp các phòng ban
		- Tháng 4/2024: Tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu NH và nhà tuyển dụng (NTD) về chuẩn đầu ra (CĐR).	Khoa KT-QTKD	Tháng 4/2024 – Tháng 5/2024	Thực hiện khảo sát
		- Tháng 6/2024: Tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và xây dựng báo cáo đánh giá.	Khoa KT-QTKD	Tháng 6/2024	Báo cáo kết quả khảo sát
		- Tháng 8/2024: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp từ cựu NH và NTD về CĐR của CTĐT ngành QTKD.	Khoa KT-QTKD	Tháng 8/2024	Hội thảo đánh giá CĐR
2	Phát huy điểm mạnh	- Tháng 10/2024: Rà soát và cập nhật chuẩn đầu ra (CĐR) đảm bảo phản ánh mục tiêu của chương trình.	Khoa KT-QTKD, Hội đồng khoa	Tháng 10/2024 – Tháng 11/2024	Rà soát CĐR định kỳ
		- Tháng 12/2024: Công bố chuẩn đầu ra mới trên các kênh thông tin của khoa và trường.	Khoa KT-QTKD, Phòng TT&TS	Tháng 12/2024	Công bố CĐR

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. *Mô tả hiện trạng*

Trong quá trình xây dựng, rà soát và cập nhật chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), Trường Đại học Tân Tạo đã thực hiện đầy đủ quy trình có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan (BLQ) nhằm đảm bảo CDR phản ánh đúng yêu cầu thực tế của thị trường lao động, người học, và các đối tượng liên quan khác. Trường phân công Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT), Phòng Quản lý Khoa học - Hợp tác Quốc tế (QLKH-HTQT), và Phòng Quản lý Đào tạo (QLĐT) là các đơn vị chủ trì phối hợp với các phòng, khoa trong việc tổ chức hội nghị, thu thập ý kiến của các BLQ để xây dựng và điều chỉnh CDR. Khoa đã triển khai nhiều hình thức lấy ý kiến từ các nhóm đối tượng, bao gồm: chuyên gia, giảng viên (GV), người học (NH), cựu người học, nhà tuyển dụng (NTD), và doanh nghiệp. Các ý kiến được thu thập trực tiếp thông qua các hội nghị nghiệm thu CTĐT hoặc qua phiếu khảo sát, biên bản đóng góp ý kiến. Các tài liệu minh chứng bao gồm biên bản họp hội đồng, phiếu khảo sát và báo cáo phân tích kết quả, được lưu trữ và sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CDR. **[H1.01.03.01], [H1.01.03.02].**

Quá trình rà soát, điều chỉnh CDR được thực hiện định kỳ theo kế hoạch của nhà trường. Trong giai đoạn 2019, 2021 và 2022, các lần điều chỉnh chính bao gồm:

Năm 2019: CDR được rà soát và bổ sung các kỹ năng cơ bản đáp ứng nhu cầu chung của thị trường lao động, nhưng không có thay đổi lớn về định hướng.

Năm 2021: Trường tập trung rà soát lại mức độ liên kết giữa các học phần và chuẩn đầu ra để tăng cường sự logic trong CTĐT. Các mục tiêu cụ thể của CDR được đánh giá lại nhưng vẫn giữ nguyên cấu trúc chính.

Năm 2022: Hội đồng KH&ĐT Trường đã thực hiện rà soát toàn diện và ban hành quyết định điều chỉnh CDR theo định hướng ứng dụng. Những cập nhật này bao gồm việc tích hợp các kỹ năng số hóa, trách nhiệm xã hội, và bền vững vào chương trình đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế hiện đại. Tất cả các kết quả rà soát và điều chỉnh CDR đều được thể hiện thông qua biên bản họp, báo cáo tổng hợp và quyết định chính thức từ Hội đồng KH&ĐT. CDR đã được trình qua Phòng QLĐT và Hiệu trưởng ký ban hành công khai qua các kênh truyền thông của trường, gửi tới các khoa, phòng chức năng, giảng viên và người học để triển khai thực hiện.

Bảng 1.3.1. So sánh CĐR của trình độ ĐH ngành QTKD qua các năm

Năm	2013	2018	2022
Số lượng CĐR	Chưa có	16	15
Kiến thức		2	5
Kỹ năng		11	6
Mức tự chủ và trách nhiệm (Thái độ)		3	4
Kết luận	Chưa xây dựng ma trận tích hợp		Có xây dựng ma trận

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, 2024)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD phản ánh được yêu cầu của các BLQ. Chuẩn đầu ra được xây dựng trên tài liệu khảo sát nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành QTKD, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, GV, NH và DN bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động [H1.01.03.03]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ khi cập nhật CTĐT ngành QTKD, Khoa KT-QTKD chú ý tập trung về việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và việc thiết kế các HP trong CTDH để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các HP với CĐR của CTĐT hướng tới đáp ứng được CĐR của ngành ĐT. Đó là sự cam kết của Khoa, Nhà trường với xã hội về chất lượng ĐT đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động [H1.01.03.04]. Vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD được định kỳ rà soát và điều chỉnh dựa trên khảo sát từ các bên liên quan, bao gồm nhà tuyển dụng và cựu sinh viên. Các phản hồi từ nhà tuyển dụng giúp Khoa xác định những kỹ năng và kiến thức cần bổ sung để sinh viên đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế. Cựu NH cũng đóng góp thông tin về tính phù hợp giữa chương trình đào tạo và công việc thực tế. Việc rà soát được thực hiện định kỳ hai năm một lần, đảm bảo chuẩn đầu ra luôn cập nhật theo yêu cầu của thị trường lao động. Ngoài ra, Khoa thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực quan trọng như tài chính - ngân hàng, marketing, logistics để tổ chức các chương trình thực tập, kiến tập và hội thảo nghề nghiệp, giúp sinh viên tiếp cận rõ ràng hơn với các vị trí việc làm tiềm năng. Các thông tin này được công bố công khai thông qua website của Khoa, sổ tay sinh viên và các sự kiện như ngày hội việc làm. Nhờ đó, sinh viên có được sự định hướng rõ ràng và chuẩn bị tốt hơn cho con đường sự nghiệp tương lai.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được rà soát, cập nhật theo kế hoạch cập nhật chỉnh sửa của CTĐT từ năm 2019, 2021 và 2022 với những nội dung được biên

soạn theo thông báo của Trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong quá trình triển khai thực hiện CĐR của CTĐT được ban hành mỗi năm cùng với CTĐT. Năm 2022, nhà trường rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại CĐR của CTĐT. Khoa có lập kế hoạch đề xuất nhóm chuyên môn cùng nhau thảo luận và rà soát bảng ma trận của các HP với CĐR, để khẳng định sự phù hợp của CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT **[H1.01.03.05]**.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường để NH biết được các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của Trường với xã hội về chất lượng ĐT, đồng thời cũng là để CB QL, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác QL ĐT, đổi mới PPGD, phương pháp KTĐG và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn **[H1.01.03.06]**.

Trường ban hành CĐR của ngành QTKD đã được điều chỉnh và gửi đến Khoa để thực hiện cũng như thông báo, phổ biến đến GV, NH biết để thực hiện. Chuẩn đầu ra của ngành QTKD đồng thời được thể hiện trong ma trận kỹ năng và CĐR HP được thể hiện trong đề cương HP. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được đăng tải trên website của Trường, của Khoa, niêm yết trong sổ tay GV, sổ tay NH. Bên cạnh đó, Trường và Khoa phổ biến đến NH về CĐR của CTĐT ngành QTKD tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học **[H1.01.03.06]**. Ngoài ra, tại buổi học đầu tiên, GV bộ môn phổ biến đến NH ĐCCT, trong đó có CĐR của HP **[H1.01.03.07]**.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các BLQ do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các NTD, NH, cựu NH và nhu cầu của thị trường lao động.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong ĐCHP.

3. Điểm tồn tại

Quá trình xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh chưa đảm bảo tính đa dạng và bao quát do chưa mở rộng lấy ý kiến từ nhiều doanh nghiệp và nhà tuyển dụng (NTD), đặc biệt là các NTD có thương hiệu và uy tín trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Việc tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan (BLQ), mặc dù đã được thực hiện, nhưng còn mang tính chất không thường xuyên và thiếu tính

hệ thống.

Bên cạnh đó, số lượng các NTD ký kết hợp tác với khoa còn hạn chế do mạng lưới kết nối giữa trường và doanh nghiệp chưa thực sự được phát triển mạnh mẽ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện (TGTH/HT)	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tháng 1-2/2024: Xây dựng danh sách các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng (NTD) tiềm năng trên cả nước.	Khoa KT-QTKD, Phòng CTSV&HTDN	Tháng 1/2024 – Tháng 2/2024	Tạo cơ sở dữ liệu đối tác
		- Tháng 3-4/2024: Tổ chức các buổi gặp gỡ, hội thảo, và tọa đàm với doanh nghiệp để lấy ý kiến xây dựng CDR.	Khoa KT-QTKD, Các phòng liên quan	Tháng 3/2024 – Tháng 5/2024	Hội thảo lấy ý kiến
		- Tháng 5-6/2024: Thực hiện ký kết biên bản ghi nhớ (MOU) hợp tác với NTD có uy tín trong ngành QTKD.	Khoa KT-QTKD, Phòng CTSV&HTDN	Tháng 6/2024 – Tháng 7/2024	Ký kết hợp tác
		- Tháng 7/2024: Tổng hợp và phân tích kết quả phản hồi từ NTD để cập nhật và điều chỉnh CDR.	Khoa KT-QTKD	Tháng 8/2024	Báo cáo tổng hợp ý kiến
2	Phát huy điểm mạnh	- Tháng 8/2024: Rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra (CDR) dựa trên phản hồi từ NTD, người học (NH), và cựu NH.	Khoa KT-QTKD, Hội đồng khoa	Tháng 10/2024 – Tháng 11/2024	Rà soát và điều chỉnh CDR

TT	Mục tiêu	Nội dung hoạt động	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện (TGTH/HT)	Ghi chú
		- Tháng 9/2024: Công bố CĐR đã cập nhật trên các kênh thông tin của trường và khoa, đồng thời tích hợp vào CTĐT và đề cương học phần.	Khoa KT-QTKD, Phòng TT&TS	Tháng 12/2024	Công bố và triển khai

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phù hợp với SM và TN của Trường, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành QTKD tiếp thu ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các BLQ, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các NTD, NH, cựu NH và nhu cầu của thị trường lao động. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QTKD được công bố công khai cho các BLQ trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương HP.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Số lượng NTD trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành QTKD chưa nhiều. Số lượng cựu NH, các NTD tham gia khảo sát về CĐR của CTĐT ngành QTKD còn hạn chế. Số lượng các NTD có thương hiệu trong ngành QTKD ký kết hợp tác với Khoa chưa nhiều. Mục tiêu của CTĐT tham khảo các trường khác còn ít và chưa tham khảo trường nước ngoài, chưa tổ chức khảo sát nhu cầu thị trường lao động để xây dựng mục tiêu CTĐT cho phù hợp. Thiếu CĐR về Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, kỹ năng về phản biện, truyền đạt vấn đề theo quy định của Khung trình độ Quốc gia, chưa phù hợp giữa mức độ đạt được của CĐR và mức độ đạt được với các vị trí việc làm.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình: 5,00. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số

tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và của Khoa gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của ĐT trình độ ĐH, cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CDR của chương trình và của từng HP cụ thể, bản tổng hợp các HP, tiêu chí tuyển sinh, đề cương HP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy và học, PP KT&G KQHT của người học. Bản mô tả CTĐT và đề cương HP được cập nhật thường xuyên và công bố công khai cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm 2011 đến năm 2018, CTĐT ngành QTKD được xây dựng và áp dụng ĐT nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành cũng thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (i) MTĐT, (ii) CDR, (iii) Kế hoạch giảng dạy, (iv) ĐCCT các HP. Năm 2018, Khoa tiếp tục cập nhật, điều chỉnh theo hướng quốc tế hoá MTĐT và CDR cụ thể thông qua ma trận các kỹ năng và các HP trong CTĐT, PP đánh giá hiệu quả, cùng với nhiều HP mới gắn liền với sự phát triển của ngành, phù hợp với điều kiện CNHC của Trường và phù hợp với tiêu chuẩn KĐCL giáo dục và bắt đầu xây dựng bản mô tả vào thời gian này. Năm 2019, do Bộ GD&ĐT điều chỉnh tên và số tín chỉ các HP Giáo dục quốc phòng và an ninh, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất và quy định cụ thể tổng số tín chỉ tối thiểu đạt được của CTĐT cử nhân và kỹ sư nên bản mô tả CTĐT được điều chỉnh theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01]. Đến năm 2022, CTĐT được điều chỉnh, Bản mô tả CTĐT bao gồm các nội dung chính như sau: Tên CTĐT, tên gọi của văn bằng, cơ sở ĐT, Chuẩn đầu ra của CTĐT, Cấu trúc CTĐT, Thời gian ĐT và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, MTKN, Nội dung tóm tắt các HP, Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật vào năm 2022 bổ sung các ma trận liên kết giữa mục tiêu và CDR CTĐT, giữa các HP với CDR CTĐT, PP dạy, PP học với CDR, rubric đánh giá,... Ma trận liên kết giữa các HP của toàn bộ CT với CDR cho thấy mức độ đóng góp của mỗi HP vào trong CDR của CTĐT. Các môn học được sắp xếp logic, trật tự để người học dễ dàng quyết định đăng ký môn học. Chương trình đào tạo phân bổ các môn học vào các học kỳ của các năm học, thời gian cần thiết trong từng học kỳ mà NH phải đầu tư vào từng môn học, từ đó người học có thể phân chia quỹ thời gian của mình.

CTĐT cung cấp thông tin cần thiết để thông báo đến các BLQ (GV, CVHT, NH, phụ huynh, người sử dụng lao động...). Bản mô tả này cung cấp đầy đủ các thông tin cho người đọc biết như: tên CTĐT, mã ngành, tên gọi văn bằng, đơn vị cấp bằng (tên CSGD), trình độ ĐT, hình thức ĐT, thời gian ĐT, số tín chỉ (153TC), đơn vị QL, Website của Trường, Website của Khoa, ngày ban hành...[H2.02.01.02].

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến 2021, CTĐT tập trung vào việc cung cấp nền tảng kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, bao gồm các kỹ năng quản trị, phân tích, và năng lực lãnh đạo. CTĐT năm 2019 và 2021 không thay đổi do sự ổn định của bối cảnh kinh tế và nhu cầu nhân lực giai đoạn này không đòi hỏi điều chỉnh lớn, CTĐT đã đạt được sự phù hợp với các chuẩn mực của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các yêu cầu cơ bản từ thị trường lao động và phản hồi từ các bên liên quan (nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp) không chỉ ra những điểm yếu lớn cần cải thiện trong nội dung hoặc cấu trúc chương trình. Phiên bản năm 2022 của CTĐT được điều chỉnh nhằm đáp ứng các yêu cầu mới phát sinh từ bối cảnh kinh tế, xã hội và xu hướng giáo dục hiện đại, nhằm tăng khả năng tiếp cận của sinh viên từ khu vực địa phương (Long An và các tỉnh lân cận), chương trình bắt đầu triển khai đào tạo song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh). Điều chỉnh này giúp tăng tính hấp dẫn đối với đối tượng sinh viên chưa quen thuộc với chương trình hoàn toàn bằng tiếng Anh nhưng vẫn giữ được tiêu chuẩn quốc tế trong đào tạo. Sự điều chỉnh còn để cập nhật mục tiêu CTĐT để phù hợp hơn với xu hướng hội nhập quốc tế bao gồm: bổ sung các nội dung về kỹ năng số hóa, phân tích dữ liệu, và quản trị trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhấn mạnh đến các giá trị bền vững và trách nhiệm xã hội trong đào tạo nhằm phù hợp với xu hướng kinh doanh hiện đại. Phiên bản 2022 tập trung làm rõ hơn các kỹ năng thực hành và tư duy sáng tạo nhằm tăng khả năng đáp ứng của sinh viên với yêu cầu thị trường lao động hiện đại, cập nhật lại mục tiêu cụ thể từ năm 2019 để đảm bảo sự đồng bộ giữa các học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình (PLOs)

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, bổ sung Bản mô tả CTĐT ngành QTKD năm 2020 và năm 2022. Chương trình ĐT được mô tả cho biết: tầm nhìn, SM và TLGD của Trường, MTĐT (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trình độ ngoại ngữ, vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường), CĐR của CTĐT (kiến thức: 5LO, kỹ năng: 6LO, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: 4LO), ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh (mã tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ hợp xét tuyển, quy trình ĐT, điều kiện tốt nghiệp, hệ thống tính điểm (tất cả đề cương của ngành đều có rubric đánh giá), cấu trúc CTĐT (sơ đồ cây CTĐT, CTDH). Nội dung CTĐT là danh sách các HP mà NH cần phải đạt để tốt nghiệp gồm: HP thuộc khối giáo dục đại cương,

cơ sở ngành bắt buộc, chuyên ngành bắt buộc, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp, kiến thức tự chọn. Chương trình ĐT cho thấy số HP tự chọn nhiều làm tăng khả năng nắm bắt công việc trong mọi trường hợp. Trong bản mô tả cho thấy tổng số tín chỉ CTĐT phân phối các HP trong từng HK dự kiến (9HK). Mục này dùng làm cơ sở cho NH đăng ký môn học (học theo đúng tiến trình, học lại, học vượt, học thêm môn khác... theo quy định) tùy từng khả năng của mỗi người.

Kết quả đối sánh CTĐT năm 2019 có 143 TC và năm 2022 có 153 TC có sự thay đổi: Đã cập nhật CDR CTĐT ngành QTKD có thang đánh giá (Bloom) phù hợp với kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, CTĐT (năm 2022) có cập nhật MTKN (thể hiện sự đóng góp của các HP vào đạt CDR), cập nhật mới nhất các lĩnh vực nghề nghiệp mà NH có thể tham gia sau khi tốt nghiệp. Năm 2022, nội dung của CDR được viết theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thang Bloom theo mức độ cụ thể, có đối sánh với yêu cầu Bộ GD&ĐT và các CSGD trong và ngoài nước. Ma trận HP đã cập nhật ma trận CDR của HP vào ĐCCT, bản mô tả CTĐT có trọng số và đánh giá mức độ tương thích. PPGD bổ sung mới, thiết lập ma trận đối sánh PPGD giữa các HP. Triết lý giáo dục bổ sung, thay đổi TLGD, cập nhật trong bản mô tả làm căn cứ để đề xuất mục tiêu CTĐT. Nội dung điều chỉnh toàn bộ nội dung theo yêu cầu. Hình thức cập nhật toàn bộ theo hình thức mới. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD ban hành năm 2022 bao quát toàn bộ các HP trong CTĐT Trường đã tham khảo ý kiến các BLQ: Trường (CBQL), GV, NH, cựu người học, người sử dụng lao động, các chuyên gia, đồng thời tham khảo, đối sánh với CTĐT qua các lần điều chỉnh, đối sánh với các trường trong nước và của nước ngoài: Trường ĐH Rice, ĐH Duke của Mỹ, ĐH Kinh Tế TP.HCM, ĐH Tây Đô, Cần Thơ). Để chuẩn bị cho việc thay đổi, điều chỉnh lớn của CTĐT, Trường ban hành quyết định Hướng dẫn xây dựng Bản mô tả CTĐT trình độ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ: bảng phân loại học tập (miền nhận thức, miền tâm lý, miền cảm xúc), MTKN thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CDR (mối liên hệ giữa HP, CDR, chỉ số thực hiện), bảng áp dụng Thang Bloom khi, đánh giá các chuẩn kết quả của người học do vậy các CBGD của Trường viết theo một chuẩn chung thống nhất trong toàn Trường. Các động từ trong thang Bloom được diễn đạt sát nghĩa với các ngành đang ĐT nên dễ dàng sử dụng khi viết các CDR của CTĐT cũng như CDR của ĐC HP **[H2.02.01.03], [H2.02.01.04]**.

Thông tin về Bản mô tả CTĐT được công bố trên các tài liệu tuyển sinh như tờ rơi tuyển sinh, cẩm nang tuyển sinh, tuần sinh hoạt công dân - NH đầu năm học và trang thông tin điện tử của Khoa, Trường để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học **[H2.02.01.05], [H2.02.01.06]**. Qua đó, các BLQ (GV, NH, NTD) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến xây dựng thiết thực.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QTKD thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức.

Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ một cách rõ ràng thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Tiến trình ĐT được mô tả trong bản mô tả chương trình còn chưa linh hoạt, nhu cầu học vượt, học sớm của NH còn hạn chế, việc lấy ý kiến khảo sát CTĐT của các BLQ chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở ĐT trong và ngoài nước theo định kỳ. Trên cơ sở đó, Khoa tham khảo Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT. Mọi điều chỉnh cần thiết sẽ hoàn tất trong tháng 10/2024	Khoa KT-QTKD, Phòng ĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT ngành QTKD và thông báo đến các BLQ bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các HP đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành hướng dẫn về mẫu đề cương HP, theo đó tất cả (100%) đề cương HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: (i) Tên học HP (Tên tiếng Anh), (ii) Mã HP: ghi mã HP trong đó ghi rõ loại HP, số tín chỉ tương ứng, số tiết học, Khoa, BM QL, thời gian học, HP tiên quyết, HP học trước, HP song hành, các yêu cầu khác, HP bắt buộc/tự chọn, (HP tiên quyết, HP học trước, HP song hành), (iii) Mô tả nội dung tóm tắt HP, (iv) Mục tiêu của HP, CĐR/ kết quả học tập mong đợi (ma trận tương thích giữa

CĐR. HP với CĐR CTĐT có đánh giá mức độ CĐR, ma trận mức độ đóng góp của HP cho CĐR của CTĐT), (v) Tài liệu phục vụ HP, (vi) Thông tin CB tham gia giảng dạy, trong đó có GV giảng dạy, GV hỗ trợ (trợ giảng), (vii) Kế hoạch giảng dạy chi tiết: nêu toàn bộ HP được phân theo từng buổi học được chỉ rõ: buổi học, CĐR của bài học, cách tóm tắt lịch trình giảng dạy HP. Những hoạt động dạy và học được chi tiết tỉ mỉ, được chỉ rõ phương pháp làm việc của GV-NH trên lớp học/phòng thí nghiệm/thực hành, (viii) PPGD, học tập và nhiệm vụ của NH: trong đó có PPGD, phương pháp học tập của NH, nhiệm vụ của NH, (ix) Phương thức đánh giá, mô tả các phương pháp đánh được sử dụng và đánh giá theo CĐR của HP, đánh giá phần trăm theo thang điểm 10 và quy đổi thành thang chữ A, B, C, D, F (theo hệ thống tín chỉ), (x) Các quy định chung, (xi) Thông tin liên hệ người phụ trách [**H2.02.02.01**].

Tất cả (100%) đề cương các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường theo từng học kỳ bởi giảng viên phụ trách. Trong chu kỳ đánh giá, điều chỉnh HP của CTĐT ngành QTKD được rà soát, điều chỉnh bởi khoa QTKD và HĐ Khoa học trường 03 lần và vào các năm 2019, 2021 và 2022 [**H2.02.02.02**]. Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu cập nhật những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc, của thị trường lao động. Trường ban hành Quy định, Hướng dẫn nào về việc sửa đổi, cập nhật CTĐT ngành QTKD [**H2.02.02.03**]. So với năm 2021 thì lần rà soát điều chỉnh năm 2022 đã có nhiều thay đổi: tập trung thực hiện đối với CĐR, bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT, bổ sung (18 HP) và hủy HP (7 HP), điều chỉnh mã HP, số tín chỉ HP, điều kiện tiên quyết, tiến trình ĐT các HP, điều chỉnh tên một số HP cho phù hợp (29 HP), chỉnh sửa về hình thức trình bày, điều chỉnh biểu mẫu đề cương theo Quyết định năm 2019, 2021, 2022 của Trường ĐH, xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP, PP giảng dạy - học tập, điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo), làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra, nội dung, thời điểm, chỉ báo thực hiện, tỷ trọng điểm, ...), bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục QL chất lượng- Bộ GD&ĐT. So với năm 2019, 2021 thì lần rà soát, đối sánh năm 2022 là điều chỉnh chủ yếu tập trung vào MTĐT và CĐR, đồng thời điều chỉnh ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT, điều chỉnh và cập nhật nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo), điều chỉnh phân bổ số tín chỉ giữa các học kỳ hợp lý hơn [**H2.02.02.04**], [**H2.02.02.05**]. Việc điều chỉnh và cập nhật đề cương HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của

HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc. Lấy ý kiến các BLQ về CTĐT và nội dung HP là một bước quan trọng trong quá trình xây dựng và cải tiến chương trình giáo dục [H2.02.02.06].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của Trường và của Khoa, qua gặp tuần sinh hoạt công dân đầu của NH, và gửi trực tiếp cho NH qua thông qua hoạt động họp CVHT hàng tháng [H2.02.02.07], [H2.02.02.08].

So với phần rà soát, điều chỉnh năm 2019, 2021, 2022 thì kế hoạch cho lần rà soát điều chỉnh năm 2024 này đã có hướng dẫn cụ thể: tập trung thực hiện đối với CĐR; bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT; điều chỉnh tên HP, mã HP, điều kiện tiên quyết, tiến trình đào tạo các HP; điều chỉnh tên một số HP cho phù hợp; chỉnh sửa về hình thức trình bày; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; PP giảng dạy – học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỉ trọng điểm,...)

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ ĐCCT HP ngành QTKD và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT vào năm 2015 và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành năm 2020. ĐCCT HP ngành QTKD được rà soát, điều chỉnh vào năm 2018, 2020, 2022.

ĐCCT HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR môn học gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương HP được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các HP, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành QTKD. Mọi thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG của HP đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP chỉ chú trọng vào GV và NH mà chưa thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ NTD lao động và mẫu khảo sát còn ít.

Các ý kiến đóng góp của cựu NH cho việc cải tiến cập nhật CTĐT, CĐR thì khá đầy đủ nhưng với ĐCCT HP thì còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn CTĐT, CDR, ĐCHP. Trên cơ sở đó, Khoa tham khảo ĐCCT HP của CDIO để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP ngành QTKD Khoa tổ chức khảo sát lấy ý kiến đối với người sử dụng lao động các nội dung liên quan đến đề cương các HP có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng từ đơn vị người sử dụng lao động. Mọi điều chỉnh cần thiết sẽ hoàn tất trong tháng 10/2024	Khoa KT-QTKD, Phòng QLĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ hằng năm Trường và Khoa tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT HP ngành QTKD và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT sau khi được cập nhật được Hội đồng KH&ĐT của Khoa thông qua và được Trường quyết định ban hành [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT được công khai toàn bộ bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau, bao gồm cả các hình thức trực tiếp và gián tiếp như: phát tờ rơi tuyên sinh, phổ biến qua tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa hoặc công bố thông qua website của Trường và của Khoa (*gián tiếp*). Đối với các HP, tất cả ĐCCT HP được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT được đăng ở dạng file điện tử trên trang thông tin điện tử của Khoa và Trường. Qua đó, NH và các BLQ có thể tham khảo về nội dung của HP

để lựa chọn HP phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT HP được giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể. Trường cũng đăng tải Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa để NH có thể tự tham khảo trong quá trình học tập. Điều này giúp NH có thể chủ động tìm kiếm các tài liệu tham khảo liên quan đến môn học và tự học tại nhà. Các BLQ gồm cơ quan QL, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Bản mô tả CTĐT ngành QTKD được công bố một phần trong tài liệu tuyển sinh để giới thiệu đến học sinh, phụ huynh và các đối tượng có quan tâm. Trong tuần lễ sinh hoạt công dân học sinh NH đầu khóa, các nội dung của bản mô tả CTĐT cũng được hướng dẫn cụ thể để NH dễ tra cứu và tìm hiểu. Bên cạnh đó, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả HP ngành QTKD đều được lưu trữ tại Khoa để GV phụ trách môn học thuận tiện theo dõi và xây dựng PPGD phù hợp. Vì vậy, GV và NH có tiếp cận dễ dàng và thuận tiện với Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP **[H2.02.03.02]**.

Hàng năm, Trường/Khoa đều khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, CTĐT, môi trường làm việc, học tập, hoạt động ĐT, NCKH, nhu cầu tuyển dụng của GV, NH, doanh nghiệp. Ý kiến NH về hoạt động giảng dạy hàng năm cho thấy, 100% GV được hỏi đồng ý với nhận định “Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ”, 100% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định “GV giới thiệu đề cương môn học và kết quả học tập mong đợi ngay từ buổi học đầu tiên” **[H2.02.03.03]**.

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa xây dựng và ban hành Bản Mô tả CTĐT ngành QTKD với đầy đủ các thông tin theo đúng quy định được ban hành và được công bố, công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được thông báo trực tiếp đến NH và cập nhật ghi nhận ý kiến trực tiếp từ NH thông qua các buổi sinh hoạt lớp, diễn đàn đối thoại giữa BGH với NH.

Bản Mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành QTKD được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các BLQ dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các HP để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. ĐCCT HP ngành QTKD được thông báo đến NH ngay tại buổi học đầu tiên.

Hàng năm, Trường khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ thể hiện các BLQ dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐC HP.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành QTKD đến các BLQ. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và

ĐCCT ngành QTKD còn chưa đầy đủ đối với NTD và cựu NH, chưa có cơ chế đánh giá mức độ tiếp cận của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, phòng KT-BĐCL phối hợp với Khoa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành QTKD đến các BLQ. Mọi điều chỉnh cần thiết sẽ hoàn tất trong tháng 10/2024	Khoa Phòng KT-BĐCL	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục rà soát Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành QTKD và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.	Khoa Các đơn vị liên quan	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT và bản mô tả HP ngành QTKD đầy đủ thông tin, rõ ràng và được điều chỉnh, cập nhật. Đề cương các HP được thiết kế và chuẩn hóa đúng quy định, các đề cương HP liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển của xã hội. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đều được xây dựng, điều chỉnh, cập nhật dựa vào sự đóng góp của Hội đồng khoa học cấp trường, cấp khoa, các GV, cựu NH, các đơn vị tuyển dụng và của các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT năm 2021, 2023 cơ bản đầy đủ các nội dung và có cập nhật những vấn đề mới. ĐCCT tất cả các HP cơ bản đầy đủ thông tin và được định kỳ rà soát điều chỉnh 02 năm/lần. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP được công khai với nhiều hình thức giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Bản mô tả CTĐT chưa được cập nhật thường xuyên và định kỳ lấy ý kiến khảo sát của GV và NH. Việc lấy ý kiến của cựu NH, NTD còn ít và chưa đa dạng.

Bản mô tả CTĐT năm 2022 thiếu tên CSGD và chưa tổ chức lấy ý kiến các BLQ. CDR về KT nhiều HP chưa bao phủ hết nội dung của HP và đa số thấp hơn CDR của

CTĐT, còn hiện tượng nhầm lẫn giữa CĐR KT và KN, thiếu CĐR về đạo đức nghề nghiệp. Một số HP thiết kế chưa phù hợp giữa nội dung HP và KTĐG, 1 số NH chưa nắm được bản mô tả CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình: 5,00. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học trình độ ĐH ngành QTKD được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của ngành QTKD trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các phương pháp dạy và học, KTĐG NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành QTKD được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo quy chế ĐT ĐH của Bộ GD&ĐT và quy chế ĐT của Trường. Theo Quyết định số 31/QĐ – ĐHTT.21 ban hành CĐR trình độ ĐH chính quy, quyết định số 45/QĐ – TTU.18 ban hành Bản mô tả CTĐT, quy định các CĐR HP CTĐT năm 2022 tại Trường, đồng thời căn cứ vào “Quy chế ĐT trình độ ĐH theo hệ thống tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 31/QĐ – ĐHTT.21 làm cơ sở cho GV thực hiện. Chương trình dạy học ngành QTKD bao gồm các nội dung: MTĐT chung, Mục tiêu cụ thể, CĐR của mỗi HP, nội dung ĐT, phương pháp KTĐG người học. Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế và đáp ứng các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.01].

Chương trình dạy học được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau khi tốt nghiệp ngành QTKD. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể như: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Khoa đã xác lập ma trận liên kết giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận liên

kết giữa CDR của CTĐT với CDR của HP để thiết kế CTDH được thể hiện ở bảng 3.1.1. Chương trình dạy học gồm các HP được thiết kế và phát triển theo hướng của kiến thức, kỹ năng và sự tự chủ của NH. Chương trình dạy học cũng đã sắp xếp các HP theo trình tự một cách hợp lý từ các HP thuộc khối kiến thức đại cương đến cơ sở ngành và chuyên ngành một cách logic, do vậy cấu trúc của CTĐT có sự gắn kết và liền mạch. Cụ thể, giữa các HP được sắp xếp theo trình tự gồm HP tiên quyết, HP học trước, HP song hành vì vậy thể hiện được sự tương thích với nội dung và thể hiện sự đóng góp của HP trong CTDH nhằm đạt được CDR. Chương trình có tính hệ thống, nội dung được tích hợp kiến thức với kỹ năng hướng đến sự sáng tạo, người học đạt cấp bậc tư duy theo thang Bloom từ trung bình tới cao (3~4). Quy trình thiết kế CTDH ngành QTKD phát triển dựa trên: Chương trình khung của Bộ GD&ĐT, đạt các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Do vậy, 100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể cho mỗi HP nhằm đạt được CDR [H3.03.01.02], [H3.03.03.03]. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CDR (bảng 3.1.2). Chương trình dạy học cũng bổ sung các HP tự chọn nhằm thể hiện được tính linh động của CTĐT với tỷ lệ phù hợp giúp NH thể hiện được tính tự chủ và nhằm phát triển bản thân theo định hướng và sở thích cá nhân với 18 tín chỉ tự chọn. Theo đó, CTDH ngành QTKD gồm 150 tín chỉ (*không bao gồm 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Khối kiến thức lý thuyết được cung cấp cho người học dựa trên sự kết hợp của việc đọc tài liệu và phân tích các bài tập tình huống để sinh viên hiểu và có khả năng vận dụng trong thực tế kinh doanh. Phương pháp dạy học theo dự án cũng được áp dụng tại một số môn học để người học có thể có cái nhìn thống nhất về các nội dung lý thuyết trong một mô hình kinh doanh cụ thể.

Bên cạnh đó, người học cũng được trải nghiệm thực tế thông qua các buổi kiến tập tại doanh nghiệp hàng năm cũng như thông qua thực tập cuối khóa. Người học được trải nghiệm nhiều loại hình sản xuất kinh doanh khác nhau để có cái nhìn đa chiều và tổng quan về môn học và có khả năng thích nghi với môi trường kinh doanh thực tế trong tương lai.

Bảng 3.1.1. Ma trận liên kết giữa CDR và các khối kiến thức

Khối kiến thức		Kiến thức đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành
CDR	Kiến thức	LO1	X	
		LO2	X	
		LO3	X	X

Khối kiến thức		Kiến thức đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	
		LO4		X	X
		LO5	X	X	X
	Kỹ năng	LO6	X		X
		LO7		X	X
		LO8		X	X
		LO9	X	X	X
		LO10	X	X	X
		LO11	X	X	X
		Mức tự chủ và trách nhiệm	LO12	X	X
	LO13		X	X	X
	LO14		X	X	X
	LO15		X	X	X

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, 2024)

Bảng 3.1.2. Phân bổ kiến thức CTĐT năm 2024

	Chương trình đào tạo ngành QTKD	Tín chỉ	Tỷ lệ
Tổng số tín chỉ		130	100%
1	Kiến thức giáo dục đại cương	15	11.5%
2	Ngoại ngữ	12	9.2%
3	Kiến thức giáo dục khai phóng (TTU Core Courses)	18	13.8%
4	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	65.5%
	Trong đó:		
	- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	37	28%
	- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn		
	- Kiến thức ngành bắt buộc	27	20%
	- Kiến thức ngành tự chọn	11	8%
5	Thực tập khóa luận (hoặc chuyên đề kết hợp HP tốt nghiệp)	12	9%

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, 2024)

Ghi chú: “*” Không tính 11 tín chỉ của các HP Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.

Trong quy trình rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT, CTDH trình độ ĐH chính quy, Trường đã có các văn bản hướng dẫn để xác định các PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của NH phù hợp và góp phần đạt CĐR. Trường quy định

các HP trong khung CTĐT có CĐR HP gắn với CĐR của CTĐT (các các khối kiến thức gồm giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên môn, chuyên ngành). Trường hướng dẫn và xác định rõ tổ hợp PP dạy và học, hình thức và nội dung KTĐG phù hợp với CĐR. Cụ thể, khi xây dựng ĐCCT của từng HP trong CTDH thì nội dung và CĐR HP này phải đạt được yêu cầu CĐR CTĐT. Bên cạnh đó, GV thiết kế hoạt động dạy và học chi tiết đối với từng HP, từng chương phải đáp ứng CĐR HP và CĐR CTĐT. Các PPGD, KTĐG kết quả học tập của người học đối với từng HP của GV phụ trách được xác định trong ĐCCT HP, thể hiện rõ trong CTDH năm 2019, 2022. CTDH ngành QTKD sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học như thuyết trình, làm việc nhóm, thực hành và thảo luận, chú trọng phát triển kỹ năng và năng lực NH. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Điểm chuyên cần của người học được đánh giá thông qua việc điểm danh hàng ngày để kiểm tra sự tham gia đầy đủ và đúng giờ của người học tại mỗi giờ giảng. Điểm quá trình của người học được ghi nhận trong các giờ làm bài tập, trao đổi và thảo luận, số lần tham gia đóng góp xây dựng bài được ghi lại để làm căn cứ tính điểm quá trình. Ngoài ra, một số môn học áp dụng hình thức thi giữa kỳ hoặc làm bài tập nhóm để khuyến khích người học tham gia đầy đủ các phần của môn học tránh tình trạng chỉ học dồn cho thi cuối kỳ [H3.03.03.04], [H3.03.03.05].

Nội dung các môn học/HP trong CTDH của ngành QTKD thể hiện việc đạt được CĐR, trong đó CTDH điều chỉnh vào năm 2022 thể hiện rõ nét nhất. Trường cũng đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của các BLQ (ý kiến của NTD, GV, NH, cựu NH), kết quả lấy ý kiến thông qua hội thảo ĐT theo nhu cầu doanh nghiệp. Đồng thời, định kỳ theo từng năm học, Trường tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo trường với NH (Các biên bản đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với NH các năm 2018 - 2023). Kết quả khảo sát và các ý kiến đóng góp của NH là cơ sở giúp Trường và Khoa đưa ra các biện pháp cải tiến và điều chỉnh CTDH nói chung và nội dung giảng dạy nói riêng, cho phù hợp với CĐR của CTDH [H3.03.03.06]. Tuy nhiên việc lấy ý kiến của các BLQ đối với CTDH chỉ chú trọng vào NH, đặc biệt là NH đang còn theo học tại Trường. Các đối tượng khác nhau cựu NH và DN bên ngoài trường thì việc thu thập ý kiến còn hạn chế do vậy có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế đảm bảo 100% yêu cầu với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành, đảm bảo đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định rõ mức độ 100% đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH cũng

được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với CTDH chỉ chú trọng vào NH, các đối tượng khác chưa được quan tâm nên CTDH có thể chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ thực tế tại các doanh nghiệp. Điều này dẫn đến việc sinh viên ra trường có thể bỡ ngỡ trong việc áp dụng các lý thuyết đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ học kỳ 1, năm học 2024 - 2025, Khoa triển khai đề GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐCCT HP để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR. Trường và Khoa tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về CTDH thông qua nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, Đồng thời tổ chức các buổi lấy ý kiến đóng góp từ các NTD, chuyên gia và GV để điều chỉnh CTDH một cách hợp lý và logic hơn cho phù hợp với CĐR.	Khoa KT-QTKD, Phòng KT-BĐCL Phòng QLĐT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GD&ĐT. Chương trình dạy học ngành QTKD được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.	Khoa KT-QTKD, Phòng QLĐT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

100% HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. CTDH ngành QTKD được rà soát, điều chỉnh và bổ sung vào các năm 2019, 2020 và 2022. Sau mỗi lần rà soát, điều chỉnh, CTDH được cải tiến đáng kể tạo thuận lợi cho hoạt động ĐT của Trường, chú trọng phát huy năng lực của NH. Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% các HP trong CTDH đã xây dựng mục tiêu HP theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR CTĐT theo từng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, khả năng rèn luyện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH do Bộ GD&ĐT quy định. Mục tiêu của HP này được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, từ đó xác định CĐR HP phù hợp với mục tiêu HP đề ra (bảng 3.2.1). Dựa trên CĐR HP, nội dung bài giảng, PPGD và học tập, cách thức KTĐG nhằm được xây dựng phù hợp. Điều này thể hiện rõ nét trong CTDH, ĐCHP, ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT và ma trận mối liên hệ giữa CĐR và PP dạy - học, PPĐG. Mặt khác, các HP tự chọn sẽ giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi HP tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR của ngành, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR (bảng 3.2.1, bảng 3.2.2) [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Bảng 3.2.1. Tỷ trọng các HP đáp ứng CĐR

Khối kiến thức	CĐR	Số lượng HP	Tỷ trọng (%) <i>(tính trên tổng số lượng HP là 40)</i>
Kiến thức	LO1	15	37.5%
	LO2	10	25%
	LO3	5	12.5%
	LO4	5	12.5%
	LO5	5	12.5%
Kỹ năng	LO6	8	20%
	LO7	8	20%

Khối kiến thức	CĐR	Số lượng HP	Tỷ trọng (%) <i>(tính trên tổng số lượng HP là 40)</i>
	LO8	8	20%
	LO9	8	20%
	LO10	8	20%
	LO11	8	20%
Mức tự chủ và trách nhiệm	LO12	5	12.5%
	LO13	5	12.5%
	LO14	5	12.5%
	LO145	5	12.5%

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, 2024)

**Bảng 3.2.2. Mối liên hệ giữa CDR và phương pháp dạy - học,
phương pháp đánh giá**

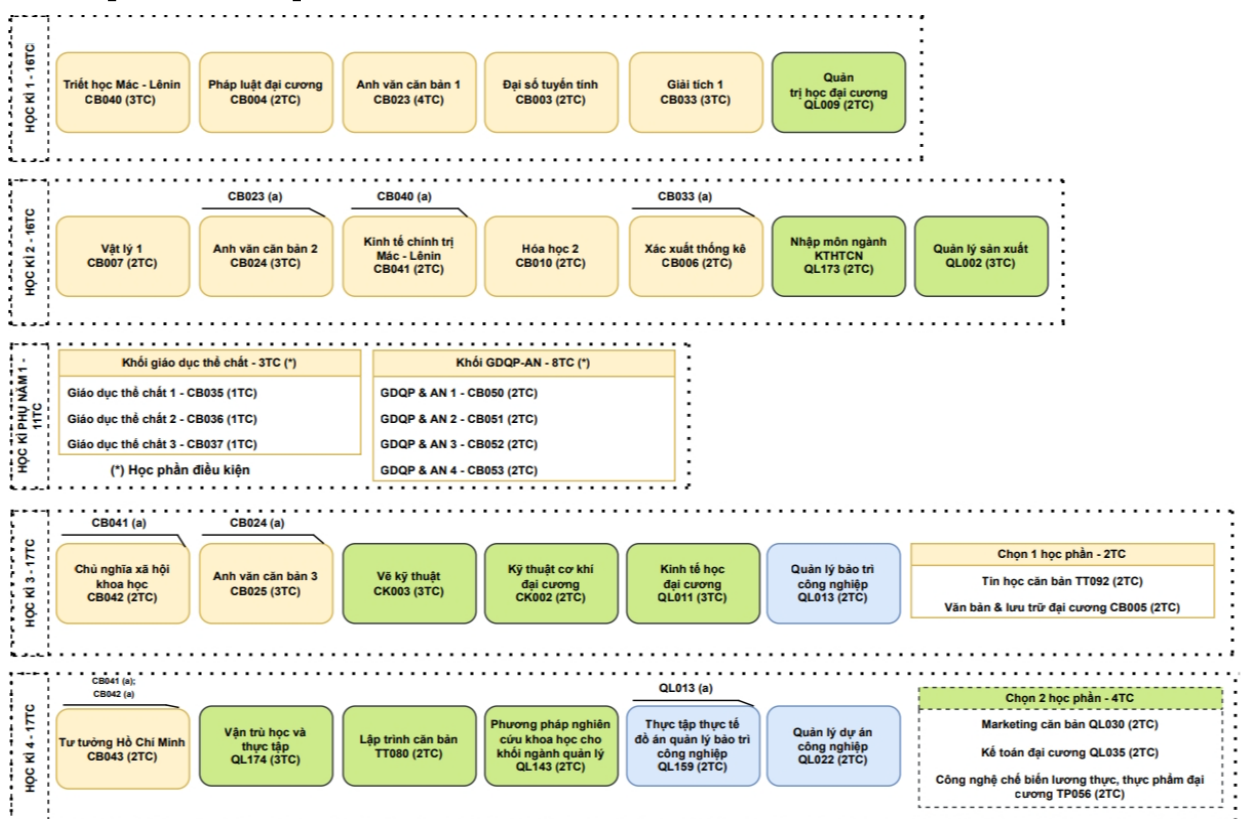
Chiến lược - phương pháp	CDR														
	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO14
Phương pháp dạy															
Nghiên cứu trường hợp (Case Study)		X	X	X	X	X	X	X	X		X				
Phát vấn										X	X				
Thuyết trình tích cực	X	X				X	X		X		X				
Giải quyết vấn đề				X	X	X		X						X	X
Phương pháp học															
Tự học	X	X	X	X	X					X	X	X	X		
Thuyết trình						X	X		X						
Làm việc nhóm									X			X	X	X	X
Trải nghiệm thực tế							X						X	X	X

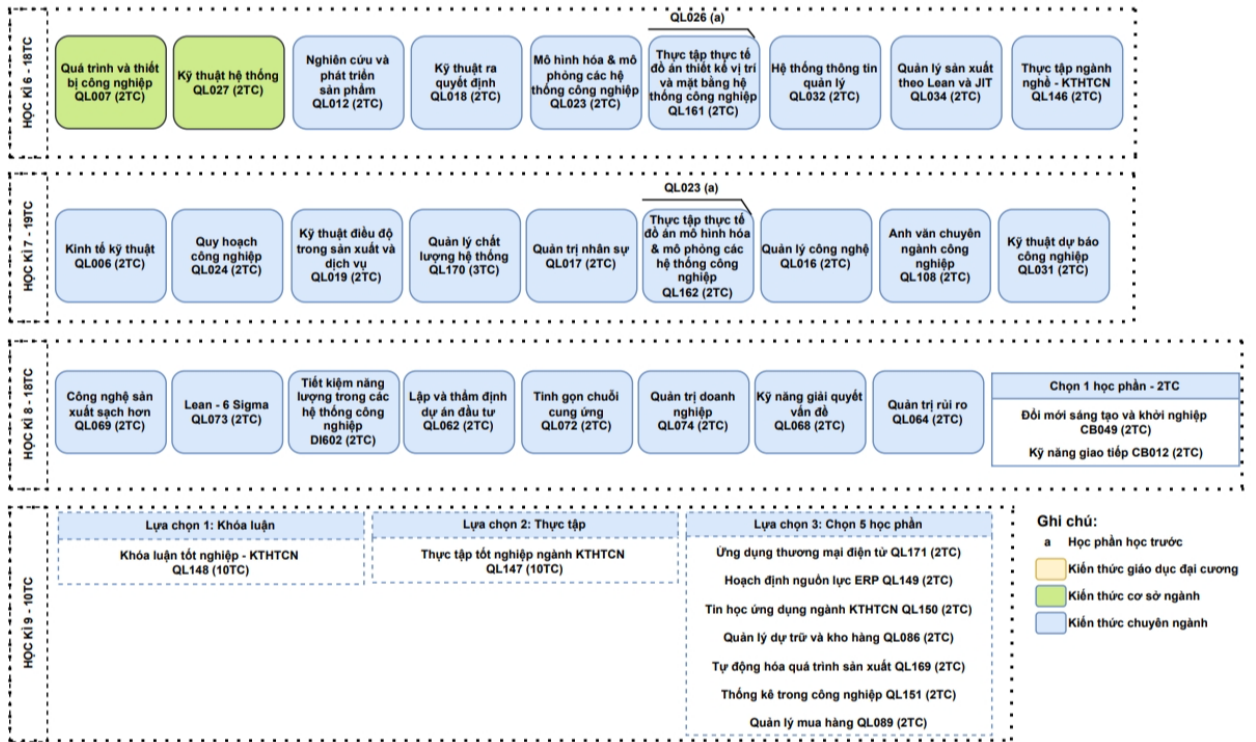
Chiến lược - phương pháp	CDR														
	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO14
Thực tập							X	X					X	X	X
Bài luận						X				X	X				
Phương pháp đánh giá															
Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá bài tập trên lớp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập trên elearning	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
Đánh giá bài tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đánh giá thuyết trình						X	X		X	X					

Chiến lược - phương pháp	CDR														
	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO14
Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X			X									
Kiểm tra tự luận	X	X	X	X	X	X		X						X	X
Báo cáo thực tập	X	X	X	X	X		X	X				X	X	X	X
Đánh giá làm việc nhóm									X			X	X	X	X
Báo cáo nghiên cứu khoa học	X	X	X	X	X			X				X	X	X	X
Đánh giá khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

(Nguồn: Khoa KT-QTKD, 2024)

Tất cả ĐCCT (100%) đều tuân thủ quy định này, trong thiết kế từng buổi học đều có gắn mục tiêu riêng và mục tiêu của HP, đồng thời các buổi học có gắn các phương thức dạy và học thích hợp tạo mà GV xác định tổ hợp phương pháp dạy - học và phương pháp đánh giá theo CĐR của HP. Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc HP về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH. Đối với các HP có mối liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ môn học tiên quyết. Các HP được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR, cụ thể được mô tả ở hình 3.2.1. Nội dung mỗi HP đều chú ý đến những đóng góp để đạt được CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận CĐR HP với CĐR của CTĐT. Chuẩn đầu ra có tính định lượng liên quan đến kiến thức, kỹ năng, phẩm chất cá nhân mà người học đạt được, thuận lợi trong việc đánh giá mức độ đạt được theo CĐR của từng HP. Ngoài ra trong mỗi HP thể hiện các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ cho nhau để tăng độ tin cậy cho việc đạt CĐR. Trường quy định cụ thể CTDH các HP ngành QTKD được thiết kế đảm bảo việc đạt được CĐR, có quy trình biên soạn CĐR và ĐCHP. Đề cương các HP đã thể hiện mức độ đóng góp của HP đó vào việc đạt CĐR của CTĐT thông qua ma trận đáp ứng giữa các HP và CĐR của CTĐT, ma trận PPGD [H3.03.02.03].





Hình 3.2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành QTKD

Trường và Khoa đã thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các BLQ về nội dung của các HP trong CTDH thể hiện đạt được CĐR. Năm 2022, kết quả ý kiến của GV đánh giá sự hài lòng của GV về “Quy trình thiết kế và phát triển CTDH rõ ràng” đạt từ 4,6, “Các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học theo từng môn học/HP trong CTDH là phù hợp, góp phần đạt yêu cầu CĐR”: 4,6 - 4,7. DN đánh giá sự hài lòng về CTĐT: 4,1 - 4,3. CNH đánh giá về CTĐT: 3,6 - 4,4. NH đánh giá: 3,9 - 4,1 [H3.03.02.04]. Việc lấy ý kiến các BLQ được thực hiện, tuy nhiên, nội dung khảo sát còn hạn chế. Do đó, khoa cần chủ động rà soát để xây dựng và bổ sung hoàn thiện bộ câu hỏi với đầy đủ nội dung yêu cầu, phù hợp với sự phát triển của xã hội thông qua sự tư vấn hỗ trợ của đơn vị làm bảo đảm chất lượng.

2. Điểm mạnh

Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi HP trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR.

Các HP trong CTDH ngành được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các HP còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Do đó, CĐR của CTĐT và CĐR của các HP chưa phản ánh hết các

yêu cầu trong điều kiện mới của nền kinh tế.

4. Kế hoạch hành động

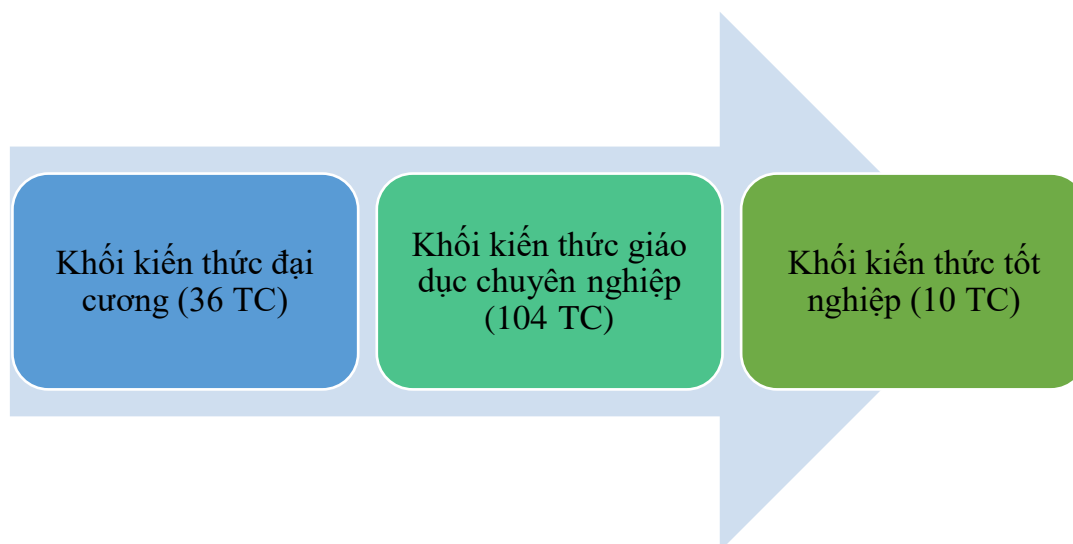
TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ học kỳ 1 năm học 2024 - 2025, Khoa tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các BLQ tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng cường lấy ý kiến góp ý của NTD và cựu NH về CTDH ngành QTKD.	Khoa KT-QTKD, Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục rà soát CTDH, trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT HP trong CTDH ngành QTKD xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.	Khoa KT-QTKD, Phòng QLĐT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các HP trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành QTKD được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực QTKD. Hình 3.3.1 thể hiện rõ CTDH ngành QTKD được xây dựng và có sự phân bổ các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và HP tốt nghiệp và gắn kết chặt chẽ với nhau theo trình tự logic [H3.03.03.01].



Hình 3.3.1. Mối liên kết giữa các khối kiến thức

Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Khoa nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch. 100% Đa số các HP trong CTDH được bố trí hợp lý nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định. Các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian ĐT là 4,5 năm. Theo lộ trình dạy học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định như kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên sâu. Đồng thời, các HP thực hành cũng được sắp xếp sau khi NH đã có được nền tảng kiến thức chuyên môn về lý thuyết trên giảng đường. Năm học cuối cùng sẽ là thời gian để NH thực tập tại các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp dịch vụ và làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các môn thay thế). Người học có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu tiên quyết hoặc môn học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực QTKD trong tương lai. Chương trình dạy học có 150 tín chỉ, được chia thành 09 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho NH. Cụ thể: CTDH thể hiện HP được sắp xếp theo trình tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các HP ở học kỳ trước là nền tảng cho các HP ở học kỳ tiếp theo [H3.03.03.02].

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy ở các học kỳ của hai năm học đầu tiên (từ học kỳ 1 đến học kỳ 4). Các môn học cơ sở ngành được bố trí ở các học kỳ của năm nhất để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: như HP Nhập môn ngành QTKD được giảng dạy ở học kỳ 2 của CTĐT để NH tiếp cận tổng quan với ngành học. Các HP cơ sở ngành theo từng mức độ tiếp cận chuyên ngành được bố trí theo trình tự từ

các HP như Quản trị học đại cương cho đến các HP Quá trình thiết bị công nghiệp hay Kỹ thuật hệ thống. Đến năm học thứ ba (học kỳ 5 đến học kỳ 9), NH tập trung học các HP chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, khóa luận tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT. Qua đó, NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CDR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.03.03].

Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh định kỳ theo kế hoạch và quy trình hướng dẫn. Để tạo điều kiện cho các BLQ có thể tiếp cận CTDH thuận tiện, CDTH ngành QTKD được công bố thông qua các tài liệu quảng bá như tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa và trên trang thông tin điện tử của Khoa, Trường. Dựa trên kết quả phản hồi của các BLQ như NH, GV và NTD, CTDH đã được điều chỉnh để phù hợp với những biến đổi về kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn khá hạn chế do áp lực về thời gian cũng như cách thức vận hành chương trình [H3.03.03.04].

Chương trình dạy học có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các HP phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp như: Đổi mới sáng tạo khởi nghiệp hay kỹ năng giao tiếp, Marketing, kế toán hay công nghệ chế biến lương thực thực phẩm....Ngoài ra, ở học kỳ cuối của CTDH, NH có thể lựa chọn làm Khóa luận tốt nghiệp (*nếu đủ điều kiện*) hoặc học các môn thay thế như: QL dự trữ kho hàng, QL mua hàng, ứng dụng thương mại điện tử, hoạch định nguồn lực ERP, tự động hóa quá trình sản xuất, thống kê trong doanh nghiệp, QL mua hàng hay tin học ứng dụng ngành QTKD. Các HP này được lựa chọn tùy thuộc vào định hướng nghề nghiệp trong tương lai của NH. Tỷ lệ các môn học tự chọn được thiết kế hợp lý trong tổng số tín chỉ của CTDH chiếm 12%. Nhờ vậy, NH có thể đáp ứng được yêu cầu của từng vị trí công việc khác nhau. Năm 2019 và 2021, chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) không có sự thay đổi đáng kể, nhằm duy trì tính ổn định và đảm bảo chất lượng đào tạo đã được thiết lập trước đó. Đến năm 2022, CTĐT được điều chỉnh với mục tiêu chiến lược nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế trong công tác giảng dạy và tuyển sinh. Cụ thể:

1. Mục tiêu thay đổi:

- Phát triển song hành hai hệ đào tạo bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
- Tăng cường khả năng tiếp cận đối tượng người học (NH) tại địa phương Đức Hòa, Long An, và các tỉnh lân cận.
- Nâng cao hiệu quả tuyển sinh trong bối cảnh cạnh tranh với các trường đại học khác trong khu vực TP. HCM.

2. Căn cứ thực hiện:

- Kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và phản hồi từ các bên liên quan (sinh viên, nhà tuyển dụng, phụ huynh).
- Phê duyệt bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) Khoa theo biên bản họp số [số hiệu biên bản] vào ngày [ngày họp], thông qua điều chỉnh CTĐT năm 2022.

3. Kết quả đạt được:

- Chương trình giảng dạy song ngữ đã được triển khai chính thức từ năm học 2022-2023.
- Ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong số lượng sinh viên nhập học từ khu vực địa phương, đáp ứng chiến lược tuyển sinh mới.

Chương trình đào tạo khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTĐT của một số CSGD uy tín khác trong nước như Trường ĐHTT Điều này giúp đảm bảo CTĐT ngành QTKD, Trường phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành QTKD ở Việt Nam hiện nay. Chương trình đào tạo ngành QTKD cũng được đối sánh với các trường quốc tế, tuy nhiên việc đối sánh chưa được cập nhật thường xuyên và với số lượng trường ít hơn so các trường trong nước [H3.03.03.05].

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH ngành QTKD được thiết kế có 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp và đồ án/khóa luận tốt nghiệp đảm bảo sự gắn kết và liền mạch tạo thành một khối thống nhất.

CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành QTKD chưa được cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ học kỳ 2 năm học 2024 - 2025, Khoa tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành QTKD	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		theo hướng cập nhật liên tục, nhằm cải tiến chương trình một cách hiệu quả.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục rà soát CTDH ngành QTKD đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường, Khoa đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo CTDH của các trường ĐH có uy tín trong nước và khảo sát các bên có liên quan nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngành QTKD được tổ chức ĐT theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà QL và các DN sử dụng các NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR, các tổ hợp PPGD, KTĐG NH của các HP cơ bản phù hợp góp phần đạt CĐR. Tất cả các HP đều tương thích về nội dung và thể hiện đóng góp vào CĐR. Các HP trong CTDH cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, tiến trình ĐT bố trí hợp lý. CTDH được rà soát điều chỉnh 02 năm/lần có tham khảo CTĐT trong nước và quốc tế.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số ĐCCT của HP không thuộc ngành QL chưa có tổ hợp các PP KTĐG để đạt CĐR. Việc thu thập thông tin, ý kiến của NTD, cựu NH, NH phục vụ cho công tác xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các HP còn hạn chế, chủ yếu là các ý kiến đóng góp về cấu trúc CTĐT. Chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về sự tương thích giữa nội

dung và sự đóng góp chi tiết của từng HP để đạt CDR của CTĐT. Việc sử dụng ý kiến của các BLQ trong cập nhật CTDH còn hạn chế.

Một vài HP xác định hình thức thi trắc nghiệm để đánh giá CDR về kỹ năng là chưa hoàn toàn phù hợp. Chưa tổ chức lấy ý kiến NH đánh giá về nội dung các HP, chưa xây dựng ma trận liên kết giữa phương pháp dạy, học với phương pháp KTĐG để xác định sự phù hợp giữa phương pháp dạy, học và KTĐG. Một vài HP thiết kế KTĐG cả nội dung không có trong CDR. Tính tích hợp của CTĐT chưa cao, một số HP cơ sở chuyên ngành thời lượng còn thấp hơn một số trường khác.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình: 5,00. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo ĐH, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay TLGD là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở ĐT xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục, Khoa KT-QTKD chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến CDR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CDR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo TLGD.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTT và Khoa KT-QTKD có văn bản tuyên bố chính thức về TLGD hoặc mục tiêu giáo dục. Triết lý giáo dục của Trường là “Khai phóng - Học suốt đời” được được thể hiện trong Brochure quảng bá tuyển sinh của Trường. Trường tiếp tục triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường. Căn cứ các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển của Trường, Đảng ủy và BGH quyết định TLGD là “Khai phóng - Học suốt đời” vì phù hợp với xu thế, định hướng phát triển của Trường cũng như xu hướng mới của GDĐH. Triết lý giáo

dục của Trường được xác định là: “Khai phóng - Học suốt đời” và được ban hành theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐHTT về việc điều chỉnh, bổ sung SM, TN của Trường. Triết lý giáo dục của Trường được HĐT và BGH xác định dựa trên SM, TN và Kế hoạch định hướng phát triển của Trường hướng đến năm 2030 là trường đại học phát triển bền vững, ĐT có chất lượng theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời TLGD được công bố trên website của Trường. Triết lý giáo dục của Trường ban hành bằng văn bản, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện. Khoa thống nhất và truyền tải thành Chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2021 - 2026, định hướng đến 2030 đối với các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, được Trường khoa ký ban hành năm 2021 **[H4.04.01.01]**.

Triết lý giáo dục được truyền tải, phổ biến đến các GV, NH để hiểu rõ và thực hiện. Tại các cuộc họp giao ban, BGH Trường luôn yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trực thuộc chú trọng phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV, NH biết và hiểu về TLGD của Trường. Trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học, trong nội dung sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến về TLGD của Trường, trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa KT-QTKD. Ngoài ra, TLGD của Trường được đăng tải trên website Trường và các đơn vị, được niêm yết tại các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường, sảnh, phòng họp trong Trường, Văn phòng khoa KT-QTKD để phổ biến đến GV, NV, NH, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. Ngoài ra, TLGD cũng như in ấn trên các Brochure của Trường, Sổ tay NH. Triết lý giáo dục còn được lồng ghép vào trong hoạt động dạy và học, tại các buổi họp chuyên môn **[H4.04.01.02]**, **[H4.04.01.03]**.

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, NH, cựu NH về TLGD. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH, cựu NH thể hiện mức độ hài lòng đối với TLGD của Trường **[H4.04.01.04]**. Khoa KT-QTKD đã khảo sát các BLQ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với TLGD của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy: CB, VC và NLD tiếp cận những thông tin về TN, SM, GTCL của Trường nhiều nhất qua trang thông tin điện tử của Trường ĐHTT/Khoa KT-QTKD (100%), đối với mức độ thấu hiểu về TN, SM, GTCL và TLGD của Trường, 100% CB, VC và NLD trả lời có tìm hiểu **[H4.04.01.05]**.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của Trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Trường tuyên bố TLGD “Khai phóng - Học suốt đời” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường. Triết lý giáo dục

được CB, GV, NH của Trường hiểu rõ và triển khai thực hiện. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các BLQ về hoạt động của Trường có khảo sát về TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các BLQ. Số lượng doanh nghiệp, NTD và cựu NH tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường tăng cường số lượng doanh nghiệp, NTD tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng KT-BĐCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các NTD về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường. Trường và Khoa KT-QTKD sẽ tiến hành thường xuyên công tác lấy ý kiến phản hồi của các NTD, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện TLGD của Trường và Khoa.	Khoa KT-QTKD Phòng CTSV-HTDN Phòng KT-BĐCL	Từ tháng 06/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QTKD tiếp tục tuyên bố TLGD “Khai phóng - Học suốt đời” và áp dụng đa dạng các hình thức để phổ biến đến các BLQ bên trong và bên ngoài Trường.	Khoa KT-QTKD	Từ tháng 01/ 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Đối với CTĐT ngành QTKD là lĩnh vực kỹ thuật kết hợp QL và kinh tế, Khoa KT-QTKD đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học/ PPGD đa dạng, phù hợp bám sát mục tiêu, TLGD của để đạt CĐR. Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Trong nội dung kế hoạch năm học của Trường và của đơn vị, Trường luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR đã xác định. BCN Khoa KT-QTKD tổ chức hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các hoạt động dạy học và các PPGD đa dạng, phù hợp để đạt CĐR. Ngoài ra, GV Khoa KT-QTKD tích cực tham dự các hội nghị, hội thảo về PPGD và đổi mới PPGD, cũng như trong nội dung ĐT nghiệp vụ sư phạm của GV có nội dung hướng dẫn về các PPGD tích cực, phù hợp CĐR. Trên cơ sở đó, GV Khoa KT-QTKD xác định các PPGD tích cực, phù hợp CĐR đã được ban hành cũng như thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành QTKD. Trường hợp tác với nhiều doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề ĐT [H4.04.02.01].

Ma trận liên kết giữa CĐR HP và CĐR CTĐT được đánh giá, thể hiện tầm quan trọng của từng khối kiến thức trong việc đồng góp đạt được CĐR CTĐT, từ đó định hướng cho việc lựa chọn PPGD và phương pháp đánh giá phù hợp. MTKN của CTDH (mối liên hệ giữa các kỹ năng của CTĐT) cho thấy sự phát triển tư duy của người học qua các kiến thức và kỹ năng được tích lũy vào trong từng HP truyền tải từ HK1 đến HK9 cho đến sự tập trung đỉnh cao là khóa học/đề án tốt nghiệp (10TC). PPGD được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và là chủ thể của quá trình ĐT, thúc đẩy NH phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập. Cụ thể, CTDH thiết lập “Ma trận phương pháp dạy học của các HP nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành QTKD” với các phương pháp dạy học như: Dạy trực tiếp (K1, K2), Dạy học dựa vào hoạt động (K3 -K4), Dạy kỹ năng tư duy (S1, S2), Dạy học tương tác (S3 - S5), Dạy học theo hướng nghiên cứu (C1 - C4). PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của các năm 2020, 2022. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa [H4.04.02.02].

Trường đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng ĐT. Hằng năm, Trường ĐHTT, Khoa KT-QTKD đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi mới PPGD với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, NV phòng ban trong toàn trường. Hướng dẫn GV xác định và lựa chọn hoạt động dạy học cũng như PPGD phù hợp, đa dạng để đạt được các CĐR. PPGD được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và là chủ thể của quá trình ĐT,

thúc đẩy NH phát huy - chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, các PPGD bao gồm: dạy lý thuyết, dự án, thuyết trình, làm việc nhóm, bài tập tư duy cá nhân, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, NCKH và khóa luận tốt nghiệp,... Trường tổ chức các khóa tập huấn cho NH về kỹ năng tự học, phương pháp học tập ĐH nhằm giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV Khoa áp dụng đa dạng các hoạt động dạy học và tiếp cận các xu thế hiện đại như: dạy lý thuyết, dự án, thuyết trình, làm việc nhóm, bài tập tư duy cá nhân, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp, NCKH và khóa luận tốt nghiệp, hiệu quả được thể hiện trong ĐCCT HP **[H4.04.02.03]**.

Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, chương trình, HP, các phương pháp học tập, tài liệu bắt buộc cho NH. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi từ cách học truyền thống sang chủ động học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin, từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Không còn là người cung cấp kiến thức thụ động, GV đã chuyển đổi thành người hướng dẫn HS tích cực tìm tòi và khám phá, và thể hiện cái khám phá của mình qua các bài thuyết trình các phần bài học, các trường hợp cụ thể trong thực tế, qua đó người học tự tìm hiểu, nắm vững kiến thức và chủ động học tập. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi PPGD, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online, thông qua hệ thống E-learning của Trường **[H4.04.02.04]**.

Ban Giám hiệu (BGH) thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả, yêu cầu các Phòng, Khoa, Bộ môn cần chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng ĐT của Trường **[H4.04.02.05]**.

Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, NH có nội dung khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT. Bên cạnh đó, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong môn học. Kết quả lấy ý kiến của GV về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV Khoa KT-QTKD sử dụng trong CTĐT ngành QTKD là hài lòng 100%. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa tiếp thu ý kiến của NH về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT thông qua diễn đàn đối thoại giữa BGH với NH hằng năm và tại các buổi sinh hoạt lớp. Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa KT-QTKD tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, trong đó có phần khảo sát NH về hoạt động dạy học/các PPDH được sử dụng trong CTĐT. Tỷ lệ NH tham gia đánh giá hoạt động dạy học/PPDH thể hiện sự quan tâm, hài lòng với việc đánh giá. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% hài lòng **[H4.04.02.06]**.

2. Điểm mạnh

GV Khoa KT-QTKD xác định hoạt động dạy học, PPGD đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR ngành QTKD và thể hiện trong ĐC HP.

Trường tạo điều kiện để GV Khoa tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.

GV Khoa tích cực hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, NH Khoa hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp NH năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường ĐHTT và Khoa KT-QTKD tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho NH, đặc biệt NH năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc ĐH.	Khoa KT-QTKD	Từ tháng 01/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa KT-QTKD tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa tham dự các khóa tập huấn về đổi mới PPDH và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR.	Khoa KT-QTKD	Từ tháng 01/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học của GV, NH được thể hiện cụ thể trong các quy định quy chế giảng dạy, nghiên cứu, học tập tín chỉ của GV và NH [H4.04.03.01]. Để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, và nâng cao khả năng học tập của NH, trong nội dung CĐR CTĐT ngành QTKD luôn nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn

nhằm tạo động lực để NH học tập suốt đời và đạt CĐR. Bên cạnh đó, trong 100% ĐCCT HP của ngành QTKD có nội dung về PPGD, phương pháp học tập phù hợp nhằm đạt được CĐR và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của NH. 100% ĐCCT các HP của CTĐT ngành QTKD trình độ ĐH được xây dựng, rà soát, cập nhật định kỳ. 100% Bản Mô tả CTĐT đều mô tả cụ thể CTĐT, thể hiện rõ đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Các hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH trong ĐCCT HP được thể hiện rõ thông qua việc xác định các PPGD, phương pháp học tập nhằm trang bị cho NH khả năng học tập suốt đời. 100% ĐCCT các HP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm chẳng hạn như dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp. ĐCCT HP được thông báo, phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức khác nhau **[H4.04.03.02]**. 100% ĐCCT HP đều có mô tả hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng người học đến nâng cao khả năng học tập suốt đời. Việc sinh viên tự học, tự nghiên cứu được quy định cụ thể trong quy chế ĐT, nhằm khuyến khích SV chủ động cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài trong quá trình học tập và đảm bảo chất lượng học tập. GV của Khoa KT-QTKD sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: thuyết giảng, tiếp cận cá nhân, thiết kế các hoạt động dạy - học theo tình huống, thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm, thuyết trình cá nhân hoặc theo nhóm, dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường ký kết hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề ĐT. Bên cạnh đó, NH năm 3 và năm cuối được tiếp cận trực tiếp với DN thông qua các hoạt động tham quan, thực tập ngành nghề, thực tập tốt nghiệp, ví dụ: khoa đã kết nối cho NH tham quan và gặp gỡ nhân sự tại Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease, Công Ty TNHH MTV Trillions Enterprise, The Grand Ho Tram Resort - InterContinental Hotels Group, Công ty CP Đầu tư và Thương mại Satori. Bên cạnh đó, trường ĐHTT và khoa KT-QTKD cũng giới thiệu cho NH thực tập tốt nghiệp tại Công Ty CP Phát Triển Kỹ Thuật & Thương Mại Tân Đức thành công **[H4.04.03.03]**.

Để tăng cường tính chủ động học tập của NH, Trường triển khai công thông tin ĐT trực tuyến Elearning. Ngoài ra, Trường thành lập câu lạc bộ (CLB) học thuật như: CLB âm nhạc: FTB - Feel The Beat, CLB Tổ chức sự kiện: CEO, CLB Thiện nguyện: TNXK - Thanh niên xung kích, CLB Truyền thông: RINT MEDIA, CLB Thể thao: TTSC - Tan Tao Sport Club, và CLB NCKH nhằm động viên, khuyến khích NH rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập nhằm đạt được CĐR **[H4.04.03.04]**. Hằng năm, Trường tổ chức chuyên đề, hội nghị, hội thảo NCKH nhằm tạo điều kiện để NH có

cơ hội thực hiện và báo cáo kết quả sản phẩm NCKH, đồng thời khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của NH. Các phương pháp thảo luận nhóm giúp cho NH hiểu sâu sắc hơn kiến thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, các bài tập cá nhân, tự học có tác dụng phát triển năng lực của NH về nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác [H4.04.03.05].

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/ phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như: thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận ... đối với HP lý thuyết, làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành, sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, CVHT về đăng ký HP, NCKH, tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.06]. Trường định kỳ tiến hành khảo sát của NH và cựu NH về việc sử dụng PPDH và phương pháp KTĐG của GV. Kết quả khảo sát cho thấy: 100% NH và cựu NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV.

Ngoài ra, GV Khoa KT-QTKD sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học [H4.04.03.07]. Kết quả khảo sát ý kiến của GV, NH thể hiện GV Khoa sử dụng đa dạng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.08].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo ngành QTKD tại trường khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV thông qua việc ứng dụng đa dạng các PPGD phù hợp với CĐR. Qua đó, nhà trường góp phần nâng cao năng lực học tập suốt đời cho sinh viên.

GV Khoa KT-QTKD sử dụng đa dạng, phù hợp các PPGD để đạt CĐR như: Dự án, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp.

Hơn 90% GV và NH hài lòng với các hoạt động dạy học/PPGD.

3. Điểm tồn tại

Triết lý giáo dục của trường chưa được phổ biến rộng rãi đến GV của khoa KT-QTKD. Trường cũng chưa có những hướng dẫn cụ thể, chi tiết để triển khai triết lý này vào thực tế giảng dạy. Việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ GV khoa KT-QTKD, vẫn còn hạn chế. Ngoài ra, một số HP còn thiếu rõ ràng về nội dung tự học và khoa chưa có quy chế đánh giá, kiểm tra nội dung tự học của NH trước khi đến lớp.

4. Kế hoạch hành động

	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa KT-QTKD tổ chức hội thảo, tọa đàm: Mời các BLQ, GV, NH tham gia để cùng thảo luận, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và hoàn thiện TLGD. Ngoài ra, Khoa KT-QTKD phổ biến rộng rãi: Sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau như website, internet, email, hội nghị để truyền đạt TLGD đến toàn thể CB, GV, NV và NH.	Khoa KT-QTKD	Từ tháng 01/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường ĐHTT và Khoa KT-QTKD tiếp tục rà soát ĐCCT HP bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các PPGD và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động ĐT nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.	Khoa KT-QTKD, Phòng CTNH - HTDN	Từ tháng 06/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành TLGD và phổ biến tới tất cả các BLQ. Các Bộ môn xây dựng các PPGD đa dạng, phù hợp và hướng dẫn NH các phương pháp học tập phù hợp để đạt CDR, được NH đánh giá cao. Tất cả ĐCCT HP đều mô tả rõ PPGD, học tập phù hợp, GV sử dụng nhiều phương pháp/hoạt động giảng dạy để hỗ trợ NH rèn luyện các KN và nâng cao khả năng học tập suốt đời như bài tập trên lớp, dự án, thực tập tại doanh nghiệp.

Những tồn tại cơ bản:

Triết lý giáo dục của Trường chưa được lấy ý kiến của các BLQ. Trường chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể việc triển khai, chuyển tải TLGD. Chưa tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng các PPGD ĐH nói chung và giảng dạy khoa KT-QTKD nói riêng cho

GV của Khoa. ĐCCT một số HP chưa cụ thể nội dung tự học, Khoa chưa có quy định KTĐG nội dung tự học trước ở nhà của NH.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,67 điểm. Số tiêu chí đạt: 3/3. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy chế ĐT, Trường xây dựng dự thảo và ban hành quy định tổ chức thi trên máy tính năm 2020, quy định tổ chức thi kết thúc HP theo hình thức trực tuyến của Trường ĐHTT năm 2020, quy định về công tác tổ chức thi kết thúc HP dành cho NH ĐH hệ chính quy của Trường ĐH Tân Tạo năm 2022, quy trình thi kết thúc HP 2022, quy định đánh giá kết quả học tập của NH năm 2023. Các quy định này được phổ biến đến các đơn vị liên quan, GV, NH để thực hiện. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP đồng thời được đăng trên website của Trường và phòng KT-BĐCL [H5.05.01.01], [H5.05.01.02].

Để đáp ứng các CĐR kiến thức, trong thời gian học chính thức, các văn bản hướng dẫn nêu trên có mô tả cụ thể về quy trình và hướng dẫn phương pháp KTĐG. Trong ĐCCT cũng có quy định về phương pháp KTĐG và các tiêu chí đánh giá như: chuyên cần, quá trình, kết thúc HP..., Trường có xây dựng tiêu chí, thang đánh giá (Rubric) để đánh giá các CĐR về nhận thức cấp độ cao, các CĐR về kỹ năng mềm và các CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Trong quá trình xây dựng các phương pháp KTĐG đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT, mỗi nội dung của HP chỉ ra mối liên hệ giữa PP KTĐG với nội dung kiến thức HP và để đạt được CĐR nào của HP và đạt được CĐR nào của CTĐT [H5.05.01.03].

Cách thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) Đối với các CĐR kiến thức: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CĐR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc HP, điểm quá trình và điểm chuyên cần để tính điểm thành phần.

ii) Đối với các CĐR kỹ năng: đánh giá thông qua việc vận dụng, đánh giá được chất lượng của công việc, đề xuất được hướng cải tiến hệ thống sản xuất trong tương lai, Thiết kế mới, tái thiết kế hiệu quả, mô hình hóa hệ thống sản xuất dịch vụ nhằm giảm chi phí, tăng năng suất và hiệu quả và kích cầu sản phẩm dịch vụ, Vận dụng hiệu quả kiến thức phụ trợ (QL kinh tế, điều hành doanh nghiệp, quy trình sản xuất) giúp ra quyết định và kích cầu sản phẩm trong toàn hệ thống chuỗi cung ứng hướng đến hoàn thiện hệ thống

sản xuất và dịch vụ.

iii) Đối với các CDR tự chủ: đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ NH được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp... Tính kết nối giữa phương pháp KTĐG để đạt được CDR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP.

Hệ thống kiểm tra đánh giá (KTĐG) tại Trường bao gồm tổ hợp các phương pháp KTĐG như: đánh giá quá trình lên lớp, tham gia thảo luận, chuẩn bị bài tập, thi kết thúc học phần (HP), và làm khóa luận tốt nghiệp. Các HP được đánh giá theo 3 phần chính:

Điểm chuyên cần (10%): Được đánh giá qua mức độ tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp, như điểm danh, sự tích cực tham gia thảo luận và tương tác với giảng viên.

Điểm quá trình (40%): Bao gồm kiểm tra trên lớp, bài tập, bài thuyết trình hoặc các dự án nhóm, tùy theo đặc thù của từng HP, được quy định trong đề cương chi tiết học phần (ĐCCT HP).

Điểm thi kết thúc HP (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ, đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức và kỹ năng của người học.

Các hoạt động và phương pháp KTĐG được thiết kế để đo lường mức độ đạt được của các chuẩn đầu ra (CDR), phù hợp với từng HP và mục tiêu đào tạo. Hướng dẫn cụ thể về các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập được trình bày trong các tài liệu như ĐCCT HP và Sổ tay Sinh viên.

Khóa luận tốt nghiệp: Là phương thức KTĐG quan trọng giúp người học phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học, và tự chịu trách nhiệm. Quy trình thực hiện khóa luận bao gồm: phổ biến kế hoạch, xét duyệt đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn, và tổ chức bảo vệ luận văn. Các yêu cầu và hướng dẫn chi tiết được cung cấp trong Sổ tay Thực tập và Sổ tay Sinh viên. **[H5.05.01.04]. [H5.05.01.05].**

Tổ hợp các PP KTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, làm khóa luận. Các HP đều được đánh giá bởi 02 loại điểm, điểm quá trình (chiếm 40%) và điểm thi kết thúc HP (chiếm 50%). Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù môn học, được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR, hướng dẫn xác định các PPGD, học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH Trường (Sổ tay thực tập [General Internship Workbook]). Thực hiện khóa luận nhằm giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Để chuẩn bị cho việc thực hiện khóa

luận, NH luôn được thông báo kế hoạch thực hiện, được CVHT triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công GV hướng dẫn, quy trình bảo vệ khóa luận, quy định về bảo vệ khóa luận/đề án tốt nghiệp [H5.05.01.04]. Tất cả các nội dung về đánh giá kết quả, hình thức đánh giá để đáp ứng CDR đều được GV thông báo cho NH vào đầu khóa học, buổi học, và trong Sổ tay Sinh viên [H5.05.01.05].

2. Điểm mạnh

Trường xây dựng và ban hành và thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ của Trường đến các Khoa, GV, NH, trong đó có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các đơn vị.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CDR và yêu cầu các Khoa triển khai thực hiện.

Hình thức thi, KTĐG KQHT được thể hiện rõ trong ĐCCT HP ngành QTKD và GV Khoa KT-QTKD thông báo cho NH ngay trong buổi học đầu tiên.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, GV Khoa KT-QTKD áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG HP phù hợp và đo lường được mức độ đạt CDR.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CDR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa KT-QTKD triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CDR.	Khoa KT-QTKD, Phòng KT-BĐCL	Tháng 11 hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QTKD tiếp tục áp dụng đa dạng các hình thức thi, KTĐG HP phù hợp và đo lường được mức độ đạt CĐR, đồng thời rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành.	Khoa KT-QTKD, Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng QLĐT chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá kết quả học tập của người học trên hệ thống phần mềm QL ĐT. Trong Quy định về ĐT trình độ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có quy định cụ thể về trọng số đánh giá HP có tổ chức thi kết thúc HP, cụ thể: Đối với các HP chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: tùy theo tính chất của HP, điểm tổng hợp đánh giá HP được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa HP, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc HP, trong đó điểm thi kết thúc HP là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%, đối với các HP thực hành, NH phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của HP thực hành, đối với HP thực hành phải thi kết thúc HP, cách tính điểm tổng hợp đánh giá HP do GV đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong ĐC HP. Ngoài ra, việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, KTĐG HP được thể hiện trong ĐCCT HP được thông qua HĐ KH&ĐT và được Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.02.01].

Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện, trong

đó phòng KT-BĐCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc HP của toàn Trường. Hằng năm, căn cứ kế hoạch học kỳ, vào khoảng giữa học kỳ, phòng KT-BĐCL dự thảo lịch thi kết thúc HP, gửi đến các đơn vị để góp ý và trên cơ sở đó điều chỉnh, tổng hợp lịch thi, trình Hiệu trưởng phê duyệt lịch thi chính thức, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể CB, GV, NH biết và thực hiện theo kế hoạch. Theo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi HP CB chấm thi phải hoàn thành công tác chấm thi và nhập điểm kết thúc HP hoàn chỉnh lên hệ thống Education, lãnh đạo Khoa KT-QTKD/Bộ môn có trách nhiệm QL và rà soát việc nhập điểm và công bố kết quả thi đến NH các lớp HP do Khoa KT-QTKD QL. Bên cạnh đó, phòng KT-BĐCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và QL kết quả chấm thi, bài thi theo quy định. Các Khoa cử CB coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm QL ĐT đúng theo thời gian quy định. **[H5.05.02.02]**.

Căn cứ Quy chế ĐT trình độ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ, Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT cũng như Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định ĐCCT HP, các Khoa triển khai xây dựng ĐCCT, trong đó có nội dung xác định các phương pháp KTĐG phù hợp để đạt CĐR. Khi thông qua ĐCCT HP do GV biên soạn, Khoa KT-QTKD, HĐ KH&ĐT luôn chú trọng sự tương thích của các phương pháp KTĐG để đạt CĐR HP được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT và Bản mô tả CTĐT. Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, phòng KT-BĐCL, Khoa KT-QTKD, CVHT phổ biến, lưu ý NH thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ của Trường. Ngay buổi học đầu tiên, GV Khoa KT-QTKD thông báo đến NH các phương pháp KTĐG HP đã được xác định trong ĐCCT HP **[H5.05.02.03]**.

Trường thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP được phổ biến đến các đơn vị, CB, GV, NV thông qua email, tuần sinh hoạt công dân. Ngoài ra, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP và các quy định tổ chức thi khác do Trường ban hành được tóm tắt trong Sổ tay GV, Sổ tay NH **[H5.05.02.04]**. Về thời gian, điểm quá trình được GV giảng dạy đánh giá trong suốt quá trình giảng dạy theo quy định trong ĐCCT, GV sẽ nhập điểm quá trình để xét điều kiện thi kết thúc cho NH theo quy định hiện hành. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Trường **[H5.05.02.05]**. Tiêu chí cụ thể để đánh giá các HP được quy định cụ thể trong ĐCCT môn học **[H5.05.02.06]**. Tất cả thông tin về việc đánh giá đều được thông tin đến NH. Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc lại các quy định kiểm tra/đánh giá KQHT để NH nắm rõ, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường **[H5.05.02.07]**. Chính vì vậy, 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định này. NH xem kết quả thông qua trang

thông tin điện tử của Trường, Công thông tin NH, phần mềm quản lý học tập myttu [H5.05.02.08]. Kết quả khảo sát cho thấy có 100% NH Khoa KT-QTKD cho rằng NH được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá từng môn học [H5.05.02.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ, hệ thống đánh giá học tập toàn diện, từ việc thiết kế bài thi đến việc công bố kết quả, đảm bảo tính khách quan và minh bạch.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa KT-QTKD triển khai thực hiện.

Trường, Khoa KT-QTKD áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến NH Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT-QTKD chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH các văn bản quy định về KTĐG KQHT của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QTKD triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của NH của Khoa KT-QTKD đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH.	Khoa KT-QTKD Phòng KT-BĐCL	Tháng 11 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Phòng KT-BĐCL phối hợp các khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành và phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức.	Phòng KT-BĐCL Khoa	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG) nhằm đảm bảo đo lường chính xác chuẩn đầu ra (CĐR) của các học phần (HP). Các phương pháp này được lựa chọn dựa trên nội hàm của từng HP, bao gồm lý thuyết thuần túy hoặc có ứng dụng thực tế. Một số phương pháp KTĐG tiêu biểu bao gồm:

- Thi tự luận (6 HP, chiếm 7,2%)
- Thi trắc nghiệm (34 HP, chiếm 41%)
- Thi trắc nghiệm kết hợp tự luận (26 HP, chiếm 31,3%)
- Làm đồ án (4 HP, chiếm 4,8%)
- Kết hợp thi lý thuyết và thực hành (4 HP, chiếm 4,8%)
- Thực hành (3 HP, chiếm 3,6%)
- Báo cáo kết thúc môn học (5 HP, chiếm 6%)
- Khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp (1 HP, chiếm 1,2%)【H5.05.03.02】.

Độ giá trị:

Các phương pháp KTĐG được thiết kế phù hợp với mục tiêu từng HP, đảm bảo đo lường được kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ mà CĐR yêu cầu.

Hệ thống ngân hàng đề thi được xây dựng và quản lý theo quy trình bảo mật, đảm bảo nội dung đề thi phản ánh đúng mục tiêu đào tạo【H5.05.03.03】.

Các đề thi trắc nghiệm được chuẩn hóa về hình thức và nội dung, thông qua thảo luận và phê duyệt của Bộ môn và Khoa【H5.05.03.04】.

Độ tin cậy:

Quy trình tổ chức thi đảm bảo tính khách quan và nghiêm túc, không có khiếu nại từ người học trong giai đoạn đánh giá.

Sau mỗi học kỳ, phổ điểm của từng HP được phân tích để đánh giá chất lượng đề thi và hiệu quả phương pháp đánh giá【H5.05.03.05】.

Quy trình chấm điểm, từ khóa luận tốt nghiệp đến bài thi kết thúc HP, đều tuân thủ các tiêu chí được công bố công khai. Hội đồng chấm khóa luận áp dụng tiêu chí cụ thể về nội dung, phương pháp nghiên cứu, và trình bày kết quả, đảm bảo tính công bằng và khách quan [H5.05.03.05]. Hàng năm, phòng KT-BĐCL tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (BLQ) về độ chính xác, độ tin cậy, và sự hài lòng đối với các PPĐG. Kết quả khảo sát năm 2022 cho thấy mức hài lòng trung bình đạt 4,6/5【H5.05.03.06】.

Thông qua các quy định rõ ràng về khóa luận và đồ án tốt nghiệp, người học được

hướng dẫn chi tiết từ việc đăng ký đề tài, thực hiện, đến bảo vệ trước hội đồng. Kết quả phản hồi từ giảng viên và hội đồng giúp người học cải thiện kỹ năng tự học, nghiên cứu, và nâng cao kết quả học tập. Phương pháp KTĐG tại Trường đã được thực hiện đa dạng, đảm bảo đo lường chính xác và công bằng. Các phản hồi từ người học và BLQ là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả KTĐG trong tương lai.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. Giảng viên Khoa KT-QTKD sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của NH.

Kết thúc mỗi học kỳ, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các HP cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học.

Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 02 CB coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH.

3. Điểm tồn tại

Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các HP của ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa KT-QTKD tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các HP.	Khoa KT-QTKD Phòng KT-BĐCL	Tháng 11 hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa KT-QTKD tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

		của NH.			
--	--	---------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, được thể hiện trong quy chế ĐT và quy định đảm bảo chất lượng công tác KTĐG kết quả học tập. Trong Quy định về ĐT trình độ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP có quy định GV công bố điểm quá trình cho NH trên hệ thống phần mềm QL ĐT chậm nhất trước 03 ngày kể từ ngày kết thúc HP giảng dạy. Điểm thi kết thúc HP được công bố cùng với điểm tổng kết của HP. Đối với HP vấn đáp, điểm thi của NH được công bố ngay sau kết thúc buổi thi vấn đáp. Việc công bố điểm HP được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc HP và được cập nhật lên hệ thống phần mềm QL ĐT và công thông tin của Trường. Mỗi NH được Trường cấp 01 tài khoản và sử dụng để xem kết quả thi, KTĐG các HP. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc HP, NH nộp đơn phúc khảo về Phòng KT-BĐCL trong thời gian 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc HP. Thời hạn chấm phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo của NH. Các Khoa phân công GV chấm phúc khảo không phải là GV chấm thi lần đầu tiên và nếu có thay đổi điểm phải có biên bản đối chất giữa GV chấm lần đầu và GV chấm phúc khảo. Trường hợp có sự khác biệt giữa phiếu ghi điểm đã công bố và điểm được nhập lưu trữ trong hệ thống QL ĐT, Phòng ĐT có trách nhiệm kiểm tra và điều chỉnh (*nếu có sai sót*) theo quy định của Trường **[H5.05.04.01]**.

Trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ, trong đó có quy định cụ thể về phản hồi kết quả đánh giá đến các Khoa để phổ biến GV, NH của Khoa biết và thực hiện. Văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành được thể hiện trong sổ tay GV, sổ tay NH cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa KT-QTKD và trong phần mềm QL ĐT. Trong nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Nhà trường thông báo, phổ biến cụ thể quy định thi, KTĐG KQHT của người học đến NH **[H5.05.04.02]**.

Người học được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Việc phản hồi nếu đưa ra quá muộn sẽ không mang lại tác dụng đối với NH. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học thông qua điểm chuyên cần, thực

hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận. Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến NH. Người học có tài khoản riêng để theo dõi kết quả môn học trên hệ thống phần mềm QLĐT của Trường. Hồ sơ, KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của người học, rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. Người học nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá NH về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến NH. Như vậy, ngay trong quá trình học tập của HP, thông qua các hình thức đánh giá đa dạng, NH đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy NH nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, NH cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp NH nhận thức rõ hơn về yêu cầu của HP, từ đó NH có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo [H5.05.04.03].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng CTNH - HTDN gửi danh sách NH bị cảnh báo học vụ tới Khoa KT-QTKD đối với các trường hợp cảnh báo theo quy định ĐT. NH bị cảnh báo học vụ 02 lần liên tiếp với hình thức buộc thôi học, NH vượt quá thời gian được phép học tại trường. Người học có kết quả học tập từ khá trở lên được Trường xem xét học bổng để khích lệ tinh thần học tập và tặng giấy khen của Hiệu trưởng với những thành tích học tập, nghiên cứu nổi bật [H5.05.04.04]. Sau khi nhận kết quả học tập, NH có thể phản hồi về kết quả học tập bằng việc phúc khảo, đánh giá môn học, toàn khóa học [H5.05.04.05].

2. Điểm mạnh

Trong Quy định về ĐT trình độ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Trường thông báo, phổ biến đến NH quy định về phản hồi kết quả đánh giá với nhiều hình thức khác nhau. Trong giai đoạn 2019 - 2024, không có NH ngành QTKD đề nghị phúc khảo kết quả đánh giá các HP. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được CVHT thông báo đến NH sử dụng để cải thiện việc học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Khoa KT-QTKD chưa đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc	Từ năm học 2024 - 2025,	Khoa KT-	Tháng 11	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	phục điểm tồn tại	Khoa KT-QTKD phối hợp với Phòng KT-BĐCL khảo sát đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.	QTKD Phòng KT-BĐCL	hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QTKD tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của NH.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy chế ĐT và Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP do Nhà trường ban hành quy định rõ về việc khiếu nại KQHT đối với người học. Trường gửi văn bản Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP đến các Khoa để phổ biến đến NH [H5.05.05.01]. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ được thể hiện trong sổ tay GV, sổ tay NH cũng như đăng tải trên website của Trường, của Khoa và trong phần mềm QL ĐT [H5.05.05.02].

Phòng QLĐT, Khoa KT-QTKD phổ biến Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đến NH tại tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, đầu khóa học. Bên cạnh đó, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể đến NH Quy định về việc tổ chức thi kết thúc HP - hệ chính quy ĐT theo hệ thống tín chỉ đến NH tại các buổi sinh hoạt lớp [H5.05.05.03].

Trường chú trọng đến việc giải quyết khiếu nại của NH đối với kết quả thi, KTĐG và phân công trách nhiệm cụ thể cho phòng QLĐT, phòng KT-BĐCL và các Khoa trong việc giải quyết khiếu nại, phản ánh của NH về kết quả thi, KTĐG. Trong giai đoạn đánh giá, ngoài các trường hợp phúc khảo, Khoa KT-QTKD không có trường hợp khiếu nại về KQHT [H5.05.05.04], [H5.05.05.05].

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa KT-QTKD, CVHT phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Trường luôn quan tâm và yêu cầu các đơn vị giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của NH.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Quy định về việc khiếu nại KQHT của người học còn phân định rõ việc xử lý các trường hợp khiếu nại đúng/sai, chưa phân định rõ trách nhiệm của người chấm khi có sự chênh lệch điểm số trước và sau khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Khoa KT-QTKD có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.	Khoa KT-QTKD Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa KT-QTKD tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau, giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của NH.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường ban hành các quy định, quy trình về kiểm tra, đánh giá được rà soát và điều chỉnh vào các năm 2019 và 2022, trong đó có quy định các hình thức thi, thời gian thi, công bố và phản hồi, khiếu nại kết quả thi, đã phổ biến đến toàn thể NH.

GV đã sử dụng các phương pháp, hình thức KTĐG khác nhau cho đánh giá chuyên cần, thường xuyên, giữa HP và cuối HP.

Trường có ban hành các quy trình thể hiện rõ các bước, trách nhiệm, cách thức thực hiện và sự phối hợp giữa các đơn vị và cá nhân để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng về kiểm tra và đánh giá HP. Các kỳ thi, kiểm tra được tổ chức nghiêm túc theo quy định.

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/HP. Các trường hợp khiếu nại kết quả học tập và đã được xử lý kịp thời.

Những tồn tại cơ bản:

Nội dung hướng dẫn của Trường về thiết kế các phương pháp KTĐG phù hợp và giúp đo lường mức độ đạt được CDR chưa cụ thể, chi tiết. Chưa phân tích, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các phương pháp KTĐG và các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh phù hợp với yêu cầu đo lường đánh giá mức độ NH đạt CDR của HP. Việc phản hồi kết quả đánh giá chủ yếu thông qua hình thức công bố điểm cho NH.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên

Mở đầu

Khoa KT-QTKD có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, với nhiều năm làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế. Đội ngũ GV trong khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê NCKH, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và NCKH. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu ĐT, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau. Việc tuyển dụng, đề bạt CB được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm ĐT và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc QL theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV, thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) căn cứ nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD. Từ khi thành lập đến nay lãnh đạo Trường luôn xác

định việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Đề án “Nâng cao chất lượng đội ngũ CB Trường giai đoạn 2011 - 2020” và “Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2026, định hướng đến năm 2030”, “Chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2021 - 2026, định hướng đến 2030 **H6.06.01.01**] và bản mô tả công việc cá nhân, quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp cụ thể của đội ngũ GV, đáp ứng về nhu cầu ĐT. Trường và Khoa đã cụ thể hóa thành Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa định kỳ hàng năm [**H6.06.01.02**].

Đến tháng 08/2024, Khoa có 10 GV, gồm 4 TS, 6 ThS, 100% GV của Khoa đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có nhiều GV được ĐT ở nước ngoài và ĐT theo chương trình liên kết với nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ về công tác tại Khoa. GV của Khoa được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV. Trường triển khai rà soát quy hoạch GV, CBNV hàng năm nhằm có kế hoạch cử tham gia hội thảo, hội nghị, đào tạo [**H6.06.01.03**] để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV [**H6.06.01.04**]. Hoạt động này được thực hiện theo Kế hoạch và kinh phí ĐT, phát triển đội ngũ GV [**H6.06.01.05**].

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê số lượng GV Khoa theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi			GS	PGS	TS	ThS	KS/CN
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45					
2019-2020	11	9	2	3	5	3			5	6	
2020-2021	10	8	2	3	5	2			4	6	
2021-2022	11	9	2	3	5	3			5	6	
2022-2023	11	9	2	3	5	3			5	6	
2023-2024	10	8	2	3	5	2			4	6	

(Nguồn: Phòng TCHC, 2024)

Bảng 6.1.2. Bảng thống kê số lượng GV của ngành QTKD theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi			GS	PGS	TS	ThS	KS/CN
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45					

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi			GS	PGS	TS	ThS	KS/CN
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45					
2019-2020	10	8	2	3	5	2			4	6	
2020-2021	11	9	2	3	5	3			5	6	
2021-2022	10	8	2	3	5	2			4	6	
2022-2023	10	8	2	3	5	2			4	6	
2023-2024	11	9	2	3	5	3			5	6	

(Nguồn: Phòng TCHC, 2024)

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Khoa chú trọng quy hoạch đội ngũ GV từ khâu tuyển dụng: Khoa có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự công khai với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp, GV được lựa chọn và phân công giảng dạy phù hợp với từng chuyên ngành cụ thể. Khoa có 04 Bộ môn bao gồm Bộ môn QTKD, Bộ môn KDQT, Bộ môn TC-KT và Bộ môn KT. GV được bố trí phù hợp với chuyên ngành cho từng bộ môn [H6.06.01.06]. Bên cạnh đó, Khoa cũng chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng và cũng như bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức các ngành nghề có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật và công nghệ theo định hướng phát triển đào tạo sinh viên có khả năng ứng dụng, thực hành của Khoa [H6.06.01.07]. Khoa có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ tiến sĩ, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm học [H6.06.01.08], [H6.06.01.09]. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phục vụ cộng đồng của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hiện các phần việc theo đúng chuyên môn và theo kế hoạch của khoa và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Khoa.

Hiện nay, tại Trường việc tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động và cho

nghi hưu đôi với GV đều có qui định rõ ràng thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động và quy định cụ thể của Trường **[H6.06.01.10]**.

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và có thông báo, phổ biến đến toàn thể GV để biết và thực hiện.

Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV trên tinh thần công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH, PVCD.

Đội ngũ GV hiện tại của Khoa KT-QTKD có trình độ chuyên môn cao, bảo đảm năng lực đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

3. Điểm tồn tại

Một số giảng viên trình độ Thạc sĩ của Khoa vẫn đang theo học chương trình đào tạo trình Tiến sĩ. Trong giai đoạn sắp đến Trường, Khoa, Bộ môn cần đẩy mạnh hơn trong việc đào tạo và phát triển đội ngũ GV trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa. Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCD và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, dựa trên Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường và Khoa, Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển CB dài hạn, chú trọng đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi, dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng CB sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu. Tỷ lệ GV/NH của ngành QTKD đảm bảo duy trì được chất lượng ĐT và phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT hiện nay. Tỷ lệ GV/NH của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa là 66 người, gồm 11 TS (chiếm tỷ lệ 16,4% so với tổng số GV của Khoa), 54 ThS (81,8%), 01 cử nhân (1,5%). Hiện Khoa có 01 GV đang theo học NCS ở trong nước, 02 GV đang theo học NCS ở nước ngoài. Trong giai đoạn đánh giá, tỷ lệ GV/NH chính quy ngành QTKD được quy đổi lần lượt: năm học 2018 - 2019 là 0,05, 2019 - 2020 là 0,07, 2020 - 2021 là 0,15, 2021 - 2022 là 0,11, 2022 - 2023 là 0,07 đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT. NH được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, ĐBCL ĐT theo mục tiêu của Khoa theo tỉ lệ bảng 6.2.1.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/NH của Khoa qua từng năm học

Năm học	Tổng số GV quy đổi	Tổng số của NH	Tỷ lệ GV/NH
2018 - 2019	27,9	536	0,05
2019 - 2020	39,8	603	0,07
2020 - 2021	72,5	491	0,15
2021 - 2022	74,3	662	0,11
2022 - 2023	77,3	1042	0,07

(Nguồn: Phòng TCHC, 2024)

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế tại đơn vị. Đội ngũ cơ hữu, Khoa có 10 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức, công ty doanh nghiệp lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của NH theo thỏa ước gắn kết ĐT giữa Trường với doanh nghiệp [H6.06.02.01], [H6.06.02.02].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác

khác như phụ trách CVHT, coi thi, chấm bài, tuyển sinh,... Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 300 giờ, NCKH: 150 giờ, Công tác khác (CVHT, coi thi kết thúc HP, tham gia hoạt động tuyển sinh...) theo Quy định chế độ làm việc của GV hiện hành. Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của các phòng KT-BĐCL, phòng QLKH-HTQT và xác nhận từ GV. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và công tác khác (coi thi, CVHT, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận...) công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo. Ngoài ra, Khoa đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng, tư vấn hướng dẫn về kỹ thuật. Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.03], [H6.06.02.04], [H6.06.02.05].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng tháng qua thông qua bảng TĐG kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.06], [H6.06.02.02]. Sau khi GV TĐG thì Trưởng Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về phòng TCHC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể HTTNV mục tiêu của năm.

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ NH/GV học của CTĐT ngành QTKD đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu ĐT trình độ ĐH hiện hành.

Quy định chế độ làm việc của GV được Trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

GV Khoa luôn tích cực hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động PVCĐ do Trường, phòng CTNH - HTDN cũng như các cơ quan đoàn thể phát động và tổ chức.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, tỉ lệ GV/NH đáp ứng nhu cầu đào tạo. Tuy nhiên, với định hướng phát của Trường nói chung và Khoa nói riêng, đội ngũ GV của Khoa phải không ngừng nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo. Trong giai đoạn sắp đến Trường, Khoa, Bộ môn cần đẩy

manh hơn nữa việc phát triển đội ngũ GV trình độ cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa. Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCD và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.	Khoa KT-QTKD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng Trường đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV. Quy trình bổ nhiệm chặt chẽ, đúng quy trình quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và QL viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi,

bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và QL viên chức **[H6.06.03.01]**.

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và khoa, gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung **[H6.06.03.02]**. Bên cạnh đó, Trường cũng có những chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với nhân lực có trình độ cao cho ngành QTKD **[H6.06.03.03]**. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, ĐT, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng. Căn cứ chiến lược phát triển của Trường, Khoa, kế hoạch ĐT bồi dưỡng hằng năm, khoa có đề xuất nhân sự để phát triển đội ngũ GV **[H6.06.03.04]**. Căn cứ quy mô TS hằng năm, các HP trong CTĐT ngành QTKD, nhu cầu ĐTBĐ đội ngũ, Khoa có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt và thông báo rộng rãi **[H6.06.03.05]**. Trong các thông báo KH tuyển dụng hằng năm của Trường đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, Khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự... **[H6.06.03.06]**.

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của CTĐT ngành QTKD được thực hiện theo Quy định nêu trên, việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ GD&ĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, QL còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở quy hoạch CB đã được phê duyệt cho từng giai đoạn **[H6.06.03.08]**.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển.

Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và QL viên chức.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, website của Trường và của phòng TCHC.

3. Điểm tồn tại

Hằng năm, thông báo tuyển dụng được phổ biến, công khai bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm đảm bảo toàn thể CB, GV có đủ thông tin, nhận thức về các quy định, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển ở các đợt tuyển dụng của Trường vẫn còn hạn chế, nhất là nguồn nhân lực có trình độ cao của ngành QTKD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Khoa đã rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được ĐT để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.	Khoa Các đơn vị liên quan	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và QL viên chức.	Khoa KT-QTKD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng ĐT. Trong định hướng phát triển CTĐT ngành QTKD, việc đầu tư, tăng cường đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV được quy định trong Quy định đánh giá đội ngũ, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH, năng lực phát triển CTĐT, năng lực giảng dạy, năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc, năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng **[H6.06.04.01]**. Ngoài ra, Trường tập trung xây dựng các văn bản quy định về năng lực của từng vị trí công tác với các yêu cầu về trình độ, kiến thức, kỹ năng cần thiết, quy định về tuyển dụng nhân sự và quy định về hoạt động NCKH **[H6.06.04.02]**, **[H6.06.04.03]**, **[H6.06.04.04]**.

Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách, công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, khả năng hướng dẫn NH thực tập, hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Nhà trường xác định rõ trong Quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHTT, đây là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm học của GV. Các hoạt động ĐT của GV sẽ được quy đổi bằng giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và giờ phục vụ hành chính. GV chỉ cần hoàn thành hết các giờ chuẩn đã được Quy định thì GV đã đạt được chỉ tiêu. Nếu giờ làm việc của GV nhiều hơn so với giờ tiêu chuẩn sẽ được thanh toán giờ vượt trội **[H6.06.04.05]**.

Trường ĐHTT là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Tân Tạo nên công tác đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân sẽ thực hiện theo quy định của Tập đoàn Tân Tạo **[H6.06.04.06]**. Hàng năm, Trường ĐHTT thực hiện tổng kết đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV dựa trên các biên bản họp đánh giá, phân loại GV và NV của các đơn vị và đề xuất khen thưởng đối với những cá nhân vượt trội trình Tập đoàn xem xét **[H6.06.04.07]**. Đến năm 2022, Trường ban hành Quy định thi đua - khen thưởng áp dụng cho GV, NV **[H6.06.04.08]**. Khoa tổ chức cuộc họp để bình xét đánh giá năng lực và chất lượng làm việc của đội ngũ GV theo thông báo của Phòng TCHC. Sau khi phân loại đội ngũ GV, Khoa gửi phòng TCHC để tổng hợp lại tất cả thông tin đánh giá và xét duyệt tất cả thông tin đánh giá thông qua cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng **[H6.06.04.07]**, **[H6.06.04.09]**. Sau cuộc họp, Hội đồng thi đua – khen thưởng đưa ra kết quả khen thưởng năm học. Ngoài công tác giảng dạy, Trường có hoạt động khen thưởng thành tích NCKH đối với GV hoàn thành xuất sắc **[H6.06.04.10]**.

Bên cạnh đó, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH đối với hoạt động giảng dạy của GV, trên cơ sở báo cáo khảo sát, Khoa KT-QTKD đã có những phản hồi giúp GV điều chỉnh lại PPGD của mình cho phù hợp [H6.06.04.11].

Như vậy, các hoạt động đánh giá không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp các cấp QL có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa nhằm định hướng chiến lược phát triển phù hợp.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Trường tổ chức giám sát và đánh giá năng lực của đội ngũ GV, GV Khoa KT-QTKD được đánh giá hàng năm và được NH phản hồi về hoạt động giảng dạy hằng kỳ.

Các GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành QTKD có trình độ chuyên môn và NCKH tốt đáp ứng tốt các yêu cầu cho giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH hiện chủ yếu tập trung vào một số GV, chưa thu hút được sự tham gia rộng rãi từ tất cả GV trong Khoa. Chưa phát huy tối đa vai trò của GV trong công tác PVCĐ, hình thức thực hiện chưa đa dạng và chưa có cơ chế đánh giá cụ thể về hiệu quả hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<p>Đẩy mạnh khuyến khích, hỗ trợ và phân công nhiệm vụ hợp lý để thu hút sự tham gia rộng rãi của GV vào hoạt động NCKH.</p> <p>Tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động PVCĐ. Thông qua đó, có thể xác định và đánh giá năng lực GV hiệu quả và toàn diện hơn.</p>	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Từ năm học 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện bộ công cụ đánh giá năng lực. Tiếp tục động viên, khuyến khích CB, GV học tập bậc TS trong và ngoài nước.	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Từ năm học 2025 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. *Mô tả hiện trạng*

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) và phát triển đội ngũ CB, GV, NV nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Qua các buổi họp tổng kết năm, Khoa đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch ĐTBD và phát triển chuyên môn cho GV, đồng thời triển khai các giải pháp cụ thể, giúp đội ngũ GV nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng. Kế hoạch ĐTBD của đội ngũ CB, GV, NV gắn với Chiến lược phát triển Khoa đến năm 2026, tầm nhìn 2030 đã đưa ra các giải pháp cụ thể để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho GV trong giai đoạn phát triển mới [H6.06.05.01].

Hoạt động ĐTBD phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên của Trường. Hàng năm, Khoa tổ chức họp tổng kết, khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, đánh giá năng lực giảng viên. Dựa trên kế hoạch ĐTBD và yêu cầu của chương trình đào tạo (CTĐT), giảng viên sẽ tự nguyện đăng ký hoặc được Khoa chỉ định tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu chuyên môn và yêu cầu của Trường. Sau đó, Khoa lập kế hoạch đào tạo của đơn vị và chuyển cho Phòng Tổ chức - Hành chính (TCHC) tổng hợp thành kế hoạch ĐTBD chung của Trường. Tổng hợp trong giai đoạn 2019 - 2024, ít nhất 75% giảng viên ngành NNA đã hoàn thành các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và các văn bằng cần thiết. Các giảng viên được đào tạo và phát triển chuyên môn theo kế hoạch của Trường, với nguồn kinh phí dành cho ĐTBD hàng năm theo quy chế hiện hành [H6.06.05.02], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04].

Trường và Khoa có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn trong nước và quốc tế. Các chương trình học bổng quốc tế được công khai thông báo để tạo cơ hội cho giảng viên trẻ tham gia ứng tuyển. Khoa cũng khuyến khích giảng viên hợp tác nghiên cứu với các giảng viên từ các trường đại học uy tín quốc tế nhằm nâng cao trình độ giảng dạy và nghiên cứu [H6.06.05.05], [H6.06.05.06].

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn của giảng viên được giám sát và đánh giá hằng năm. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên, đồng thời được sử dụng để xét thi đua khen thưởng [H6.06.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐTBĐ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng và triển khai kế hoạch về ĐTBĐ và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT.

Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CBNV, GV.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ ĐT hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ĐT tuy có thực hiện nhưng chưa có chiều sâu, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành ĐT. Khoa tiến hành đánh giá	Khoa Phòng KT-BĐCL Phòng QLĐT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ĐT hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ĐT và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Khoa xây dựng kế hoạch công tác hằng năm đối với từng giảng viên, xác định rõ các công việc cụ thể trong giảng dạy, NCKH và các công việc liên quan. Mỗi giảng viên phải đáp ứng các tiêu chí công việc tối thiểu theo quy định của Trường và bảng mô tả công việc của giảng viên. Khoa phân công công việc cho giảng viên theo từng năm học để đảm bảo sự rõ ràng và hiệu quả trong công việc. **[H6.06.06.01]**.

Trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc. Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường **[H6.06.06.02]**, việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (bao gồm khen thưởng và công nhận) được thực hiện nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho công tác đào tạo. Định kỳ, Khoa tổ chức họp và đưa ra các định hướng hoạt động phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mệnh và Triết lý giáo dục của Trường, đồng thời đánh giá mức độ hoàn thành công việc của giảng viên và đề xuất khen thưởng cho các cá nhân xuất sắc **[H6.06.06.03]**, **[H6.06.06.04]**. Kết quả công việc của GV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV được thống kê. Qua đó, Khoa tiến hành đánh giá năng lực GV thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của người học liên quan đến PPGD của GV **[H6.06.06.05]**. Hằng năm, Khoa tổ chức họp toàn thể giảng viên để thống

nhất ý kiến và đánh giá thi đua theo đúng quy định của Trường. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến sinh viên, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích **[H6.06.06.06]**, **[H6.06.06.07]**.

Giảng viên hài lòng với kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa luôn lấy ý kiến đóng góp của giảng viên để đảm bảo sự khách quan và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc. Phản hồi và đóng góp ý kiến được thực hiện qua các cuộc họp trực tiếp và thông báo qua email Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV đang được triển khai tại Trường và Khoa giúp tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H6.06.06.08]**. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về công tác quản lý, chế độ, chính sách và các hoạt động phục vụ ĐT của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV về việc quản trị theo kết quả công việc thể hiện GV hài lòng về kết quả đánh giá, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường. Khảo sát báo cáo tổng kết và biên bản hội nghị CB viên chức của Trường và Khoa cho thấy không có ý kiến phản đối hoặc thắc mắc của GV về kết quả đánh giá thi đua khen thưởng trong các năm vừa qua **[H6.06.06.09]**.

2. Điểm mạnh

Trường có ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Và hằng năm, GV Khoa thực hiện tốt công tác đăng ký thi đua vào đầu năm học.

Trường phân công Phòng TCHC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH trong công tác triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV, là đầu mối liên hệ giữa các đơn vị trong thực hiện công tác.

Giảng viên Khoa luôn được lấy ý kiến và khảo sát về sự hài lòng đối với kết quả đánh giá.

Trong giai đoạn 2019 - 2024, đội ngũ GV của Trường và của Khoa đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng.

3. Điểm tồn tại

Số lượng GV, NCV nhận được hình thức khen thưởng các cấp cao còn chưa nhiều. Trường chưa có đội ngũ NCV chuyên trách, hiện tại còn nhiều vị trí kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của Khoa KT-QTKD. Trường, phòng TCHC, Khoa tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao.	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về các loại hình NCKH và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu được xác lập rõ ràng trong Quy định QL hoạt động KH&CN của Trường và Quy định chế độ làm việc của GV [H6.06.07.01]. Quy định QL hoạt động KH&CN đã xác định các hoạt động NCKH tại trường, bao gồm: tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp, viết bài báo xuất bản trong nước và quốc tế, tham gia báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, tham gia biên soạn sách - giáo trình tài liệu, hướng dẫn NH NCKH. Quy định chế

độ làm việc của GV quy định mỗi GV với chức danh-học vị khác nhau phải hoàn thành tối thiểu 120 giờ NCKH, cụ thể như sau:

Bảng 6.7.1. Giờ chuẩn quy định trong giảng dạy và NCKH

Chức danh – Học vị	Giảng dạy	NCKH
Giảng viên – Thạc sĩ	330 giờ chuẩn	120 giờ chuẩn
Giảng viên – Tiến sĩ	270 giờ chuẩn	180 giờ chuẩn
Giảng viên chính – Thạc sĩ	300 giờ chuẩn	150 giờ chuẩn
Giảng viên chính – Tiến sĩ	240 giờ chuẩn	210 giờ chuẩn
Giảng viên cao cấp - Phó Giáo sư	210 giờ chuẩn	240 giờ chuẩn
Giảng viên cao cấp - Giáo sư	180 giờ chuẩn	270 giờ chuẩn

Số giờ làm việc của GV được tính dựa trên các hoạt động NCKH đã được quy định và thông báo công khai vào đầu năm học. GV sẽ đăng ký số giờ giảng dạy và NCKH của mình khi năm học bắt đầu. Dựa trên những thông tin này, nhà trường sẽ đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV.

Dựa trên kế hoạch hoạt động NCKH hàng năm, Phòng QL Khoa học và Hợp tác Quốc tế sẽ hướng dẫn GV các khoa đăng ký loại hình và số lượng hoạt động NCKH vào đầu năm học [H6.06.07.02]. Với nhiều lựa chọn về hình thức nghiên cứu, GV có thể linh hoạt chọn những hoạt động phù hợp với khối lượng công việc của mình trong năm. Ngoài ra, trường cũng đã ban hành quy định hướng dẫn thực hiện các đề tài NCKH cấp trường [H6.06.07.03]. Mỗi đề tài NCKH được quy đổi thành số giờ chuẩn NCKH cho GV.

Hàng năm, phòng QLKH-HTQT báo cáo tổng kết về các hoạt động NCKH đã thực hiện trong năm học cũ và lên phương hướng hoạt động NCKH cho năm tiếp theo. Điều này giúp cho trường có cái nhìn tổng quan về các hoạt động NCKH mà các GV đang thực hiện và định hướng hỗ trợ cho các NCKH trọng tâm để có thể mang đến kết quả tốt nhất. Đồng thời dựa trên các bản báo cáo này mà trường có thể đưa ra kế hoạch cải tiến công tác NCKH theo chu kỳ 2 năm. Ngoài ra, Trường ban hành sổ tay NCKH để hướng dẫn các chính sách cho GV có thể hiểu căn cứ theo các quy định để bắt đầu các hoạt động NCKH. Điều này sẽ giúp GV có thể dễ dàng hơn tiếp cận với các gói hỗ trợ mà trường đưa ra cho các hoạt động NCKH.

Số lượng công bố khoa học được đăng tải trên các tạp chí trong nước và tạp chí quốc tế của Trường trong giai đoạn 2019 - 2024 là 131 bài báo. Mỗi năm Trường duy trì công bố từ 19 bài trở lên. Đặc biệt, hơn 77,1% bài báo được đăng trong các tạp chí uy tín quốc tế (tạp chí hạng cao với hệ số tác động lớn). Trong đó cao nhất vào năm 2022 với 30 bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Khoa KT-QTKD công bố 12 bài báo chiếm hơn 9,2% tổng số bài báo của Trường. Hằng năm, Khoa KT-QTKD duy trì công bố ít nhất 01 bài báo. Trong đó, số lượng công bố cao nhất là 4 bài vào năm 2023. Trong giai đoạn 2019-2024, Khoa KT-QTKD đã thực hiện và nghiệm thu thành công 01 đề tài NCKH cấp cơ sở. Trong đó, nhiều công trình NCKH được đăng tải trên các tạp chí danh tiếng như Tạp chí Kinh Tế Châu Á - Thái Bình Dương, Global Scientific Journals, European Modern Studies Journal, IM Ranchi journal of management studies Emerald và nhiều tạp chí khác.

Kết thúc năm học, Trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV để đảm bảo GV hoàn thành nhiệm vụ nói chung và nhiệm vụ NCKH nói riêng. Từ kết quả đánh giá, Trường sẽ vinh danh các GV có thành tích NCKH xuất sắc và được ưu tiên đánh giá thi đua khen thưởng [H6.06.07.04]. Dựa trên kết quả đánh giá các hoạt động NCKH, lãnh đạo Khoa tiến hành họp đánh giá phân loại GV hàng năm với mục tiêu nâng cao chất lượng và số lượng các loại hình hoạt động khoa học hướng tới nâng cao chất lượng giảng dạy. Khoa KT-QTKD đã chú trọng rà soát, đối sánh và điều chỉnh các hoạt động khoa học năm học mới sao cho phù hợp với thực tiễn, từ đó nâng cao chất lượng NCKH của Khoa.

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, GV Khoa chưa có nhiều đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp thành phố, và cấp Bộ. Số lượng công bố khoa học của GV Khoa còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương	Khoa KT-QTKD, Phòng QLKH-HTQT Phòng TCKT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		đương, đồng thời tăng cường các đề tài NCKH từ các cấp với sự tham gia thực hiện của NH, và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CNHC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.	Khoa KT-QTKD, Phòng QLKH-HTQT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật

Nhà trường ban hành đầy đủ và cập nhật các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV. Quy định về chế độ làm việc, khối lượng công việc của GV về ĐT và NCKH được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết, được triển khai thực hiện và được giám sát để cải tiến chất lượng. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ GV được thực hiện theo quy định/quy trình của Nhà trường. Có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm và triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc.

Những tồn tại cơ bản

Trong giai đoạn đánh giá, có sự biến động cao về số lượng GV nghỉ việc, thôi việc và cả số lượng GV được tuyển mới, gây ra khó khăn nhất định trong các hoạt động ĐT và NCKH của Trường/Khoa. CLPT của Khoa về công tác nhân sự còn thiếu số lượng GV theo từng năm, thiếu các chỉ số đánh giá thực hiện công việc, thiếu đối sánh với CLPT của Trường và phân tích nguyên nhân những năm chưa đạt được đề có cơ sở cải tiến trong công tác nhân sự.

Các hoạt động PVCĐ chưa được quy định và hướng dẫn cụ thể. Việc đo lường các nhiệm vụ PVCĐ chưa có những tiêu chí đánh giá cụ thể. Do đó việc đánh giá sự đóng góp cho cộng đồng của GV chưa được đầy đủ và phát huy hiệu quả. Chưa đánh giá tính hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/ĐT hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ĐT. Trường chưa khảo sát ý kiến GV về mức độ hài lòng với kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng và công nhận của Trường.

Số lượng đề tài NCKH các cấp còn hạn chế, nhất là vào giai đoạn cuối của chu kỳ đánh giá. Hoạt động NCKH trong nước (số lượng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành và báo cáo tham luận ở hội thảo trong nước) còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 6/6 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 7/7. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường và Khoa. Đội ngũ NV của Khoa bao gồm: thư ký, giáo vụ và NV các phòng ban liên quan như thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác, đội ngũ này có nhiệm vụ góp phần hỗ trợ cho công tác ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV và NH. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường và Khoa. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường cũng ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có chiến lược phát triển trong giai đoạn 2021 – 2026 và định hướng đến năm 2030. Đây là cơ sở để phát triển và đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.01].

Hàng năm, Trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác ĐT, NCKH, PVCD cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường để làm tốt công tác quy hoạch [H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, lao động, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H7.07.01.03]. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV, khung năng lực, quy định trong danh mục vị trí việc làm [H7.07.01.04].

Khoa đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ gồm các công tác như: đội ngũ CVHT, công tác Đoàn, phong trào thanh niên và NH (02 GV, Công đoàn Khoa (01 GV), 01 CB phụ trách công tác giáo vụ Khoa. Bên cạnh đội ngũ CB hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa và người học còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin về các lĩnh vực cũng như chuyên môn thông qua đội ngũ NV kỹ thuật của Trung tâm thông tin Thư viện, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: phòng CTSV - HTDN, phòng QLKH-HTQT, phòng KT-BĐCL, Trung tâm Ngoại ngữ, Trung tâm khởi nghiệp. Các phòng ban và trung tâm được bố trí đủ số lượng CB, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu (02 NV CNTT, 11 NC hành chính ở các phòng ban, 02 NV hỗ trợ NH). Trong đó, có 12 NV có trình độ ThS, 01 NV có trình độ ĐH. Số lượng NV Thư viện của Trường là 02 người. Đội ngũ NV thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Thư viện trường ĐHTT được bố trí tại tầng 5 tòa nhà hành chính, tổng diện tích 800m² gồm 2 khu phòng đọc, 04 phòng học nhóm, 03 phòng lưu trữ xử lý tài liệu, 01 khu truy cập internet nhằm cung cấp sách báo và tài liệu hỗ trợ cho việc học tập, nghiên cứu, đồng thời khuyến khích tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập của NH [H7.07.01.05]. Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ CB đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng chuyên viên/NV một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng NV. Đội ngũ NV hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu ĐT, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.06].

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ CB hỗ trợ, hàng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ CB, NV từ GV và NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Kết quả khảo sát NH và GV về các dịch vụ hỗ trợ từ NV đều đạt tỷ lệ hài lòng từ 60% trở lên: NV làm việc tại thư viện (GV: 69%, NH 60,6%), NV làm việc tại phòng thí nghiệm GV: 75%, NH: 63,9%), NV CNTT GV: 73%, NH: 63,1%) [H7.07.01.07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, ĐT, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của NH được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp NH học tập và rèn luyện tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Trong một số trường hợp, do điều kiện khách quan tác động dẫn đến việc truyền đạt thông tin và phối hợp giữa các nhân viên của các bộ phận khác nhau còn gặp khó khăn. Điều này ảnh hưởng đến tính hiệu quả và đồng nhất của công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<p>Trường tiếp tục xây dựng môi trường giao tiếp mở và thuận lợi giữa các NV và các bộ phận khác nhau thông qua các buổi gặp gỡ giữa BGH, NLĐ được tổ chức định kỳ, các hoạt động xây dựng đội nhóm, tăng cường sự hiểu biết và tin tưởng, tạo ra một môi trường làm việc tích cực và hỗ trợ.</p> <p>Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công cụ và nền tảng truyền thông, chuyển đổi số vào giao tiếp và phối hợp công việc. QL hiệu quả công việc, thời gian</p>	<p>Khoa KT-QTKD,</p> <p>Các đơn vị liên quan</p>	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tiếp tục đẩy mạnh chính sách thu hút và công tác ĐT và phát triển đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Nhằm ĐBCL của công tác tuyển dụng, Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác ĐT, NCKH và các hoạt động khác. Mỗi vị trí công việc được mô tả chi tiết trong Bản mô tả vị trí công việc của NV, khung năng lực. Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu của vị trí, công việc. Ngoài ra, quy trình tuyển dụng cũng được thể hiện cụ thể trong danh mục vị trí việc làm [H7.07.02.01]. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng nhân sự, trong đó có đội ngũ NV hỗ trợ, nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ theo đề xuất của các Khoa và đơn vị. Trường gửi thông báo kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị liên quan và công khai trên website của Trường. Nội dung thông báo nêu đầy đủ kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng cho từng vị trí việc làm được xác định theo quy định tuyển dụng đã được. Đội ngũ NV được phòng TCHC tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành [H7.07.02.02], [H7.07.02.03]. Theo đó, NV Khoa đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng nói trên và được tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ (quy trình tuyển dụng gồm 3 vòng như sau: gặp gỡ phòng QLĐT, tiếp xúc khoa chuyên môn, làm việc với phòng TCHC). Trường đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng của Trường ĐHTT nhằm giúp NV nắm rõ được các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, trách nhiệm và quyền

lợi của mình, để từ đó hoàn thành tốt công việc hỗ trợ ĐT, NCKH và PVCĐ. Qua đó, đội ngũ NV của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển theo đúng các kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV của Trường với quy trình chặt chẽ, ĐBCL và đảm bảo phù hợp với vị trí công việc và pháp luật **[H7.07.02.04]**, **[H7.07.02.05]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ. Đối với từng nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc:

i) Chức danh thuộc Khối CB QL cao cấp (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng), Khối CB QL học vụ, đào tạo, Khối GV: Có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, vi tính, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

ii) Chức danh CB, NV các phòng, ban khác thuộc khối hành chính: có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm QL, thái độ tích cực và cầu tiến.

iii) Chức danh NV giáo vụ, hỗ trợ của Khoa: Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức, siêng năng cần cù, vui vẻ hòa nhã, biết lắng nghe, có lập trường về chính trị, thái độ tích cực và cầu tiến...

iv) Chức danh NV hỗ trợ phòng thực hành nghề của Khoa: Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về lĩnh vực Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Logistics và QL chuỗi cung ứng, QL công nghiệp và Kinh doanh, có kỹ năng ứng dụng CNTT.

Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng Nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật **[H7.07.02.05]**, được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV. Đến tháng 08/2024, số lượng NV của trường là 62. Ngoài ra, nhằm hỗ trợ cho công tác tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng Trường, căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và Khoa, các tiêu chí tuyển dụng còn được phổ biến công khai ở quy mô lớn trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng như website của phòng TCHC và Khoa.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, nhưng chưa cụ thể hoá về số lượng. Hoạt động đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển có thực hiện nhưng chưa được thường xuyên để kịp thời điều chỉnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác CB được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển, (2) Công khai những quy định về ĐT đối với CB trong quy hoạch để những CB còn lại có hướng tiếp cận và ĐT bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm.	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến công khai các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực đội ngũ NV có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường nói chung và của ngành đào tạo QTKD nói riêng. Đội ngũ NV cho công tác

đào tạo của Khoa KT-QTKD đồng thời cũng là đội ngũ NV cho các ngành đào tạo khác trong Trường, gồm có 64 NV thuộc 18 Phòng/Ban/Khoa **[H7.07.03.01]**. Khoa KT-QTKD và các Phòng/ Ban xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ CBNV hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/Trung tâm đến cấp Trường theo thông báo hướng dẫn về việc xét thi đua khen thưởng, quyết định ban hành quy định đánh giá đội ngũ, quy định công tác thi đua khen thưởng, nội quy lao động **[H7.07.03.02]**, **[H7.07.03.03]**, **[H7.07.03.04]**, **[H7.07.03.05]**.

Năng lực của đội ngũ NV được xác định rõ trong Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và quy định đánh giá đội ngũ. Theo đó, năng lực đối với đội ngũ NV bao gồm (1) Năng lực chung là các kỹ năng như kỹ năng mềm: làm việc nhóm, làm việc độc lập, chịu áp lực công việc, diễn đạt bằng lời, diễn đạt bằng văn bản, nhạy bén, giao tiếp và tạo mối quan hệ tốt; khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh trong công việc; ứng dụng công nghệ thông tin thành thạo; khả năng trình bày hình thức và nội dung email, các loại văn bản hành chính; khả năng sử dụng tốt thiết bị văn phòng (máy photocopy, máy in, điện thoại,...); khả năng sử dụng các phần mềm quản lý công việc và (2) Năng lực chuyên môn, giúp các đơn vị chức năng nâng cao năng lực kỹ thuật, giải quyết các vấn đề trong chuyên môn sâu như: triển khai thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo đã được thông qua, tổ chức xét cho SV học tiếp, cảnh báo kết quả học tập, tạm dừng học, buộc thôi học (NV QLĐT); quản lý việc vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật (NV kỹ thuật); xây dựng mối quan hệ với các bộ, ban ngành và địa phương trong nước và các tổ chức chính phủ và phi chính phủ nước ngoài để triển khai các hoạt động NCKH và CGCN (NV QLKHT-HTQT)... **[H7.07.03.03]**, **[H7.07.03.06]**. Bên cạnh đó, ngay từ khâu tuyển dụng, Trường nêu rõ yêu cầu về trình độ, năng lực chuyên môn trong thông báo tuyển dụng được đăng tải trên website của Trường và thông báo công khai trên các web tuyển dụng (Vietnamworks, Careerbuilder) **[H7.07.03.07]**.

Hiện nay, quy trình và các tiêu chí để đánh giá hiệu quả, chất lượng công việc của đội ngũ NV Trường ĐHTT được áp dụng theo quy định đánh giá đội ngũ **[H7.07.03.03]**. Theo đó, nội dung đánh giá bao gồm: (1) Việc thực hiện chủ trương, nội quy, quy chế, quy định hiện hành; (2) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ thường xuyên được giao; (3) Mức độ thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao; (4) Việc chủ động tham mưu, đề xuất thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; (5) Việc tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí; (6) Sự phối hợp trong công tác, sự đoàn kết nhất trí trong tập thể đơn vị; (7) Việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc đối với NV được chia làm 03 nhóm mục tiêu, bao gồm: (1) Nhóm mục tiêu khối lượng và hiệu suất công việc; (2) Nhóm mục tiêu về năng lực thực hiện; (3) Nhóm mục tiêu tuân thủ các quy trình, quy định. Các tiêu chí cụ thể của nhóm mục tiêu “Khối lượng và hiệu suất công việc” được

thiết lập dựa vào công việc và chỉ tiêu được giao tương ứng vị trí việc làm được phân công. Dựa trên kết quả thực hiện các nội dung trên, hằng năm, nhân sự được đánh, phân loại theo 04 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Về phía Khoa KT-QTKD, đội ngũ NV được đánh giá năng lực và hiệu suất công việc thông qua cuộc họp đánh giá KPI định kỳ hằng tháng, đây cũng là căn cứ hoàn thiện công tác chấm công, trả lương cho NV [H7.07.03.08]. Ngoài ra, cuối mỗi năm học, Trường thực hiện công tác đánh giá, phân loại GV, NV theo trình tự sau: Cá nhân sẽ TĐG năng lực hoàn thành nhiệm vụ của bản thân sau đó đơn vị tổ chức các cuộc họp để bình xét đánh giá năng lực và chất lượng làm việc của đội ngũ NV từ đó đề xuất các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sau khi đánh giá phân loại đội ngũ NV, các đơn vị gửi kết quả đến Phòng TCHC để tổng hợp lại tất cả thông tin đánh giá và xin ý kiến phê duyệt của HĐ đánh giá. Trên cơ sở đó, Lãnh đạo Trường ra quyết định công nhận khen thưởng cho NLĐ [H7.07.03.09].

Năng lực của đội ngũ NV còn được đánh giá thông qua phản hồi của các BLQ về chất lượng phục vụ. Hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ GV và NV về khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ NV thuộc các phòng, ban đơn vị. Kết quả khảo sát về tiêu chí mức độ hài lòng của GV, NV về chất lượng hỗ trợ của các đơn vị cho thấy phần lớn các đơn vị đều được đánh giá ở mức tốt. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát của SV trước tốt nghiệp về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ, tư vấn SV của các CBNV nhận được mức độ hài lòng khá cao [H7.07.03.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của CB hỗ trợ ở các đơn vị chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV, có chính sách ĐT bồi dưỡng, tập huấn và khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính sách ĐT, nâng cao năng lực của đội ngũ NV về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng CV hỗ trợ NH tốt hơn.	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ CB, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Trường thực hiện tốt công tác đào tạo và các hoạt động của Trường. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định, Trường và Khoa khuyến khích và tạo điều kiện cho CB hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời

gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản Quy định về đào tạo bồi dưỡng của Trường [H7.07.04.01].

Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu xây dựng và phát triển đội ngũ NV được Trường xác định trong các văn bản: Đề án thành lập Trường, Đề án nâng cao năng lực đội ngũ, Chiến lược phát triển Trường, Đề án vị trí việc làm. Phòng TCHC ban hành Thông báo triển khai đăng ký nhu cầu ĐT, bồi dưỡng gửi các đơn vị thuộc Trường biết và thực hiện. Giai đoạn 2019 - 2024, hoạt động ĐTBD cho đội ngũ NV của Khoa chủ yếu tập trung vào các nội dung và hình thức. Sau khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn đã tổng hợp thông tin, tài liệu, nội dung có thể vận dụng vào thực tiễn trong báo cáo và chia sẻ đến toàn thể giảng viên trong Trường [H7.07.04.02].

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB hỗ trợ được Trường thực hiện có kế hoạch và được xác định rõ ràng. Kế hoạch của Trường được hoạch định dựa vào kế hoạch ĐT từ các phòng, khoa và trung tâm [H7.07.04.03], các kết quả ĐT, bồi dưỡng [H7.07.04.04], Nhà trường đã sử dụng nguồn kinh phí của CSGD cho hoạt động ĐT, bồi dưỡng đội ngũ NV là 697.374.500 VNĐ (2017-2018:114.360.000, 2018-2019: 190.453.000, 2019-2020: 237.817.500, 2020-2021: 53.507.000, 2021-2022: 101.237.000). Các quyết định cử CB tham dự ĐT được gửi đến Khoa và các phòng ban để theo dõi, đánh giá [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về ĐTBD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác ĐTBD NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát việc áp dụng các nội dung được tập huấn vào công việc của NV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm 2024 - 2025, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các	Khoa	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		đợt tập huấn.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải tiến.	Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định chi tiết về kỷ luật lao động, quy định về việc thực hiện báo cáo công việc Trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực tham gia thi đua khen thưởng nhằm tạo động lực NCKH và phục vụ cộng đồng, đồng thời, làm việc tích cực không ngừng nâng cao để tạo động lực và hỗ trợ công tác đào tạo, gồm: nội quy lao động hàng tuần, đánh giá công việc hàng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc, Hệ thống chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) áp dụng tại Trường, Quy chế thi đua khen thưởng của Trường ĐHTT [H7.07.05.01], [H7.07.05.02], [H7.07.05.03].

Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ cụ thể trong Bản mô tả công việc. Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng nhiều biện pháp như đội ngũ thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công; thư ký, giáo vụ Khoa phải báo cáo hàng

tuần, hàng tháng về cho Trường về tiến độ hoàn thành công việc công việc [H7.07.05.04] [H7.07.05.05].

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào những quy định của Nhà Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc cho mình. Khi tiến độ công việc được thể hiện chi tiết, rõ ràng, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc, ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá thông qua các báo cáo, biên bản [H7.07.05.06].

Đội ngũ nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc khi không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hiệu quả công việc hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác. Đồng thời, các quy định về đánh giá hiệu quả công việc và quy chế thi đua khen thưởng của Nhà trường luôn được xây dựng dựa trên kết quả lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, NV [H7.07.05.07].

2. Điểm mạnh

Các quy định của Trường về đánh giá, QL NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

3. Điểm tồn tại

Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ NV chưa cụ thể nên gây khó khăn trong việc giám sát. Chưa có báo cáo công việc hàng tuần để nâng cao hiệu quả công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa nên đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ NV rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho	Khoa KT-QTKD Phòng TCHC	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
		công tác giám sát, QL.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao công tác QL CB hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.	Khoa KT-QTKD	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025, TN 2030, trong đó có phát triển tổ chức bộ máy, đội ngũ nhân sự và QL hành chính. Kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đội ngũ NV được thực hiện công khai, minh bạch.

Yêu cầu về năng lực của NV, kỹ thuật viên và mô tả công việc gắn với từng vị trí được nêu trong Đề án vị trí việc làm (2022) của Trường. Trường có khảo sát nhu cầu ĐT, bồi dưỡng và triển khai ĐT bồi dưỡng theo kế hoạch. Hằng năm, Trường/Khoa có triển khai lấy ý kiến NV về mức độ hài lòng của các BLQ.

Những tồn tại cơ bản:

Các MTĐT, bồi dưỡng, NCKH và PVCĐ chưa được đưa vào trong Chiến lược phát triển của Trường và chiến lược phát triển của các đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn cho việc ĐT, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa được thể hiện rõ. Kế hoạch ĐT, nâng cao năng lực cho NV, kỹ thuật viên chưa thể mức độ gắn kết vị trí việc làm và các phân tích, dự báo các nhu cầu của các đơn vị, biến động nhân sự để đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường.

Hoạt động đánh giá hiệu quả của các loại hình ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề được tổ chức, phân tích mức độ tham dự và tìm hiểu nguyên nhân để cải tiến chưa được triển khai. Việc tích hợp và sử dụng hiệu quả dữ liệu đánh giá đánh giá năng lực, xếp loại hàng quý, hàng năm của NV trên phần mềm quản trị của Trường và các đơn vị chưa được triển khai và đồng bộ. Kế hoạch làm việc cá nhân của đội ngũ NV ở Khoa và các đơn vị liên quan chưa được triển khai đầy đủ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học là đối tượng trung tâm trong môi trường giáo dục bậc đại học và để đạt được mục tiêu đào tạo đã đặt ra thì việc định hướng hoạt động cho NH có ý nghĩa rất quan trọng. Khi đã tuyển chọn được những NH đáp ứng yêu cầu theo Đề án tuyển sinh thì các hoạt động đào tạo được tiến hành theo khung chương trình, với sự hỗ trợ tối đa từ phía Trường nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho NH. Để hỗ trợ người học trong quá trình học tập, nhà trường đã tạo ra môi trường và các điều kiện thuận lợi nhất cho người học như: xây dựng đội ngũ cố vấn học tập, mời các chuyên gia có kinh nghiệm đến chia sẻ về nghề nghiệp, tổ chức các buổi trải nghiệm nghề nghiệp cho NH vào đầu khóa học. Việc áp dụng công nghệ 4.0 vào quản lý đào tạo đã giúp NH dễ dàng tiếp cận kết quả học tập và theo dõi sát được tiến độ học tập của bản thân. Ngoài ra, dữ liệu về việc làm sau tốt nghiệp của NH cũng được cập nhật liên tục, điều này giúp NH yên tâm học tập và rèn luyện.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường xây dựng chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy trình xây dựng đề án tuyển sinh chính sách tuyển sinh của các ngành ĐT nói chung và ngành QTKD nói riêng được quy định một cách rõ ràng, chi tiết và đầy đủ, bao gồm: văn bằng, thời gian ĐT, chỉ tiêu, hình thức thi/xét tuyển, thời gian xét tuyển, chính sách học phí, học bổng thông qua các kênh tuyển sinh đa dạng nhằm hỗ trợ thí sinh có thể tiếp cận thông tin dễ dàng và hiệu quả. Các thông tin chính sách, quy định đều được thể hiện rõ ràng cụ thể trong đề án tuyển sinh trong giai đoạn đánh giá 2019-2024. Trường ĐHTT đã xây dựng Ban Tuyển sinh (đổi thành Phòng TTTS từ năm 2021) phụ trách công tác tổ chức tư vấn tuyển sinh để triển khai chính sách tuyển sinh thông qua những hoạt động cụ thể: i) Thiết lập đội ngũ tuyển sinh với thành phần đa dạng, gồm: GV cơ hữu, sinh viên, ii) Tạo điều kiện cho GV, SV tham gia các đợt tập huấn về nội dung kỹ năng tư vấn hướng nghiệp tuyển sinh do Ban Tư vấn tuyển sinh tổ chức để cập nhật thông tin, iii) Xây dựng tài liệu tuyển sinh ngành QTKD với nội dung đa dạng, phong phú như video giới thiệu ngành, tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh, iv) Tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh trực tuyến tại các trường THPT qua hoạt động tư vấn dưới cờ, hướng

nghiệp cho học sinh, tham gia các chương trình giao lưu, hội thảo tư vấn tuyển sinh cùng các trường ĐH, Cao đẳng, trong các buổi tham quan Trường của học sinh THPT trong địa bàn thành phố và các tỉnh **[H8.08.01.01], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07]**.

Thông qua buổi họp các bên liên quan hàng năm, chính sách tuyển sinh được Phòng Truyền và Thông Tuyển sinh tham mưu xây dựng, có sự thống nhất ý kiến của các thành viên HĐTS hoặc lãnh đạo, cán bộ nhân viên nhà trường phù hợp với Quy chế tuyển sinh ĐH và các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT **[H8.08.01.05]**. Chính sách tuyển sinh được cụ thể hóa trong Đề án tuyển sinh và thông tin tuyển sinh được thông báo công khai rộng rãi thông qua việc phát tờ rơi, đăng tải thông tin trên các nền tảng trang thông tin điện tử <http://thituyensinh.vn> của Bộ GD&ĐT và trang <http://ttu.edu.vn> của Trường cũng như được cập nhập vào trang quản lý thi trung học phổ thông quốc gia <http://thithptquocgia.edu.vn> **[H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03]**.

Từ năm 2020 trở về trước, Trường xét tuyển với 03 đối tượng tuyển sinh khác nhau. Đối tượng 01 là thí sinh tốt nghiệp THPT và xét tuyển chủ yếu dựa vào kết quả thi THPT quốc gia và kết quả của học bạ THPT kết hợp với phỏng vấn bởi hội đồng phỏng vấn ĐHTT, đảm bảo ngưỡng đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT, bên cạnh đó cũng bổ sung thêm phương thức áp dụng kỳ thi Đánh giá năng lực (năm 2020). Đối tượng 02 là học sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài hoặc trường quốc tế tại Việt Nam. Đối tượng 03 là sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, ĐH và các bậc học cao hơn sẽ xét theo kết quả học tập bậc học. Đến năm 2021, đối tượng tốt nghiệp các chương trình cao đẳng, ĐH được loại bỏ khỏi đối tượng xét tuyển ngành QTKD cùng với giảm bớt đi phương thức áp dụng kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực. Năm 2022, đối tượng tốt nghiệp các chương trình ĐH tại Việt Nam hoặc nước ngoài được áp dụng theo đề án tuyển sinh, nêu rõ phương thức xét tuyển vào ngành QTKD là áp dụng phương thức tuyển sinh gồm: xét tuyển thẳng, xét tuyển căn cứ vào kết quả tốt nghiệp THPT quốc gia, xét tuyển căn cứ kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia, xét bằng kết quả tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và kết quả tốt nghiệp chương trình ĐT ĐH Việt Nam hoặc nước ngoài. Đến năm 2023, đối tượng tuyển sinh được rút gọn là đối tượng tốt nghiệp THPT tại Việt Nam và xét tuyển theo các phương thức: xét tuyển thẳng, xét tuyển theo kết quả học bạ, xét tuyển theo điểm thi THPT QG và xét theo điểm thi của kỳ thi Đánh giá năng lực **[H8.08.01.01]**.

Ngành QTKD sử dụng tổ hợp môn xét tuyển khối A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), D01 (Toán, Văn, Anh), D07 (Toán, Hóa, Anh).

Hàng năm, Trường tổ chức cuộc họp tổng kết tuyển sinh để đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, kết quả trúng tuyển và nhập học, những thuận lợi, khó khăn, phân tích nguyên nhân và hạn chế, đề ra phương hướng và các giải pháp thực hiện để nâng cao công tác tuyển sinh trong năm học tới. Trường đã điều chỉnh chính sách tuyển

sinh về phạm vi tuyển sinh, phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển phù hợp tình hình thực tế và quy định của Bộ GD&ĐT [**H8.08.01.04**].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó thể hiện chính sách và quy định về tuyển sinh rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm.

Trường công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh bằng nhiều hình thức khác nhau, góp phần đáng kể vào kết quả tuyển sinh của Trường.

Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp với Phòng QLĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp.	Khoa KT-QTKD Phòng KT-BĐCL Phòng QLĐT	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành.	Khoa KT-QTKD Phòng QLĐT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển NH theo quy chế tuyển sinh ĐH hàng năm của Bộ GD&ĐT (Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày

07/5/2020 về Quy chế tuyển sinh trình độ ĐH). Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hàng năm để tuyển chọn được NH có được năng lực phù hợp với ngành nghề ĐT. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được tuân thủ theo đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường qua các năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023 [H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022 theo các tổ hợp môn xét tuyển từng ngành học, xét tuyển học bạ THPT các năm, xét tuyển thí sinh theo kết quả điểm bài thi đánh giá năng lực ĐH Quốc gia TPHCM, xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh ĐH của Bộ GD&ĐT và xét học bạ lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Trong mỗi phương thức sẽ xét theo các tiêu chí cụ thể được quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.02.01].

Theo quy định trong Đề án tuyển sinh hiện hành năm 2024 thì:

i) Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (theo quy định của Luật Giáo dục). Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước.

ii) Phương thức tuyển sinh theo 4 phương thức cụ thể:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và xét tuyển những thí sinh từ các trường Dự bị ĐH dân tộc.

Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 ngành QTKD được xét dựa trên điểm tổ hợp. Điểm xét tuyển được tính từ tổng điểm thi 3 môn tốt nghiệp THPT theo tổ hợp các môn xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có).

Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THPT.

Phương thức 4: Xét tuyển căn cứ vào kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia được thực hiện từ năm 2022 đến nay.

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh và Ban Thư ký để giám sát chặt chẽ hoạt động tuyển sinh nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch và đúng các tiêu chí tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.09]. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xây dựng đảm bảo phù hợp quy định hiện hành của Bộ và sự thống nhất của lãnh đạo các Phòng, Ban liên quan [H8.08.02.05].

Sau mỗi đợt tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh trường có những buổi họp để phân tích đánh giá kết quả tuyển sinh, đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh, kết quả trúng tuyển và nhập học, những thuận lợi, khó khăn, phân tích nguyên nhân và hạn chế, đề ra phương hướng từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo [H8.08.02.05], [H8.08.02.06].

Trong báo cáo có thống kê, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học, đối sánh kết

quả so với chỉ tiêu đã xác định. Số liệu trúng tuyển, nhập học các ngành ĐT được công bố, theo đó, số lượng, tỷ lệ nhập học của ngành QTKD theo từng năm 5 SV/20 chỉ tiêu, đạt 25% (năm 2019), 3 SV/40 chỉ tiêu, đạt 7,5% (năm 2020), 4 SV/40 chỉ tiêu, đạt 10% (năm 2021), 27 SV/60 chỉ tiêu, đạt 45% (năm 2022), 23 SV/60 chỉ tiêu, đạt 38,3% (2023). Bên cạnh đó, trường đã tổ chức lấy ý kiến các BLQ để làm cơ sở điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được phù hợp hơn, công bằng và dân chủ [H8.08.02.07], [H8.08.02.08].

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ tiêu	20	40	40	60	60
Số trúng tuyển	6	3	6	27	31
Số nhập học	5	3	4	27	23

Bảng thống kê số liệu tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh: chỉ tiêu, số trúng tuyển, số nhập học thực tế từ 2019 - 2023

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Trường xây dựng và ban hành đề án tuyển sinh đúng theo quy định, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH rõ ràng.

Hàng năm, Trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.

Kết quả tuyển sinh của Trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

3. Điểm tồn tại

Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành vẫn chưa cao như các trường ĐH danh tiếng trên địa bàn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.	Khoa KT-QTKD, Phòng TT-TS	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn NH và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.	Khoa KT-QTKD, Phòng TTTS	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Tân Tạo có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập của NH để nâng cao chất lượng NH và hỗ trợ NH kịp thời. Hệ thống giám sát gồm các hội đồng xét tốt nghiệp, hội đồng xét học vụ, đội ngũ CVHT, đội ngũ GV giảng dạy, ban cán sự lớp và một số phòng ban liên quan theo quy định chức năng, nhiệm vụ của Trường [H8.08.03.01].

Bảng 8.3.1. Hệ thống giám sát học tập, rèn luyện của người học

TT	Hệ thống	Nội dung giám sát	
		Khối lượng học tập và kết quả	Sự tiến bộ trong rèn luyện và kết quả rèn luyện
1.	Hội đồng xét TN	Xét công nhận tốt nghiệp cho NH	Xét tốt nghiệp cho NH
2.	Hội đồng xét học vụ	Xét NH học lực bình thường, học lực yếu, cảnh báo học tập, lưu ban, buộc thôi học	Xét học lực của NH qua từng học kỳ
3.	Phòng QLĐT	1. Xây dựng kế hoạch năm học 2. Tổng hợp kết quả học tập của học kỳ, năm học 3. Duyệt danh sách NH dự thi hết học phần, học lại 4. Tổng hợp số tín chỉ tích lũy và còn nợ 5. Tổng hợp danh sách NHTN đúng hạn và chậm TN	Chấp hành quy định, nề nếp học tập của NH

TT	Hệ thống	Nội dung giám sát	
		Khối lượng học tập và kết quả	Sự tiến bộ trong rèn luyện và kết quả rèn luyện
4.	Phòng CTSV-HTDN	1. Quản lý NH bị kỷ luật 2. Lập danh sách NH đạt học bổng và duyệt học bổng cho NH	1. Duyệt điểm rèn luyện và giờ hoạt động cho NH
5.	Phòng QLKH&HTQT	Các hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế của NH	
6.	Phòng KT&BDCL	1. Lập danh sách NH bị đình chỉ, cảnh cáo, khiển trách trong kỳ thi kết thúc HP. 2. Tổ chức kỳ thi kết thúc HP lý thuyết; tổ chức chấm thi, giám sát quá trình chấm thi HP lý thuyết; tổ chức chấm thi phúc khảo.	
7.	Khoa KT&QTKD	1. Phối hợp phòng QLĐT xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa và theo năm học 2. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần thực hành; Duyệt bảng điểm thi, kiểm tra 3. Tổng hợp kết quả học tập của NH từng kỳ, năm học, khóa học. 4. Theo dõi NH chậm TN 5. Tổ chức các hoạt động chuyên khoa cho NH.	Xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu học phần

TT	Hệ thống	Nội dung giám sát	
		Khối lượng học tập và kết quả	Sự tiến bộ trong rèn luyện và kết quả rèn luyện
8.	CVHT	1. Tư vấn cho NH đăng ký tín chỉ 2. Theo dõi kết quả học tập của NH từng kỳ, năm học, khóa học: tiến độ học tập (nợ môn, cảnh báo học tập, bảo lưu, thôi học), xếp loại học tập.	1. Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; tuyên truyền chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy của Trường. 2. Đánh giá kết quả rèn luyện từng kỳ cho NH; Hỗ trợ Phòng CTSV-HTDN đánh giá kết quả rèn luyện từng kỳ cho NH. 3. Hỗ trợ rà soát, lập danh sách học bổng cho lớp, thi đua cho NH. 4. Tuyên truyền, vận động NH tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động học tập.
9.	GV giảng dạy HP	Điểm học phần	1. Điểm chuyên cần 2. Điểm kiểm tra thành phần
10.	Ban cán sự lớp	Thái độ, tinh thần học tập và rèn luyện của các thành viên trong lớp	Đôn đốc NH trong lớp chấp hành nghiêm nội quy, quy chế về học tập và rèn luyện.

Trường chú trọng việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện để đảm bảo và cải tiến chất lượng học tập và thái độ của NH. Hệ thống giám sát học tập và rèn luyện của Trường được cụ thể hóa thông qua các quy định, kế hoạch đào tạo, phần mềm quản lý đào tạo, các hội đồng chuyên trách, và hoạt động của CVHT và Ban cán sự lớp.

Về khối lượng học tập, các học phần được trình bày rõ trong các phiên bản CTĐT, ĐCCT tương ứng với các năm 2019, 2021 và 2022 [H8.08.03.02]. Từ năm 2011 đến nay, Trường ĐHTT đã thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho NH ngành Quản trị kinh doanh [H8.08.03.03].

Trường xây dựng phần mềm Quản lý đào tạo, được bảo trì và nâng cấp để bổ sung và hoàn thiện các chức năng. Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, số NH đang theo học, bảo lưu, thôi học, tốt nghiệp được lưu giữ trên phần mềm QLĐT và có thể trích xuất dễ dàng giúp hỗ trợ giám sát khối lượng học tập, kết quả học tập và kết quả rèn luyện của NH. Các dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của NH được phân quyền đến Khoa và cập nhật thường xuyên từ đó giúp kịp thời đánh giá cũng như hỗ trợ NH tiến bộ hơn trong học tập cũng như hoạt động rèn luyện [H8.08.03.04].

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch đào tạo bao gồm cụ thể thời gian biểu cho các khóa đào tạo đang học tại trường [H8.08.03.05]. Trên cơ sở đó, Khoa kết hợp cùng Phòng QLĐT triển khai công tác dạy - học theo đúng kế hoạch đào tạo qua hệ thống quản lý đào tạo và hằng kỳ [H8.08.03.06].

Trường ban hành quy định xử lý những trường hợp NH thuộc diện cảnh báo học vụ và thông báo cho NH từng học kỳ, nhằm kịp thời giúp NH kết quả học tập kém có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa của CTĐT. Cụ thể, Trường thực hiện xét học vụ dựa trên kết quả học tập của NH để nắm bắt được tiến độ học tập của NH. Từ đó CVHT kịp thời nhắc nhở NH có kết quả học tập và rèn luyện yếu kém qua các buổi trao đổi trực tiếp, trực tuyến [H8.08.03.07], [H8.08.03.08].

Bảng 8.3.2. Số lượng, tỷ lệ người học ngành Quản trị kinh doanh thuộc diện xử lý học vụ

STT	Năm học	Tổng số NH	Số lượng NH thuộc diện xử lý học vụ	Tỷ lệ
1	2021 - 2022	18	0	0%
2	2022 - 2023	28	1	4%
3	2023 - 2024	49	0	0%

Theo số liệu thống kê, tỷ lệ NH ngành Quản trị kinh doanh thuộc diện xử lý học vụ ở mức 0%, có thể thấy rằng hệ thống giám sát kết quả học tập của người học đang được triển khai có hiệu quả. Tuy nhiên vào năm học 2022-2023, tỷ lệ tăng lên 4% do có NH nhập học nhưng không theo học từ học kỳ đầu tiên buộc phải xử lý học vụ buộc thôi học.

Đối với việc đánh giá rèn luyện của NH, Trường cũng ban hành quy định về đánh giá rèn luyện giúp NH phát triển toàn diện hơn. Hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của NH được Phòng CTSV-HTDN theo dõi và đánh giá. Phòng CTSV-HTDN kết hợp cùng CVHT, Khoa giám sát và kịp thời nhắc nhở những NH không hoặc ít tham gia các hoạt động phong trào tích cực tham gia hơn để phát triển kỹ năng mềm cũng như đạt được yêu cầu về kỹ năng mềm và điểm rèn luyện theo quy định của Trường. Kết quả rèn luyện của NH Khoa CNTT cũng được tiến hành họp xét vào cuối mỗi kỳ học. NH được đánh giá về: ý thức, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống theo các mức: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu, kém [H8.08.03.09]. Kết quả phân loại rèn luyện từng học kỳ của NH là một trong những tiêu chuẩn làm cơ sở để xét học tiếp, ngừng học và cấp học bổng khuyến khích học tập. Ngoài ra, Trường có nhiều chính sách học bổng hấp dẫn dành cho NH làm động lực khuyến khích người học phát huy tiềm năng của mình, có ý thức tự giác và tinh thần học tập, rèn luyện không ngừng để cải thiện bản thân đúng với Triết lý giáo dục của Trường [H8.08.03.10].

Việc giám sát và hỗ trợ trực tiếp cho NH được phân công cho đội ngũ CVHT cũng như các giáo vụ bộ môn. Đội ngũ CVHT được phân công phụ trách cho các lớp từ đầu

năm học thứ nhất và theo sát NH trong cả khóa học. CVHT là đội ngũ trực tiếp đảm nhận công việc quản lý, tư vấn và hỗ trợ NH phát huy tối đa khả năng học tập, NCKH và định hướng nghề nghiệp; giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH [H8.08.03.11].

Bên cạnh đó, Trường và Khoa tổ chức các buổi đối thoại NH để lấy ý kiến của NH về sự phù hợp của chương trình học tập, quá trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập, các hoạt động rèn luyện, các hệ thống giám sát học tập, các chính sách hỗ trợ NH từ đó làm cơ sở đánh giá hiệu quả của hệ thống giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp hơn [H8.08.03.12].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành văn bản quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH và triển khai thực hiện.

Các phòng/ban liên quan đã có sự kết hợp chặt chẽ với đội ngũ CVHT để theo dõi tình hình học tập và rèn luyện của NH từ đó có sự hỗ trợ để cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của NH; Đội ngũ CVHT được phân công nhiệm vụ rõ ràng, thực hiện tốt nhiệm vụ là bộ phận đóng vai trò chính trong việc kết nối giữa NH với Khoa và Trường.

Trường có phần mềm quản lý giáo dục để theo dõi kết quả học tập và rèn luyện của NH.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chưa hoàn thiện và cần cập nhật. Ví dụ: chưa chỉ ra được những NH thuộc diện cảnh báo học vụ, chưa phân loại được kết quả học tập của NH theo từng học phần, chưa thể hiện rõ tiến độ học tập và những học phần còn nợ của NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường phối hợp với Ban IT để hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo. Bổ sung các chức năng quản lý còn thiếu, tạo điều kiện cho các bộ phận chức năng có công cụ quản lý, giám sát NH hiệu quả hơn.	- Khoa KT&QTKD - Ban IT - Phòng QLĐT	Từ năm 2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn quá trình học tập và rèn luyện của NH.	- Khoa KT&QTKD - CBGV Khoa KT&QTKD - Ban Giám hiệu - Các Phòng/Ban	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH:

i) Về trách nhiệm tư vấn học tập, các phòng ban như phòng QLĐT, phòng CTSV–HTDN được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT và giáo vụ khoa [H8.08.04.01].

ii) Về hoạt động ngoại khóa, thi đua, Lãnh đạo Khoa, đội ngũ GV phối hợp với phòng CTSV–HTDN để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH [H8.08.04.02].

iii) Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH, Trường phân công bộ phận thư viện hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm hiểu các tài liệu học tập cần thiết. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình [H8.08.04.03]. Trường có bộ phận chịu trách nhiệm vấn việc làm cho NH là phòng CTSV–HTDN đảm trách hoạt động liên kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp; phối hợp phòng QLĐT đảm nhiệm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, khảo sát đánh giá và báo cáo kết quả về quan hệ doanh nghiệp: hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, giới thiệu SV tới thực hành, thực tập, kiến tập, khảo sát và báo cáo nhu cầu tìm việc và tình hình việc làm của SV được giới thiệu việc làm, đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng của SV thực hành, thực tập. Đánh giá của nhà tuyển

dụng về chất lượng của NH tốt nghiệp **[H8.08.04.04]**. Phòng CTSV–HTDN quản lý vận hành công thông tin việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm, giới thiệu NH đến thực tập tại doanh nghiệp và quản lý danh sách NH thực tập, kết nối các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động cộng đồng, gắn kết NH với doanh nghiệp như: tham quan nhà máy sản xuất, ngày hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng nhân lực, huấn luyện kỹ năng hội nhập việc làm, qua đó xây dựng thương hiệu Trường đến doanh nghiệp và cộng đồng **[H8.08.04.05]**, **[H8.08.04.06]**.

Hàng năm, Khoa có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH theo các quy định chung của Trường **[H8.08.04.07]**. Trong đó, đội ngũ CVHT giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ CVHT là GV cơ hữu của Khoa thực sự là cầu nối hiệu quả giữa Trường và Khoa trong giám sát việc học tập của NH, đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, ưu, nhược điểm của NH để định hướng NH tham gia những hoạt động phù hợp của Trường/Khoa, tạo nên tập thể lớp đoàn kết, năng động và cùng tiến bộ. Để thực hiện thống nhất trong toàn trường, hàng tháng, Trường đã ban hành Nội dung sinh hoạt CVHT bao gồm các chủ điểm quan trọng, các lưu ý về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các hoạt động khác do các phòng ban chức năng cung cấp như: phòng QLĐT, phòng CTSV–HTDN,... làm cơ sở cho CVHT sinh hoạt với NH. Khoa tổ chức buổi lễ chào đón tân SV vào đầu khoá học để tư vấn, định hướng cho NH và tạo động lực cho NH hòa nhập với môi trường mới. Người học được hướng dẫn phương pháp học ĐH hiệu quả phù hợp với ngành QTKD **[H8.08.03.08]**, **[H8.08.04.09]**.

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa có kế hoạch và triển khai hoạt động thăm quan, kiến tập dành cho NH nhằm cung cấp cho NH những hiểu biết về tổ chức, hoạt động, cơ sở vật chất và tiêu chí tuyển dụng của các cơ quan, nhà máy, công ty. Khoa phối hợp với các đơn vị chức năng có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH. Nhằm thực hiện định hướng ứng dụng - thực hành của Trường, Khoa tiến hành hoạt động liên kết với các cơ quan, tổ chức hành nghề ...trên địa bàn thành phố và các tỉnh để tạo điều kiện cho NH thực tập, tiếp xúc thực tế, nâng cao các kỹ năng sau khi tốt nghiệp ra trường. Qua đó, giúp NH có định hướng nghề nghiệp trong tương lai, kế hoạch phấn đấu trong quá trình học tập, cũng như tăng niềm đam mê và tình yêu đối với chuyên ngành được đào tạo, tạo động lực trong học tập cho NH **[H8.08.04.10]**, **[H8.08.04.11]**.

Trường và Khoa xây dựng kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học của NH gồm: Các CLB trực thuộc khoa, Ban cán sự lớp, là “cánh tay nối dài” kết nối thông tin giữa Trường, Khoa với NH. Thành lập các CLB ngoại khóa với với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Khoa chú trọng triển khai các hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua theo chủ đề từng tháng nhằm tạo sân chơi và rèn luyện cho NH, thu hút sự sự tham gia nhiệt tình

và tích cực của NH ngành. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động này, Trường có chính sách hỗ trợ và khen thưởng, tặng giấy khen cho CVHT, Ban chủ nhiệm các CLB, Ban Cán sự lớp, hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công khai rộng rãi trên các trang thông tin của Trường, Khoa, các đơn vị liên quan [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15], [H8.08.04.16].

Trong giai đoạn đánh giá, NH tốt nghiệp ngành có việc làm ngay khi tốt nghiệp từ 70% trở lên. Khi được NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm đều đánh giá sự hài lòng từ mức 4,0 trở lên (thang đánh giá 5 mức độ). Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của SV sinh viên năm cuối ngành có giá trị từ 3,68 đến 3,9 (thang đánh giá 5 mức độ) (Theo báo cáo kết quả khảo sát tháng 01/2020 của Trường). Theo kết quả khảo sát mới nhất của Trường, 77% cựu NH được hỏi hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát người học và chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm (Báo cáo kết quả khảo sát tháng 03/2023), 75,1% NH đang học hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát người học và chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm (Báo cáo kết quả khảo sát tháng 11/2022) cho thấy các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của NH hàng năm của Khoa đã có hiệu quả nhất định, đồng thời là cơ sở để Khoa xem xét những điều chỉnh phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm trong năm học tới [H8.08.04.17].

Hàng năm, đại diện các phòng ban và đại diện Khoa thường xuyên gặp gỡ ban cán sự các lớp để nắm bắt thông tin và hỗ trợ. Khoa và phòng CTSV-HTDN phối hợp các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Khoa, BGH với NH toàn Khoa. Từ các ý kiến trong các Hội nghị này, Khoa, Trường sẽ xem xét, đề ra các giải pháp cải tiến phù hợp [H8.08.04.18].

2. Điểm mạnh

Trường thành lập đơn vị chuyên trách và giao trách nhiệm cụ thể về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học. Trường giao nhiệm vụ cho phòng CTSV – HTDN, các Khoa chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho người học.

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học.

Khoa có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học. Kết quả sát ý kiến của NH, cựu NH cho thấy trên 75 % số NH, cựu NH tốt nghiệp được khảo sát hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường.

3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Phòng CTSV-HTDN phối hợp các Khoa, các CLB đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo NH tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của NH.	Khoa KT-QTKD Phòng CTSV – HTDN Phòng TCHC	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tăng cường nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho người học.	Khoa KT-QTKD Phòng CTSV – HTDN CVHT	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa luôn cố gắng tạo ra môi trường học thuật lành mạnh, xây dựng tinh thần đoàn kết nhất trí trong tập thể cán bộ, GV, tạo tâm lý sẵn sàng vì nhiệm vụ chung của tập thể, đặt NH là trung tâm. Trong giảng dạy và học tập, các GV, CVHT của Khoa luôn tạo mối quan hệ gần gũi và chia sẻ với NH, sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ NH trong học tập và cuộc sống, trao cho NH quyền chủ động, tích cực, sáng tạo trong mọi hoạt động. Khoa chủ trương xây dựng khối đoàn kết vững mạnh trong tập thể NH: cùng tham gia hoạt động chung, chia sẻ kinh nghiệm trong học tập và cuộc sống.

Trường có tổng diện tích đất: 103 ha nằm trong Quận thể Khu công nghiệp - Dân cư - Dịch vụ Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bao gồm khối hành chính với diện tích 3.495 m², diện tích sàn là 19.209,75 m², khu Trung tâm dịch vụ - thương mại- giải trí -bệnh viện chiếm 582.894m² **[H8.08.05.01]**. Khối hành chính của Trường được xây dựng bao gồm: phòng làm việc của tất cả các phòng ban và khoa, bộ môn; khu giảng đường, thư viện, hội trường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành vi tính; khu giáo dục thể chất thuận tiện cho nhu cầu học tập, sinh hoạt của NH **[H8.08.05.02]**.

Ký túc xá Trường có tổng diện tích sử dụng các phòng là 40.584m², đủ chỗ ở cho hơn 2000 sinh viên. Ký túc xá của Trường đã đáp ứng toàn bộ nhu cầu của NH Khoa

CNTT nói riêng và NH toàn trường nói chung. Trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho NH **[H8.08.05.03]**. Công tác chăm sóc cây xanh, công tác vệ sinh được Trường quan tâm để đảm bảo môi trường tốt nhất cho đào tạo, rèn luyện. Phòng TCHC được giao nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh cho NH **[H8.08.05.04]**.

Để đảm bảo an ninh trường học, Trường xây dựng các quy định, nội quy, quy tắc ứng xử tại Trường **[H8.08.05.05]**. Đội ngũ nhân viên thuộc Tổ bảo vệ chuyên nghiệp trực 24/24 đảm bảo trật tự, an ninh. Có phương án PCCC và thiết bị PCCC được trang bị ở các tòa nhà đã được Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu hộ, cứu nạn thẩm duyệt và kiểm tra định kì **[H8.08.05.06]**.

Các vấn đề y tế và dịch tễ được đảm bảo; Trường có phòng y tế riêng tại KTX có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho NH và Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo trong khuôn viên của trường đáp ứng nhu cầu thăm khám, điều trị cho NH. Ngoài ra, phòng Y tế được bố trí tại trường có đội ngũ y bác sĩ được phân công nhiệm vụ làm việc trong giờ hành chính **[H8.08.05.07]**, trang bị đầy đủ thuốc và dụng cụ theo quy định **[H8.08.05.08]**.

Đối với nhu cầu ăn uống, Nhà ăn được bố trí tại Trường phục vụ trong giờ hành chính đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh của Bộ Y tế và có giấy chứng nhận ATVSTP của Chi cục ATVSTP tỉnh Long An **[H8.08.05.09]**.

Nhu cầu về thể chất luôn được Trường và Khoa chú trọng, sân bóng đá, khu phức hợp thể thao (sân golf, hồ bơi), thư viện giúp NH rèn luyện thể chất và tinh thần. Ngoài các hoạt động vào các dịp lễ hội được tổ chức như: Ngày hội truyền thống Sinh viên - Học sinh “Up’s Day”, Tháng thanh niên “Màu xanh tuổi trẻ”..., NH còn tham gia các cuộc thi như: Thiết kế đồng phục Khoa, Giao lưu bóng đá, Giao lưu văn nghệ và tham gia các hoạt động tình nguyện như: Giáng sinh yêu thương, Mùa hè tình nguyện. Các CLB như CLB tiếng Anh, CLB Âm nhạc, CLB Thanh niên xung kích, CLB Thể thao, CLB Nghiên cứu khoa học, CLB Ủy ban sức khỏe - SWEC, CLB Doctor Plus với nhiều hoạt động khác nhau tạo môi trường và sân chơi bổ ích giúp NH rèn luyện và phát triển bản thân **[H8.08.05.10]**, **[H8.08.05.11]**.

Ngay từ khi nhập học, Nhà trường tổ chức hoạt động giới thiệu về Trường, Khoa, ngành QTKD giúp NH giải đáp các thắc mắc về Trường, Khoa và ngành QTKD như: quá trình phát triển của Khoa, loại hình đào tạo, nhân lực hiện có, cơ hội phát triển nghề nghiệp, vị trí việc làm giúp NH hiểu rõ về ngành học. Trong quá trình giảng dạy và học

tập, các GV, CVHT của Khoa luôn tạo mối quan hệ gần gũi và sẵn sàng chia sẻ với NH, ủng hộ, động viên và giúp đỡ NH trong học tập và cuộc sống, khơi gợi cho NH quyền chủ động, sáng tạo, tích cực trong mọi hoạt động.

Để đánh giá sự hài lòng của người học về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan... hàng năm, Khoa và Trường đã lấy ý kiến trực tiếp của người học thông qua các buổi đối thoại NH, các buổi sinh hoạt lớp [H8.08.05.12]. Nhờ thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ, các tiêu chí khảo sát ý kiến NH trong từng năm học về mức độ hài lòng NH đối với các dịch vụ hỗ trợ đều đạt mức tốt. Qua các đợt khảo sát, sinh viên đóng góp ý kiến mong muốn Nhà trường bổ sung thêm các tiện ích sinh hoạt như: nâng cấp dịch vụ nhà xe, máy bán hàng tự động và phòng Nghệ thuật Khai phóng. Nhà trường đã tiếp nhận các ý kiến đóng góp từ sinh viên thông qua khảo sát và đã thực hiện bổ sung các tiện ích để phục vụ sinh viên trong thời gian học tập tại trường. [H8.08.05.13].

2. Điểm mạnh

Trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Ban Giám hiệu luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho NH.

Trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

3. Điểm tồn tại

Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV và NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực tối ưu hóa không gian tại khu vực học tập, khu vực nghỉ ngơi, khu vực sinh hoạt chung; Mở rộng không gian: Xây dựng thêm các phòng chức năng: Phòng học nhóm, phòng tự học, phòng sinh hoạt chung lớn hơn; Sử dụng không gian ngoài trời: Tận dụng sân trường, sân thượng để tổ chức các hoạt động ngoài trời, tạo không gian xanh mát.	Khoa KT-QTKD, Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.	Khoa KT-QTKD Phòng CTSV – HTDN Phòng QL CSVC-TB	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường và Khoa xây dựng đề án tuyển sinh, điều chỉnh và cập nhật các chính sách tuyển sinh, phương thức tuyển sinh đúng với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, đồng thời phù hợp với thực tiễn. Trường đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh hàng năm để thực hiện Đề án. Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được rà soát, cải tiến và được công bố rộng rãi, công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng hàng năm. Trường thực hiện chính sách học bổng cho NH để thu hút NH vào Trường. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ được nhà trường phân nhiệm cụ thể, rõ ràng tới từng đơn vị và cá nhân. Trường đã ban hành hệ thống văn bản, quy trình, sử dụng phần mềm QLĐT để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. Trường đã phân công các đơn vị, cá nhân hỗ trợ NH trong học tập và rèn luyện, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua, và các dịch vụ hỗ trợ khác ... để giúp cải thiện việc học tập của người học. Nhiều hoạt động tình nguyện, CLB, hỗ trợ NH thực tập và tìm kiếm việc làm được tổ chức. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm khá cao và NH, cựu NH hài lòng về lòng về chất lượng hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Trường. Cảnh quan môi trường sạch sẽ, an toàn, tạo thuận lợi cho người học, CB, GV và các đối tượng bên ngoài trường đến liên hệ công tác. Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của CBCNV, cựu NH, NH về môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự của nhà trường, mức độ hài lòng của CBVC, NH, cựu NH đạt trên 70%.

Những tồn tại cơ bản:

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Bên cạnh đó, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia. Không gian sinh hoạt chung, sân thể thao còn hạn chế so với nhu cầu của GV, NH.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương thức xét tuyển với số NH thôi học và chất lượng NH năm nhất để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 2/5 tiêu chí đạt điểm 4,00, có 3/5 tiêu chí đạt điểm 5,00. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,60 điểm. Số tiêu chí đạt: 5/5. Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường ĐHTT là đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tân Tạo được đầu tư mạnh mẽ về CSVC bao gồm hệ thống Thư viện, hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, thực hành. Hệ thống CSVC này đã đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác ĐT, NCKH.

Hệ thống các phòng học được bố trí hợp lý, được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập. NH có nơi tự học ở trường, được sử dụng mạng internet không dây. Hệ thống Thư viện và Thư viện điện tử đáp ứng nhu cầu tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập và NCKH của GV và NH trong toàn trường. Giáo trình, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước được cập nhật thường xuyên.

Các phòng thí nghiệm, cơ sở thực tập các phần mềm mô phỏng cần thiết phục vụ giảng dạy thực nghiệm cho NH và các CSVC cần thiết khác theo yêu cầu của CTĐT cũng được Trường chú trọng đầu tư.

Bên cạnh công tác khai thác sử dụng, đầu tư, nâng cấp CNHC và trang thiết bị phục vụ ĐT và NCKH, Nhà trường cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc, học tập cho CB GV và NH. Đảm bảo không gian giảng dạy và học tập thoáng mát, sạch sẽ với cảnh quan sư phạm theo tiêu chí xanh- sạch- đẹp kết hợp xây dựng môi trường văn hóa, văn minh, thanh lịch trong nhà trường.

Với những điều kiện thuận lợi đó, cùng với sự quan tâm của nhà trường, Khoa KT-QTKD đã được cung cấp đầy đủ CSVC, hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm, hệ thống tài liệu khoa học và trang thiết bị phục vụ cho việc ĐT, giảng dạy, NCKH của ngành QTKD.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2013, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định về việc giao cho Trường ĐHTT ĐT ngành QTKD trình độ ĐH hệ chính quy.

Trường ĐHTT tọa lạc tại Đại lộ ĐHTT, Tân Đức E. City, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An. Hiện tại Trường có 02 tòa nhà đang hoạt động là tòa nhà Gillis (05 tầng) và tòa nhà Levy (04 tầng).

Trường có tổng diện tích đất: 103,6848 ha [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Diện tích sàn xây dựng của tòa nhà Gillis: 19.609 m²

Diện tích sàn xây dựng của tòa nhà Levy là: 16.924 m²

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT trên 01 NH: 19,85 m²/NH

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT thuộc sở hữu của Trường tính trên 01 NH chính quy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, Giảng đường, Phòng học các loại, Phòng đa năng, Phòng làm việc của GS, PGS, GVCH	48	5.170,7
1.1	Hội trường, Phòng học lớn trên 200 chỗ	03	1.079
1.2	Phòng học từ 50-100	12	1.389,9
1.3	Phòng học dưới 50 chỗ	25	1.884,3
1.4	Phòng học đa phương tiện	01	92,5
1.5	Phòng làm việc của GS, PGS, GVCH	07	725
2	Thư viện, Trung tâm học liệu	01	800
3	Trung tâm nghiên cứu, PTN, Thực nghiệm, CS thực hành, thực tập, luyện tập	14	1.924
Tổng cộng		63	7.894,7

Các phòng học lý thuyết, thực hành, phòng làm việc của GV đều được lắp đặt đầy đủ thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập, làm việc của NH, GV.

Hiện tại Khoa KT-QTKD đang hoạt động tại tòa nhà Levy, bao gồm:

- 01 văn phòng Khoa, diện tích: 43 m²
- 01 phòng họp chung, diện tích: 17 m²/ phòng
- 01 văn phòng Trưởng Khoa, diện tích: 16 m² [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]

Tất cả các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như nội thất văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa, máy vi tính, máy in, mạng internet, wifi. [H9.09.01.05]

Để QL hiệu suất sử dụng CSVC, trang thiết bị, trường giao nhiệm vụ cho phòng QL CNHC - TB thực hiện mảng hoạt động này. Các trang thiết bị trong những phòng học, giảng đường đều được QL thông qua sổ nhật ký sử dụng và trang thiết bị kèm theo [H9.09.01.06], [H9.09.01.07], [H9.09.01.08]. Với việc đầu tư, QL CSVC, trang thiết bị,

với những điều kiện trên, trường đảm bảo đủ số lượng phòng học lý thuyết và thực hành, không phải thuê cơ sở bên ngoài để phục vụ ĐT và NCKH.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống kỹ thuật (điện, nước, điều hòa không khí, ...), hệ thống đèn chiếu sáng và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy và làm việc được Nhà trường trang bị đảm bảo theo quy định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu các hoạt động QL điều hành, ĐT, NCKH của Trường [H9.09.01.09], [H9.09.01.10].

Ngoài việc định kỳ thực hiện việc kiểm kê tài sản, lập kế hoạch ngân sách hàng năm cho việc sửa chữa, bảo trì, duy tu CSVC chung cho toàn Trường, Phòng.QLCNHC-TB còn tiếp nhận các đề xuất từ các đơn vị Phòng, Ban, Khoa để thực hiện công tác mua sắm, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu trong quá trình làm việc của CBNV và học tập của NH. Ví dụ như: mua sắm nội thất, trang thiết bị mới, sửa chữa đồ dùng trang thiết bị hư hỏng kịp thời, bảo trì hệ thống điều hòa không khí và các hệ thống kỹ thuật khác của tòa nhà [H9.09.01.11], [H9.09.01.12], [H9.09.01.13].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, trường đã xây dựng kế hoạch và khảo sát lấy ý kiến các BLQ về mức độ đáp ứng của CNHC-TB, phòng Thí nghiệm-Thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ [H9.09.01.14].

Trong giai đoạn từ năm 2019 - 2024, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến, sửa chữa, bổ sung kịp thời, hiệu quả về CSVC, trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ cho hệ thống các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng của Trường, Khoa [H9.09.01.15], [H9.09.01.13].

2. Điểm mạnh

Hệ thống các phòng làm việc, phòng học được xây dựng khang trang sạch đẹp, theo các tiêu chuẩn mới, hiện đại đáp ứng đủ CNHC và trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy học.

3. Điểm tồn tại

Việc đầu tư mua sắm, cập nhật công nghệ tiên tiến phục vụ cho ngành còn hạn chế do chi phí đầu tư lớn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cải tiến CNHC và đầu tư mua sắm trang thiết bị tiên tiến (kế hoạch trung và dài hạn)	Khoa KT-QTKD Phòng QL CNHC-TB	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy	Bảo dưỡng định kỳ, thay thế một số trang thiết bị tại	Khoa KT-QTKD	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	điểm mạnh	các phòng học và phòng thực hành để bảo đảm hoạt động tốt đáp ứng nhu cầu Khoa.	Phòng QL CNHC-TB		

5. *Tự đánh giá:* Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu lấy NH làm trung tâm, ngay từ những ngày đầu mới ĐT Trường đã rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển Thư viện. Ban Thư viện Trường ĐHTT được bố trí tại tầng 5 tòa nhà hành chính, tổng diện tích 800m² gồm 2 khu phòng đọc, 4 phòng học nhóm, 02 phòng lưu trữ xử lý sách, 01 khu truy cập internet ... nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của NH [H9.09.02.01].

Ban Thư viện có chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động, nội quy Thư viện được quy định rõ ràng, các thông tin được niêm yết công khai tại bảng thông báo và đăng tải trên website chính thức của Thư viện: <http://lib.ttu.edu.vn/> [H9.09.02.02], [H9.09.02.03], [H9.09.02.04].

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động như bàn, ghế, tủ, kệ, máy in, máy scan, hệ thống máy tính, máy tra cứu kết nối internet, wifi... được sắp xếp hợp lý để phục vụ CB Ban Thư viện làm việc và NH dễ dàng truy cập thông tin [H9.09.02.05].

Nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của GV, NH toàn trường, tính đến tháng 8/2024, Thư viện có 16,235 bản sách in [H9.09.02.06], 16 nhan đề báo, tạp chí [H9.09.02.07], trung bình mỗi NH có thể sử dụng 32 cuốn sách cho nhu cầu học tập, nghiên cứu và giải trí. Đa số các sách của Thư viện được bổ sung từ các nhà xuất bản lớn trên thế giới (McGraw-Hill, Springer, Oxford, Cengage...) và nhận tặng từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước (Quỹ Châu Á, ông Gillis, bà Đặng Thị Hoàng Yến, ông Trần Dương...) [H9.09.02.08].

Bên cạnh kho tài liệu truyền thống, giai đoạn năm 2019-2024, Thư viện trường đã ký kết quyền truy cập cơ sở dữ liệu đa ngành lớn là Proquest [H9.09.02.09], tính đến tháng 08/2024, tổng số tài liệu điện tử được truy cập được trên cơ sở dữ liệu Proquest là 26,018 nhan đề tạp chí khoa học điện tử, sách điện tử, luận văn, luận án, video... thuộc các chuyên ngành ĐT của trường [H9.09.02.10]. Ngoài ra, tài khoản bạn đọc Vista có thể truy cập các cơ sở dữ liệu như Tài liệu Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, cơ sở dữ liệu sách số hóa của Thư viện KH&CN quốc gia, ScienceDirect, IEEE Xplore Digital Library, Springer Nature, Cơ sở dữ liệu SAGE Premier Journal Collection... [H9.09.02.11].

Ban Thư viện đã xây dựng được kho Thư viện số với 3312 tài liệu (tính đến tháng 8/2024) mục đích lưu trữ giáo trình, bài giảng, đề thi đáp án của các môn học lưu trữ theo các khoa của trường... để làm tài liệu tham khảo nội bộ cho GV và lưu giữ các bài viết về lịch sử thành lập trường, truy cập tại website: <http://dspace.ttu.edu.vn/> [H9.09.02.12].

Về sách, tài liệu chuyên môn phục vụ hoạt động của CTĐT ngành QTKD, có 6130 tài liệu bản cứng (tính đến tháng 8/2024) [H9.09.02.13]; tài liệu tham khảo điện tử về ngành QTKD trên cơ sở dữ liệu Proquest là 7178 tài liệu [H9.09.02.14].

Ban Thư viện áp dụng CNTT trong việc QL tài liệu bằng phần mềm Koha có đầy đủ các phân hệ biên mục, lưu thông, thống kê, bạn đọc... tra cứu trực tiếp qua mạng Internet thông qua website: <https://khadmin.ttu.edu.vn/> [H9.09.02.15]. Qua đó, hệ thống góp phần giải quyết nhanh chóng công tác nghiệp vụ của Thư viện và giúp NH biết được vị trí tài liệu ở kho trong Thư viện. Việc QL và thống kê hàng năm về lượng độc giả sử dụng Thư viện, số lượng tài liệu được sử dụng theo từng chuyên ngành, số lượng tài liệu bổ sung hàng năm đều được thực hiện trên phần mềm này, Ban Thư viện gửi thông báo cách sử dụng phần mềm QL thư viện Koha đến CBNV, GV, NH vào đầu các học kỳ [H9.09.02.16], [H9.09.02.17], [H9.09.02.18]

Để QL tốt nguồn tài liệu và hỗ trợ NH tìm kiếm tài liệu nhanh chóng, Ban Thư viện đã ban hành hướng dẫn cụ thể về cách khai thác, sử dụng tài liệu điện tử, tra cứu mục lục trực tuyến OPAC [H9.09.02.19] và trang bị hệ thống máy tính có nối mạng, lắp đặt wifi để tạo điều kiện thuận lợi cho NH sử dụng các loại hình tài liệu này. Đồng thời, thủ thư trực tiếp hướng dẫn NH cách tra cứu, tìm kiếm tài liệu tại quầy phục vụ, phòng truy cập Internet có đầy đủ hướng dẫn cách tìm kiếm, khai thác tài liệu Thư viện của

Trường. Hằng năm, vào đầu năm học, Ban Thư viện trực tiếp tổ chức các buổi giới thiệu và hướng dẫn NH cách tra cứu, sử dụng Thư viện trong tuần lễ định hướng của trường, đồng thời gửi thông báo đến NH, GV, CBNV... tài khoản truy cập, sử dụng CSDL Proquest và tài khoản bạn đọc Vista **[H9.09.02.20]**, **[H9.09.02.21]**

Đội ngũ NV của Ban Thư viện đều có trình độ cử nhân, thuộc chuyên ngành Thư viện - thông tin học và khoa học máy tính, được phân công nhiệm vụ với từng vị trí công việc **[H9.09.02.22]**. Đội ngũ thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để HTTNV của CB Ban Thư viện.

Việc bổ sung tài liệu được thực hiện theo quy trình bổ sung của Ban Thư viện **[H9.09.02.23]**. Ban Thư viện cũng đã phối hợp với các khoa thực hiện việc rà soát danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo trong ĐCCT HP để bổ sung cũng như cập nhật mới các tựa sách phù hợp với công tác hướng dẫn, giảng dạy và nghiên cứu của các khoa **[H9.09.02.24]**. Ban Thư viện xây dựng kế hoạch bổ sung tài liệu và trang thiết bị căn cứ vào nhu cầu của NH, đề nghị từ các khoa/bộ môn và định hướng phát triển của trường để đề xuất trang thiết bị phù hợp với kế hoạch của Ban Thư viện các năm tới **[H9.09.02.25]**, **[H9.09.02.26]**.

Đề hoạt động ngày càng hiệu quả, bên cạnh việc tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng Thư viện và tra cứu các cơ sở dữ liệu cho NH vào đầu năm học, mỗi năm học, Ban Thư viện còn tổ chức các chương trình, cuộc thi cuốn sách của tôi, các buổi trưng bày sách... với những chủ đề học thuật khác nhau để NH tham gia học hỏi và tích lũy thêm nhiều kiến thức bổ ích đưa các nguồn tài liệu gần hơn với người đọc **[H9.09.02.27]**.

Ban Thư viện thực hiện khảo sát thu thập ý kiến của NH về nhu cầu sử dụng sách báo, tài liệu, về chất lượng phục vụ,... theo kế hoạch khảo sát hằng năm **[H9.09.02.28]** và phân tích, báo cáo kết quả khảo sát **[H9.09.02.29]**. Ngoài ra, Ban Thư viện thu nhận ý kiến đóng góp phản hồi của NH thông qua hộp thư điện tử: info.library@ttu.edu.vn và sổ góp ý đặt tại Thư viện **[H9.09.02.30]**. Từ đó, Ban Thư viện bổ sung tài liệu phù hợp hơn cũng như điều chỉnh phương thức và thái độ phục vụ theo tiêu chí hướng đến người dùng **[H9.09.02.31]**.

Đội ngũ NV thư viện thường xuyên tham gia các chương trình tập huấn nghiệp vụ, các hội thảo do Hội liên hợp Thư viện Việt Nam, trung tâm thư viện của các trường ĐH tổ chức để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của CB thư viện và học hỏi kinh nghiệm từ các thư viện thành viên **[H9.09.02.32]**.

Cuối năm, Ban Thư viện thực hiện báo cáo tổng kết năm học và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cho năm học mới theo định hướng phát triển của Trường và Ban Thư viện [H9.09.02.33].

2. Điểm mạnh

- Thư viện Trường được quan tâm đầu tư nguồn học liệu phù hợp, trang thiết bị hiện đại và được cập nhật để phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu.

- Với loại hình tài liệu in và tài liệu điện tử đa dạng nên số lượng NH đến với Thư viện ngày càng đông, đáp ứng kịp với sự phát triển các chuyên ngành ĐT của trường, khoa và nhu cầu của NH.

- Xây dựng bộ sưu tập tài liệu giảng dạy và học tập số thuộc các chuyên ngành ĐT của trường.

3. Điểm tồn tại

Việc kết nối, chia sẻ các nguồn lực thông tin, đặc biệt là nguồn tài nguyên điện tử với các thư viện trong nước và ngoài nước còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung mới	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham gia các buổi hội thảo, khóa học về áp dụng CNTT mới trong lĩnh vực Thư viện; kết nối, chia sẻ các nguồn lực thông tin với các Thư viện, nhà xuất bản trong và ngoài nước.	Ban Thư viện	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu. - Ứng dụng CNTT trong QL Thư viện, giúp NH khai thác hiệu quả nguồn tài liệu. - Tổ chức nhiều buổi giới thiệu và tập huấn về cách sử dụng các cơ sở dữ liệu cho NH; thông báo rộng rãi đến GV các khoa, bộ môn các dữ liệu mới được cập nhật.	Ban Thư viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường hiện có tổng cộng 165 máy vi tính, trong đó có 80 máy tính nối mạng internet phục vụ học tập cho sinh viên được trang bị tại 02 phòng Thực hành vi tính [H9.09.03.01]. Ngoài ra, trường có phòng thực hành với các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu cần thiết cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của GV, NH các ngành đào tạo của Trường trong đó có ngành QTKD [H9.09.03.02].

Phòng QL CSVC-TB là đơn vị chức năng, được Trường giao nhiệm vụ quản lý công tác sử dụng, bảo dưỡng trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất công tác giảng dạy thực hành và NCKH. Phòng hiện có 04 nhân sự, đảm nhiệm việc kiểm kê, sửa chữa, giải quyết các quy trình, thủ tục liên quan đến máy móc, vật tư tại các đơn vị trong Trường, trong đó có Khoa KT-QTKD [H9.09.03.03], [H9.09.03.04].

Để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm Trường luôn có kế hoạch sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng trang thiết bị. Đồng thời Trường cũng có kế hoạch bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị hàng năm dựa trên dự trù và đề xuất của các đơn vị [H9.09.03.05]

Trong các phòng Thực hành vi tính và phòng thực hành đều có nội quy hướng dẫn, quy định rõ ràng, chính xác, dễ thực hiện [H9.09.03.06]. Để theo dõi tình hình giảng dạy cũng như việc sử dụng, thực trạng trang thiết bị, Phòng QL CSVC-TB sử dụng Sổ theo dõi/ nhật ký sử dụng trang thiết bị, sổ nhật ký theo dõi tình hình giảng dạy tại các phòng. Sau mỗi buổi học hoặc sử dụng trang thiết bị đều phải ghi sổ nhật ký sử dụng [H9.09.03.07].

Để đảm bảo quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả trang thiết bị tại các phòng Thực hành vi tính, Phòng QL CSVC-TB và Khoa có phân công cán bộ phụ trách và giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.08].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, để đánh giá sự hài lòng của các BLQ, hàng năm Trường có khảo sát lấy ý kiến đội ngũ CB, GV, NV và NH về hệ thống CSVC, CNTT và trang thiết bị [H9.09.03.09], đồng thời tổ chức các buổi đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với NH [H9.09.03.10]. Đây là cơ sở để Nhà trường và Khoa điều chỉnh và định hướng đầu tư, nâng cấp, cải thiện các phòng thực hành, thí nghiệm và các trang thiết bị nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập, NCKH, PVCD [H9.09.03.11].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành. Phòng thí nghiệm, thực hành của

Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hàng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

3. Điểm tồn tại

Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang TB hiện đại còn chậm so với tiến độ. Nhiều ý kiến phản hồi của NH về CSVC chưa được kịp thời cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024 - 2025, Trường bổ sung thêm trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KT-QTKD. Phối hợp với các phòng chức năng tiến hành báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành và TTB để có những bổ sung, cải tiến kịp thời	Khoa KT-QTKD Phòng QL CSVC-TB Phòng TC-KT Phòng KT-BĐCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho ngành ĐT	Khoa KT-QTKD Phòng QL CSVC-TB Phòng TC-KT Thư viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập

trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Ngay sau khi thành lập trường, năm 2010, Trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho ĐT của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm QL giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... và giao cho Ban CNTT là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT để khai thác và vận hành máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm QL giáo dục, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email và xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT (Quyết định số 196/QĐ.TTU.12 ngày 31/12/2012) [H9.09.04.01].

Hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Trường đã đầu tư phòng máy chủ với hệ thống máy chủ sử dụng công nghệ ảo hoá và HA (High Availability) với 05 servers Dell, cùng hệ thống lưu trữ SAN, đảm bảo cung cấp VPS server cho các nhu cầu nghiên cứu, học tập và QL. Kết nối mạng LAN được đảm bảo qua thiết bị chuyên dụng của các hãng Cisco, Aruba, và đường truyền nội bộ được xây dựng với hệ thống trục chính cáp quang. Trường đã thuê 5 đường truyền Internet tốc độ cao FTTH của VNPT mỗi đường truyền có băng thông dung lượng 500Mbps, đảm bảo kết nối ổn định ra Internet. Tất cả giảng đường đều được trang bị máy chiếu, hệ thống ổ điện để cắm sạc Laptop tại chỗ ngồi và internet wifi. Trường có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến với 2 phòng họp và 1 phòng học trực tuyến, tạo điều kiện cho GV và NH tham gia trao đổi và học tập từ xa với các GV từ Mỹ, và các nước trên thế giới [H9.09.04.02].

Ngoài hệ thống website của Trường, Khoa KT-QTKD đã xây dựng website riêng: [<https://sbe.ttu.edu.vn/>] với các nội dung và hình ảnh, thường xuyên cập nhật những thông tin cần thiết phục vụ công tác ĐT, QL NH của khoa, NCKH. Được giao cho thư ký Khoa KT-QTKD kết hợp với phòng TT-TT và Ban IT cùng phụ trách QL. Ngoài ra, Khoa sử dụng email [sbe@ttu.edu.vn] để liên hệ với NH, GV và trang mạng xã hội facebook [<https://www.facebook.com/khoakinhte.TTU>] để cập nhật thông tin cần thiết, hữu ích cho NH. Trường đã phát triển và đưa vào hoạt động các phần mềm tuyển sinh trực tuyến, phần mềm QL ĐT, LMS, phần mềm QL thư viện KoHA, kho lưu trữ số DSPACE, cổng thông tin NH, cổng thông tin nội bộ, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các đối tượng sử dụng. Thực hiện Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT về CSDL giáo dục và ĐT, Trường đã thực hiện công tác chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống giảng dạy học tập trực tuyến LMS dùng mã nguồn Moodle tại courses.ttu.edu.vn. Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động học tập trực tuyến, NH được sử dụng máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin và tham gia các kỳ thi online. Năm

2021, Khoa triển khai ĐT E-Learning dựa trên LMS này cho các HP trong giai đoạn dịch bệnh, đến nay vẫn tiếp tục được duy trì **[H9.09.04.03]**.

Hàng năm, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QL CNHC-TB căn cứ các đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ để tổng hợp và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Ban CNTT tham mưu BGH duyệt kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập và triển khai thực hiện. Trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban CNTT tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập. Trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, NH thực hiện. Trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, NH và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin. Ban CNTT thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời các máy chủ của Trường có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ lên cloud Google Drive **[H9.09.04.04]**.

Đối với hệ thống mạng, Trường đầu tư mới hệ thống mạng LAN và wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT hàng năm. Vào đầu mỗi năm học, Ban CNTT lập và triển khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng trang thiết bị CNTT cho các đơn vị trực thuộc Trường để đảm bảo các trang thiết bị luôn sẵn sàng phục vụ hoạt động ĐT và NCKH. Đồng thời tiến hành các thủ tục bảo trì, nâng cấp phần mềm QL nhằm đảm bảo hệ thống phần mềm hoạt động chính xác đáp ứng nhu cầu ĐT và NCKH **[H9.09.04.05]**, **[H9.09.04.06]**.

Kết thúc năm tài chính, phòng QL CNHC-TB phối hợp với ban CNTT tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và truyền thông của Trường. Bên cạnh đó, phòng QL CNHC-TB phối hợp các đơn vị triển khai sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị CNTT của Trường và trên cơ sở đó, hàng năm Phòng QL CNHC-TB thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Bên cạnh đó, phòng TCKT đánh giá về hiệu quả đầu tư và cải thiện các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và NLĐ hàng năm của Trường có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường.

Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2019 - 2024, ý kiến của GV, NH hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Ngoài ra, ý kiến của GV tại Hội nghị viên chức và NLD hàng năm và ý kiến của NH tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với NH hàng năm thể hiện sự hài lòng của hệ thống CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT và nghiên cứu [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Trường thành lập Ban CNTT và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu.

Hàng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Ý kiến của GV, NH hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp NH chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống QL giáo dục của Trường. Ngoài ra, do Trường có diện tích mặt bằng rộng, số lượng NH chưa nhiều và vẫn còn có diện tích chưa sử dụng nên trường chưa phủ kín hết wifi tại các khu vực này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung mới	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2024-2025, Trường, Khoa, CVHT tăng cường hướng dẫn để NH hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống QL giáo dục của Trường. Thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao hơn nữa tốc	Khoa KT-QTKD Phòng QL CNHC-TB Phòng TCKT Ban CNTT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung mới	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.			
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và nghiên cứu.	Khoa KT-QTKD Phòng QL CNHC-TB Phòng TCKT Ban CNTT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHTT là đơn vị ĐT nguồn nhân lực trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Trường luôn quan tâm tới các vấn đề môi trường, sức khỏe, an toàn để tạo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn cho NLD và NH **[H9.09.05.01]**.

Trường ĐHTT tọa lạc trên khuôn viên rộng lớn và phủ xanh với cảnh quan sạch đẹp, môi trường thiên nhiên thân thiện với CSVC, trang thiết bị hiện đại góp phần không nhỏ vào chất lượng ĐT. Trường có tổng diện tích đất khoảng 103,6848 ha, hoàn thành xây dựng cơ bản giai đoạn 1 với diện tích 43,73 ha, gồm các công trình như 02 tòa nhà phục vụ hoạt động hành chính và giảng dạy, 01 khu nhà màng (vườn) phục vụ cho NCKH, thực hành, 01 tòa nhà tổ chức sự kiện, 01 nhà thi đấu thể thao (sân tennis), hồ bơi **[H9.09.05.02]**.

Để có một môi trường giáo dục tốt đẹp, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch nhằm mục đích phổ biến các quy định của Chính phủ về môi trường giáo dục, an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường và các quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan về môi trường, sức khỏe và trật tự an toàn xã hội. Các quy định về môi trường giáo dục được vận dụng trong quá trình tổ chức các hoạt động bố trí trang thiết bị, tổ

chức các dịch vụ ăn uống, tổ chức các hoạt động giảng dạy, ĐT... [H9.09.05.03], [H9.09.05.04].

Nhà trường hoạt động trên một không gian mở, khuôn viên rộng lớn với nhiều cây xanh. Trường ĐHTT là một đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tân Tạo nên Nhà trường được Tập đoàn hỗ trợ cung cấp các dịch vụ như: An ninh trực 24/24 giờ, Tạt vụn vệ sinh, Chăm sóc cảnh quan cây xanh. Phòng QL CNHC-TB phối hợp với Phòng TCHC tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, cảnh quan để đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp [H9.09.05.05].

Bên cạnh đó, để có một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, Nhà trường đã xây dựng bổ sung thêm một số kế hoạch chuyên đề như: Kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự, Kế hoạch ứng phó phòng chống thiên tai, Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy [H9.09.05.06], [H9.09.05.07], [H9.09.05.08].

Trong giai đoạn năm 2019 - 2021, khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch và ban hành các văn bản liên quan đến việc phòng chống dịch bệnh theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước, đúng quy định của pháp luật [H9.09.05.09].

Về công tác PCCC, các công trình xây dựng của Nhà trường đều được Phòng CS PCCC Công an tỉnh Long An thẩm duyệt về thiết kế, Phương án PCCC&CNCH. [H9.09.05.10], [H9.09.05.11]. Định kỳ hàng năm, Nhà trường được Phòng CS PCCC Công an tỉnh Long An kiểm tra [H9.09.05.12]. Dưới sự hướng dẫn của Phòng CS PCCC Công an tỉnh Long An, Nhà trường đã tổ chức tập huấn, diễn tập công tác PCCC cho CBNV và được cấp Giấy chứng nhận [H9.09.05.13], [H9.09.05.14].

Định kỳ hàng năm, Nhà trường đã phối hợp với Bệnh viện ĐH Y Tân Tạo - đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tân Tạo, tổ chức thực hiện khám sức khỏe cho NH và CBNV với mức giá ưu đãi [H9.09.05.15], [H9.09.05.16], [H9.09.05.17].

Hiện tại, Nhà trường chưa tiếp nhận đối tượng NH là người khuyết tật nhưng Nhà trường đã có đầu tư về CSVC, trang thiết bị tối thiểu cho nhu cầu của người khuyết tật như lối đi, thang máy, nhà vệ sinh có không gian đủ rộng, có các công cụ hỗ trợ như tay vịn và các vật dụng vừa với tầm với của người khuyết tật [H9.09.05.18].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến NH về mức độ đáp ứng về đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo cảnh quan môi trường. Kết quả khảo sát về các vấn đề này, cho thấy đều đạt tỉ lệ khá tốt [H9.09.05.19].

Như vậy, Trường đã làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh, cảnh quan môi trường cho CBNV và NH.

2. Điểm mạnh

Công tác vệ sinh môi trường, bảo đảm sức khỏe và an toàn cho CB và NH được thực hiện tốt.

Cảnh quan, môi trường của Trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp, tạo không gian sinh hoạt, học tập tốt nhất cho NH.

Khoa KT-QTKD luôn quan tâm đến tình hình sức khỏe, hoàn cảnh gia đình của NH, đặc biệt đối với các NH có hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ về vật chất lẫn tinh thần.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, Nhà Trường chưa tiếp nhận đối tượng NH là người khuyết tật nên các chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật còn hạn chế và chưa được quan tâm sâu sát.

Một số ĐCCT của CTĐT, tài liệu tham khảo của ngành QTKD còn hạn chế, trong khi việc hợp tác với các thư viện khác để bổ sung nguồn tài liệu này chưa được thực hiện một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, việc đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập các môn chuyên ngành cũng chưa được thực hiện một cách chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung mới	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách và kế hoạch quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật như việc bố trí phòng học hoặc xây dựng lối đi riêng cho người khuyết tật.	Phòng QL CNHC-TB Khoa KT-QTKD	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì các công tác bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn sức khỏe trong Nhà trường, Đồng hành và phát huy hơn nữa các hoạt động hỗ trợ thường xuyên, kịp thời với NH, đặc biệt là NH có hoàn cảnh khó khăn.	Phòng QL CNHC-TB	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Những điểm mạnh nổi bật:

Các phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng có đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH của Trường. Các trang thiết bị và hệ thống CNTT đều được định kỳ duy tu, bảo dưỡng theo quy định. Thư viện được bố trí ở khu vực riêng, không gian thoáng, được trang bị công cụ tra cứu, có nội quy và hướng dẫn sử

dụng rõ ràng. Nguồn tài liệu đa dạng và phong phú hỗ trợ rất lớn cho hoạt động học tập và NCKH cho NH.

Trường có ban hành quy định và triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, các quy định, nội quy về an ninh, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ. Định kỳ thực hiện lấy ý kiến phản hồi của NH và các BLQ về môi trường, sức khỏe và an toàn. Khoa KT-QTKD luôn đồng hành cùng NH, đặc biệt quan tâm đến những em gặp khó khăn về kinh tế, sẵn sàng hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần để các em yên tâm học tập.

Những tồn tại cơ bản

Giáo trình/tài liệu trong một số ĐCCT của CTĐT ngành QTKD có số bản còn ít. Việc hợp tác với Thư viện các trường ĐH trong và ngoài nước chưa thể hiện. Việc đánh giá tính hiệu quả sử dụng các trang thiết bị trong giảng dạy và học tập các môn chuyên ngành chưa chi tiết.

Vẫn còn trường hợp NH chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống QL giáo dục của Trường. Cơ sở vật chất của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tốt nghiệp đúng hạn, thời gian TN trung bình với ngành NNA

Khóa	Tỉ lệ thôi học		Tỷ lệ TN đúng hạn		Thời gian TNTB	
	Ngành NNA	Ngành QTKD	Ngành NNA	Ngành QTKD	Ngành NNA	Ngành QTKD
2016	-	-	-	-	-	-
2017	37,5	0	37,5	50	4	4,5
2018	14,3	50	71,4	16,35	4,17	4,5
2019	8,3	20	41,7	40	4,4	4
2020	75	66,67	25	33,3	4	4

(Nguồn: Phòng QLĐT, cập nhật đến 9/2024)

Việc cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đã được phổ biến cho NH ngay từ năm đầu tiên học tại trường. Nhìn chung, NH thôi học tại Khoa có lý do phần lớn tập trung vào hoàn cảnh khó khăn hoặc do NH có những định hướng khác trong quá trình học tập (cảm thấy chưa phù hợp với năng lực bản thân, tìm kiếm được hướng phát triển khác tốt hơn...) hoặc NH thôi học để đi du học. Ngoài ra, từ năm 2015, Bộ GD&ĐT tổ chức kỳ thi THPT quốc gia lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để các cơ sở GDĐH sử dụng xét tuyển đầu vào, điều này tạo thêm cơ hội cho NH có sự chuyển hướng trong lựa chọn ngành học [H11.11.01.08].

Để khắc phục việc số lượng NH thôi học cao, tốt nghiệp trễ, Nhà trường đã phân tích nguyên nhân và thực hiện một số biện pháp như: ổn định học phí, có các chính sách

hỗ trợ tài chính NH, ban hành thông báo chấp nhận sử dụng chứng chỉ tiếng Anh Duolingo, tạo điều kiện cho NH học tập và dự thi trực tuyến để lấy chứng chỉ hoàn thành hồ sơ xét tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.09]. Bên cạnh đó, Khoa đã giao cho đội ngũ GVCN/CVHT giám sát chặt chẽ, thường xuyên nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của NH để kịp thời báo cáo và đề ra hướng giải quyết, hỗ trợ NH. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa NN cũng tổ chức các buổi họp, đối thoại nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH [H11.11.01.10].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa đào tạo. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm hạn chế

NH thôi học và NH tốt nghiệp chưa đúng tiến độ của ngành QTKD vẫn còn ở tỷ lệ khá cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ.	Khoa Phòng KT-BĐCL Phòng CTNH-HTDN CVHT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm QL giáo dục, trong đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.	Phòng QLĐT Ban CNTT Và các đơn vị liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Để xây dựng và xứng đáng là cơ sở ĐT cung cấp nền giáo dục chất lượng cao, thực hành trên nền tảng kiến thức đã nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và trên toàn thế giới, Trường ĐHTT nói chung và Khoa KT-QTKD nói riêng đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục. Để đảm bảo NH ngành QTKD đạt được CĐR và năng lực nghề nghiệp, Nhà trường, Khoa KT-QTKD đã không ngừng nâng cao

chất lượng đào tạo đối với chuyên ngành này. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan giúp Khoa có cơ sở thiết kế và phát triển CTDH hiệu quả. Hoạt động này được thực hiện định kỳ hàng năm và luôn được đánh giá và cải tiến trong quá trình thực hiện. Đồng thời Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học đánh giá và cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác) cũng như cơ chế phản hồi của các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ (gồm các chuyên gia, nhà QL, GV, NH, NTD, HĐKH & ĐT cấp Khoa, Trường). Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, phòng KT-BĐCL được xác định là đầu mối chịu trách nhiệm chính đối với việc tổ chức thực hiện hoạt động thu thập ý kiến của các BLQ, phòng QLĐT là đơn vị tham mưu BGH xây dựng hệ thống văn bản liên quan đến lĩnh vực ĐT để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình Hiệu trưởng ban hành các CTĐT và các HP của Trường. Căn cứ các văn bản quy định về ĐT trình độ ĐH, Thông tư quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ ĐT của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình ĐT trình độ ĐH, ThS, TS, Trường ban hành Quy định xây dựng, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCTHP của Trường, Quy định khảo sát và các biểu mẫu các BLQ góp ý về CĐR, CTĐT, CTDH [H10.10.01.01].

Bảng 10.1.1. Bảng thống kê nhu cầu của các BLQ trong chu kỳ đánh giá

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức hoặc đăng ký tham dự các buổi tập huấn của chuyên gia	Bảng phân công nhân sự tổ soạn thảo CTĐT và ĐCCT các HP ngành QTKD
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của NH tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu	Tổ chức khảo sát lấy ý kiến NTD	Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá của NTD về năng lực của NH tốt nghiệp chuyên ngành

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
	của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của NH tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ		QTKD và những yêu cầu của họ đối với lao động
Giảng viên	- Thiết kế CDR của CTDH, HP. - Thiết kế ĐCCT, PPGD, kiểm tra, đánh giá HP.	- Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, họp bộ môn. - Tổ chức khảo sát lấy ý kiến GV	- CDR của CTĐT - CDR của HP - Các PPGD, kiểm tra – đánh giá HP - ĐCCT HP - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của GV về CTDH ngành QTKD
Người học	- NH phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, PPGD của các HP trong CTDH; - NH đã tốt nghiệp phản hồi về CTDH ngành QTKD	Tổ chức khảo sát lấy ý kiến NH về PP dạy học, KTĐG.	- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của NH về PPGD, KTĐG trong CTDH ngành QTKD - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của cựu NH về CTDH ngành QTKD
Các trường ĐH khác	Mục tiêu đào tạo, CDR, Cấu trúc CTDH ngành QTKD có liên quan	Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH ngành QTKD của Trường với CTDH ngành này của Trường khác	Bảng đối sánh giữa CTDH ngành QTKD của Khoa KT-QTKD
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	Thống nhất CDR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT	Tổ chức họp Hội đồng KH Khoa thông qua CTDH ngành QTKD	Dự thảo toàn bộ CTDH ngành QTKD

BLQ	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
	các HP ngành QTKD		
Trường	Sự phù hợp của CĐR ngành QTKD với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH ngành QTKD mới

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, 2024)

Bảng 10.1.1 cho thấy việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Trường ban hành Quy định về khảo sát các BLQ. Bên cạnh đó, Trường còn xây dựng công cụ khảo sát trực tuyến My.ttu (dành cho NH) và Intranet.ttu (dành cho GV, NV) nhằm hỗ trợ hoạt động khảo sát diễn ra một cách nhanh chóng, chính xác và cho ra kết quả đáng tin cậy hơn. Các hoạt động khảo sát được cụ thể hóa như sau:

i) Đối với các chuyên gia: Trường đã tổ chức các buổi tập huấn về phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Khoa tham gia đầy đủ các buổi tập huấn này. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi tập huấn, Khoa đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện soạn thảo, điều chỉnh CTDH và ĐCCT ngành QTKD.

ii) Đối với nhà tuyển dụng: Trường, Khoa đã ban hành quy định và kế hoạch khảo sát các BLQ nhằm ĐBCL giáo dục, trong đó có khảo sát NTD. Căn cứ vào các quy định và kế hoạch này, Trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của NTD về năng lực và tố chất cần thiết của NH tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên dữ liệu khảo sát của Trường, Khoa thực hiện phân tích và viết báo cáo đánh giá về năng lực và mức độ đáp ứng của NH tốt nghiệp ngành QTKD về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề để thiết kế, hiệu chỉnh CTDH ngành QTKD phù hợp hơn.

iii) Đối với GV: Khoa tổ chức họp nhóm GV tham gia thiết kế CTDH ngành QTKD và họp Bộ môn nhằm xây dựng cơ sở thiết kế CĐR của CTDH ngành này, thiết kế ĐCCT, PPGD, kiểm tra, đánh giá các HP thuộc ngành QTKD. Ngoài ra, Trường còn thực hiện khảo sát lấy ý kiến GV về môi trường làm việc bao gồm các nội dung khảo sát về CTĐT, CTDH và chuyên thông tin, dữ liệu về Khoa phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh CTDH.

iv) Đối với người học: Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì công tác lấy ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc mỗi học kỳ để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng các hoạt động giảng dạy định kỳ. Đồng thời vào cuối mỗi năm, Trường

tiến hành khảo sát, thu nhận ý kiến, đánh giá của NH cuối khóa về chất lượng ĐT. Ngoài ra, Phòng CTNH&HTDN tiến hành khảo sát tình hình việc làm của NH sau khi tốt nghiệp, từ đó có cơ sở điều chỉnh CTDH nhằm đảm bảo tính hội nhập, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của NH. Dữ liệu, thông tin thu thập được chuyển về Khoa để xử lý, phân tích và ứng dụng vào việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTDH ngành QTKD. Qua những thông tin này, Khoa KT-QTKD có cái nhìn toàn diện hơn về chất lượng NH sau khi ra trường, từ đó phát huy những ưu thế về CĐR ngoại ngữ, chất lượng của đội ngũ GV. Bên cạnh đó, Khoa cũng có cơ sở để đánh giá lại quá trình ĐT, cải tiến điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp nhằm trang bị cho NH những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp.

v) *Đối với các trường đại học khác*: Trường có thực hiện đối sánh các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế khi xây dựng và điều chỉnh CTDH. Khoa đã thực hiện đối sánh giữa các nội dung trong CTDH về MTĐT, CĐR, cấu trúc CTDH ngành QTKD có liên quan và kết quả đối sánh này được tham khảo để thiết kế, điều chỉnh CTDH ngành QTKD phù hợp hơn.

vii) *Đối với HĐKH&ĐT cấp Khoa*: Khoa có tổ chức họp HĐ KH&ĐT của Khoa để thảo luận thống nhất CĐR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT các HP ngành QTKD. Từ đó, Trường và Khoa đã xây dựng được dự thảo toàn bộ về CTDH và ĐCCT ngành QTKD.

viii) *Đối với Trường*: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan, thảo luận sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường. Dựa trên kết luận từ các cuộc họp của BGH và lãnh đạo các đơn vị về CĐR và ý kiến các BLQ có được qua khảo sát, Khoa cập nhật, điều chỉnh CTDH của ngành QTKD và ĐCCT các HP thuộc ngành này và trình BGH Trường phê duyệt và ban hành.

Dựa trên các quy định, biểu mẫu đã ban hành về khảo sát các BLQ, Trường tiến hành khảo sát định kỳ hằng năm thông qua các hình thức thu thập thông tin như: lấy ý kiến trực tiếp thông qua hội nghị, hội thảo, các cuộc họp, phiếu khảo sát, qua hình thức phỏng vấn và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ vào việc rà soát, cập nhật và phát triển CTDH ngành QTKD [H10.10.01.02].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường tổ chức tập huấn cho CB, GV về cách thức thiết kế CTDH [H10.10.01.03]. Trong quá trình thiết kế CTDH, Khoa có tham khảo CTDH các CSGD trong và ngoài nước [H10.10.01.04], đồng thời sử dụng, tham khảo ý kiến của các BLQ, đặc biệt là của cựu NH [H10.10.01.02 (5)] và các kênh thông tin dự báo nhu cầu của thị trường lao động về ngành QTKD trong quá trình điều chỉnh CTDH [H10.10.01.05]. Chương trình ĐT ngành QTKD được Bộ GD&ĐT cho phép ĐT năm 2011 theo Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT ngày 25/02/2011 [H10.10.01.06] và các phiên

bản CTĐT điều chỉnh được Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua và trình Hiệu trưởng ban hành [H10.10.01.07]

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, trong đó có yêu cầu các Khoa sử dụng thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ.

Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ về CTDH ngành QTKD và thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực được Khoa tham khảo, sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTDH ngành QTKD.

3. Điểm tồn tại

Tuy Khoa có lấy ý kiến các BLQ để cải tiến CTĐT nhưng phản hồi thu được còn hạn chế, đặc biệt là từ NTD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng KT-ĐBCL phối hợp Khoa triển khai đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là các NTD nhằm nâng cao số lượng các NTD trả lời khảo sát	Khoa Phòng KT- ĐBCL	Tháng 7/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường tiếp tục rà soát, cải tiến quy định về khảo sát các BLQ, các phiếu khảo sát và triển khai khảo sát ý kiến các BLQ, trong đó có khảo sát về CTDH các ngành ĐT	Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng QLĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các Khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường. Xác định được tầm quan trọng của việc thiết kế, nâng cao CTDH trong công tác nâng cao chất lượng ĐT, năm 2015, Nhà trường đã ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, cập nhật CTĐT trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và

phát triển CTDH [H10.10.02.01 (1)]. Đến năm 2021, nhằm mục đích cải tiến và phát triển quy định, quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH, Phòng QLĐT tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, thẩm định, cập nhật CTĐT của Trường, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị để chỉnh sửa và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy định xây dựng, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCTHP [H10.10.02.01 (2)].

Trong giai đoạn đánh giá, Khoa cũng tổ chức rà soát lại các ĐCCTHP, từ đó đánh giá, xem xét sự cần thiết cập nhật lại CTDH dựa trên nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động và tình hình kinh tế, xã hội. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các BLQ [H10.10.02.02]. Theo đó, Khoa đã họp để thống nhất nội dung mục tiêu, CĐR, CTĐT, ĐCCT ngành QTKD. Sau khi rà soát, CTĐT được thẩm định bởi Hội đồng KH&ĐT của Khoa, Trường, có sự tham dự của các GV có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, QL [H10.10.02.03], [H10.10.02.04].

Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH được các Khoa tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH. Các khảo sát NH trước tốt nghiệp hằng năm của Trường với những tiêu chí như “*Chương trình đào tạo tin chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập được linh hoạt và chủ động*”, “*Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học và có sự tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo CĐR*”, “*Chương trình đào tạo thúc đẩy việc học phương pháp học tập và học tập suốt đời*” đa phần nhận được sự nhất trí cao Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, các khoa triển khai lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về CTDH. CTDH ngành QTKD đã tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các BLQ khi điều chỉnh CTDH [H10.10.02.06].

2. Điểm mạnh

Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường thể hiện quy trình các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH.

Trường triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCTHP, trong đó có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ ĐT của GDDH và điều chỉnh cấu trúc của CĐR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Số lượng BLQ tham gia khảo sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng QLĐT phối hợp các Khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để từ đó có những điều chỉnh thiết thực hơn	Khoa Phòng QLĐT	Tháng 7/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa rà soát điều chỉnh CTDH tất cả ngành ĐT, trong đó có ngành QTKD	Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá KQHT không chỉ là căn cứ xem xét mức độ đạt được CDR của NH mà còn là cơ sở để điều chỉnh CTĐT, thay đổi PPDH, phương pháp KTĐG của GV. Vì vậy, để bảo đảm chất lượng ĐT, Trường ĐHTT đã ban hành, áp dụng hệ thống các văn bản quy định liên quan đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của NH, trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR, CTĐT: Quy chế ĐT trình độ ĐH; Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi – đáp án; Quy định công tác tổ chức thi kết thúc HP; Quy định xây dựng, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCTHP; Quy định chế độ làm việc của GV. Trong giai đoạn Covid-19, để đảm bảo hoạt động giảng dạy được triển khai hiệu quả, Nhà trường đã ban hành các quy định tổ chức giảng dạy, KTĐG trực tuyến. [H10.10.03.01]. Bên cạnh đó, báo cáo tổng kết năm học của Khoa hàng năm cũng là cơ sở để Nhà trường và Khoa theo dõi, rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của NH [H10.10.03.02].

Quá trình dạy học của GV được thực hiện dưới sự chỉ đạo, giám sát, kiểm tra và đánh giá của Lãnh đạo Khoa. Định kỳ hàng năm, Khoa KT-QTKD tổ chức các buổi dự giờ có sự tham gia của các GV cùng chuyên môn, có thâm niên giảng dạy của Khoa nhằm đóng góp ý kiến cho các GV khác về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các PPGD [H10.10.03.03]. Ngoài ra, Trường thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giờ giấc giảng dạy của GV [H10.10.03.04]. Phòng QLĐT là đơn vị giám sát về kết quả

học tập của NH toàn Trường và Khoa giám sát kết quả học tập của NH do Khoa QL [H10.10.03.05]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTNH-HTDN thống kê danh sách NH bị cảnh báo học vụ và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học vụ NH, trong đó có NH ngành QTKD [H10.10.03.06].

Nhằm mục đích đánh giá việc sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, vào cuối mỗi học kỳ, Phòng QLĐT chủ trì hoạt động lấy ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến my.ttu. Nội dung phiếu khảo sát được chia làm 03 nội dung lớn: nội dung đề cương HP; hoạt động giảng dạy; hoạt động KTĐG [H10.10.03.07 (1)]. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với NH để làm cơ sở rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH [H10.10.03.07 (2)]. Khoa KT-QTKD thường xuyên tổ chức các buổi họp Khoa để rà soát, đánh giá các PPDH, KTĐG đã sử dụng trong CTĐT, đồng thời cập nhật các PPDH mới, tận dụng được tính ưu việt của CNTT, tăng cường các hoạt động học tập như lớp học đảo chiều, seminar để NH chủ động trong các lớp học để tăng cường khả năng hội nhập và tự tin của NH khi tốt nghiệp [H10.10.03.08]. Trong công tác đổi mới phương pháp dạy học để đạt CĐR, trường đã ban hành hướng dẫn lựa chọn PPGD, phương pháp đánh giá và phân tích kết quả học tập của NH nhằm đạt CĐR. Trường cũng tổ chức tập huấn hoặc cử GV tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo về PPGD giúp GV cập nhật kiến thức chuyên môn, chia sẻ học tập kinh nghiệm trong giảng dạy, xây dựng tổ hợp công nghệ dạy - học/phương pháp dạy - học đa dạng, hiệu quả [H10.10.03.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành hệ thống văn bản, quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; KTĐG KQHT với mục tiêu lấy NH là trung tâm của quá trình ĐT. Đồng thời có một số biện pháp phù hợp để đảm bảo sau quá trình ĐT ngành QTKD, NH khi ra trường được trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng CĐR đã công bố của ngành.

Trường, Khoa triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Hằng năm, Trường khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NH về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc giải trình ý kiến của cựu NH về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR triển khai còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các BLQ, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR	Khoa Các đơn vị liên quan	Tháng 7/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa cải tiến khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NH về việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR với kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng về các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR	Khoa Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc của GV nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm của GV là giảng dạy và NCKH; với các loại hình NCKH cụ thể được trình bày tại Quy định về QL đề tài NCKH của Trường. Trong đó, Trường đã quy định rõ về nhiệm vụ thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học như: (i) Xây dựng CTĐT, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giáo dục và KTĐG môn học; (ii) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học

trong và ngoài nước; (iii) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ các cấp; (iv) Tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học của khoa, đơn vị; (v) Hướng dẫn NH NCKH các cấp. Các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đánh giá hàng năm thông qua quy đổi thành giờ chuẩn. Các đề tài NCKH cấp Trường từ khâu xét duyệt, thực hiện đến khâu nghiệm thu đều yêu cầu phải có tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng trong công tác dạy học. Thông tin sản phẩm đề tài NCKH được đăng tải trên website của Phòng QLKH-HTQT để GV, NH dễ dàng tiếp cận và sử dụng trong quá trình dạy và học [H10.10.04.01].

Trong giai đoạn đánh giá, GV của Khoa KT-QTKD đã thực hiện 01 đề tài NCKH; các đề tài này không chỉ mang tính thực tiễn cao mà nhằm phục vụ giảng dạy và học tập tại Trường. Khoa KT-QTKD đã có 05 bài báo trong nước và 07 bài báo quốc tế do GV của Khoa thực hiện hoặc tham gia thực hiện, có 10 báo cáo khoa học cấp Khoa, cấp Trường với nhiều sáng kiến của GV được áp dụng vào cải tiến hoạt động giảng dạy giúp nâng cao chất lượng học tập của NH [H10.10.04.02].

Các hình thức áp dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy của GV trong khoa rất đa dạng, đơn cử sử dụng làm ví dụ cho việc giảng dạy lý thuyết và thực hành trên lớp. Để sử dụng các kết quả NCKH vào dạy học, Khoa cũng đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến, cập nhật và hướng dẫn cách thức áp dụng kết quả NCKH. Nhà trường cũng đầu tư để tăng cường công tác biên soạn sách chuyên khảo, tạp chí chuyên khoa, bài giảng điện tử phục vụ cho dạy học trong trường và có thể mở rộng ra ngoài Trường. Năm 2018, Tập san TTU - diễn đàn dùng để giới thiệu các NCKH của đội ngũ GV, NH trường được thành lập [H10.10.04.03].

Bảng 10.4.1. Các sản phẩm NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

TT	Tên đề tài/ Bài báo	Năm nghiệm thu/ Tạp chí	Học phần được ứng dụng
1	Phát triển quốc gia số bao trùm và bền vững: thực trạng và hàm ý chính sách tại Việt Nam	2024	Nhập môn Quản trị, Digital Marketing
2	Nữ doanh nhân Việt Nam sau Covid-19 và vào thời đại của AI: Tâm nhìn, thực tế, khả năng thích ứng và khuyến nghị.	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, 2024	ENTR01 - Khởi nghiệp sáng tạo
3	Target similarity and gender difference: Effects of servant leadership on supervisory commitment and supervisory citizenship behavior.	IIM Ranchi Journal of Management Studies	VBA01 - Hành vi tổ chức

TT	Tên đề tài/ Bài báo	Năm nghiệm thu/ Tạp chí	Học phần được ứng dụng
		(Emerald), 2024	
4	Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh bền vững tại TP. Hồ Chí Minh.	Tạp chí Kinh Tế và Dự Báo, 2024	VCORE12 - Quản trị Nguồn Nhân lực
5	Chuyển đổi số quốc gia: Thực trạng và hàm ý chính sách tại Việt Nam.	Tạp chí của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023	VBA20 - Phát triển kinh doanh bền vững
6	Mô hình quản trị đại học: đề xuất cho các trường đại học Việt Nam.	Tạp chí Kinh Tế Châu Á - Thái Bình Dương, 2023	VCORE06 - Quản trị chiến lược
7	Corporate social responsibility and its impact on business sustainability.	Global Scientific Journal, 2023	VBA20 - Phát triển kinh doanh bền vững
8	Tuyển chọn nhân sự, chọn người có năng lực hay người có giá trị.	Tạp chí Kinh Tế Châu Á - Thái Bình Dương, 2023	VCORE12 - Quản trị Nguồn Nhân lực
9	Factors Affecting Human Capital Development: A Model for Operational.	Global Scientific Journals (GSJ), 2022	VCORE12 - Quản trị Nguồn Nhân lực
10	Tenets and Principles of Business Ethics: Its Contribution to the Development of a Businessman's Behavior	European Modern Studies Journal, 2021	VBA20 - Phát triển kinh doanh bền vững
11	Understanding Vietnam's Unique Taste and Culture: A Key to Business Success as a Foreign Brand (The Case of Starbucks Vietnam)	Global Scientific Journals, 2020	VBA12 - Marketing quốc tế
12	Analysis on the Readiness of Tan Tao University (TTU) to Offer an MBA Program	Global Scientific Journals, 2020	VCORE06 - Quản trị chiến lược
13	Management and Society	Global Scientific Journals, 2020	VCORE01 - Nhập môn quản trị học

Bên cạnh việc thực hiện các đề tài NCKH, Trường ĐHTT nói chung và Khoa KT-QTKD nói riêng thường xuyên tổ chức và cử các GV tham dự các Hội thảo, Hội nghị

nhằm định hướng nghiên cứu, công bố các kết quả nghiên cứu của GV đến cho đồng nghiệp và NH. Từ đó có những ứng dụng hiệu quả vào hoạt động dạy học, cũng như cải tiến, bổ trợ cho chất lượng nội dung dạy học, đáp ứng yêu cầu CDR môn học và CTĐT [H10.10.04.04].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và Quy định về QL đề tài NCKH rõ ràng và đã thực hiện phổ biến đầy đủ nhiệm vụ NCKH đến GV, NH.

Định kỳ Trường và Khoa có tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Tuy Khoa có tích cực thực hiện nhiệm vụ NCKH nhưng số lượng đề tài NCKH vẫn còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của đội ngũ GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường tăng cường ban hành các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa	Khoa Các đơn vị liên quan	Tháng 7/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường thực hiện rà soát, đánh giá lại và cải tiến Quy định về công tác NCKH của GV, nhất là cải tiến chính sách khuyến khích GV tham gia NCKH	Khoa Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Trường bao gồm: hỗ trợ học tập (thư viện, phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng máy vi tính, đội ngũ CVHT); hỗ trợ sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe (hệ thống wifi, căn tin, khu thể dục thể thao gồm sân tennis, hồ bơi, phòng y tế, bệnh viện); hoạt động ngoại khóa, CLB... Nhìn chung, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho NH đã được cung cấp, tổ chức đa dạng, phong phú và định kỳ được đánh giá, điều chỉnh, cải tiến nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của NH. Trường ban hành

các văn bản, quy định công tác CVHT, quy định về học bổng, hỗ trợ tài chính, quy định khảo sát các BLQ trong đó có nội dung đánh giá các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.01]. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT được thể hiện Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021 – 2026, TN đến năm 2030 và các kế hoạch cải tiến về CNHC đã được ban hành [H10.10.05.02].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được thực hiện định kỳ, bài bản, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho NH. Căn cứ bộ mẫu phiếu và kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ hàng năm [H10.10.05.03], Ban Thư viện tổ chức thực hiện khảo sát lấy ý kiến NH về mức độ đáp ứng của thư viện. Ngoài ra, thư viện còn đa dạng hóa kênh thu thập ý kiến bằng sổ góp ý trực tiếp đặt tại thư viện [H10.10.05.04 (1)]; Phòng QL CNHC-TB phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát ý kiến của GV, NV, NH về chất lượng hệ thống CNHC, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.04 (2)]; Phòng QLĐT thực hiện lấy ý kiến NH trước tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường [H10.10.05.04 (3)]. Bên cạnh đó, ý kiến góp ý của các BLQ tại các cuộc họp giao ban, hội nghị đối thoại giữa BGH, lãnh đạo Khoa với NH cũng là cơ sở để Nhà trường và Khoa rà soát đánh giá và cải tiến các hoạt động hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.04 (4)].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi được gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã đầu tư, mua sắm CNHC, học liệu, nâng cấp hạ tầng CNTT, trong đó có đầu tư phần mềm QL giáo dục, thư viện số, phần mềm QL thư viện [H10.10.05.05]. Trên cơ sở đó, Ban thư viện thực hiện lưu trữ CSDL về nguồn lực học tập và dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Do vậy mức độ hài lòng về tiện ích thư viện tăng từ 3,95/5 vào năm 2019, lên 4.05/5 vào năm 2022 và đạt 4.33/5 vào năm 2023 [H10.10.05.04 (1)].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Hàng năm, Trường và Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, NH về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác NH, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...).

Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của NH về công tác CVHT, lấy ý kiến của NHV về nhu cầu, nội dung, hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua chưa được triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thực hiện các khảo sát lấy ý kiến của NH về công tác CVHT, ngoại khóa, thi đua khen thưởng, từ đó làm cơ sở cải tiến các hoạt động hỗ trợ NH	Phòng KT-ĐBCL Phòng CTNH-HTDN Khoa	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khai thác các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC	Phòng QL CSVC-TB Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các BLQ của Trường có tính hệ thống và được thể hiện rõ ràng trong Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.06.01]. Năm 2017, Trường ban hành Quy định khảo sát các BLQ [H10.10.06.02 (1)] và triển khai định kỳ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường. Quy định nêu rõ Phòng KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ thông qua phối hợp với các đơn vị khác trong trường. Cụ thể, Phòng KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát và trình Hiệu trưởng phê duyệt; xây dựng kế hoạch khảo sát các BLQ, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan; hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát; lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm; khảo sát ý kiến của CB, NV về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, ĐT, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Phòng TC-HC có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo

hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về TN, SM, GTCL, TLGD. Phòng QLĐT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến NH trước tốt nghiệp. Phòng QLKH-HTQT có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của CB, GV, NH về công tác QL KH&CN. Phòng CTNH-HTDN có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu NH về việc làm; khảo sát ý kiến của NTD về chất lượng NH tốt nghiệp; khảo sát ý kiến các BLQ về hoạt động kết nối và PVCĐ. Phòng QL CNHC-TB và Ban Thư viện có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về chất lượng thư viện, CNHC, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Bên cạnh đó, các khoa có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động; khảo sát mở ngành ĐT mới; khảo sát ý kiến về cập nhật CTĐT, CĐR.

Năm 2022, Trường giao nhiệm vụ cho Phòng KT-BĐCL triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ. Phòng KT-BĐCL tổ chức họp với các đơn vị để rà soát Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ. Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng KT-BĐCL xây dựng mới quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong hoạt động BĐCL, trình Hiệu trưởng ký ban hành [H10.10.06.02 (2)]. Ngoài ra, Nhà trường ban hành Quy chế BĐCL giáo dục thể hiện rõ sự tham gia của các BLQ trong các hoạt động BĐCL của Trường [H10.10.06.03].

Định kỳ hằng năm, Phòng KT-BĐCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát các BLQ về các hoạt động của Trường. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các đơn vị tham khảo, sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Trường [H10.10.06.04].

Bảng 10.6.1. Nội dung và hình thức khảo sát các BLQ

TT	Nội dung khảo sát	Đối tượng khảo sát	Hình thức khảo sát
1	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT	Chuyên gia, GV, NH, cựu NH thuộc CTĐT cần khảo sát	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến/ phỏng vấn trực tiếp/ gọi điện thoại/ tổ chức hội nghị, hội thảo
2	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV	NH đang theo học tại trường và có đăng ký môn học trong học kỳ được khảo sát	Trực tuyến

TT	Nội dung khảo sát	Đối tượng khảo sát	Hình thức khảo sát
3	Khảo sát lấy ý kiến NH trước tốt nghiệp về chất lượng ĐT của Nhà trường	NH trước khi tốt nghiệp	Trực tuyến
4	Khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp	Cựu NH đã tốt nghiệp	Trực tuyến/ phỏng vấn trực tiếp/ gọi điện thoại
5	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về thư viện	GV, NV, NH	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
6	Khảo sát lấy ý kiến các BLQ về mức độ đáp ứng của các BQL về CNHC-TB, phòng Thí nghiệm - Thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ	GV, NV, NH	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
7	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV – NV về điều kiện, môi trường làm việc	GV, NV	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
8	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV về hoạt động NCKH	GV	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
9	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của GV, NV về hoạt động ĐT và phát triển đội ngũ	GV, NV	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến
10	Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NTD/ doanh nghiệp/chuyên gia về chất lượng NH tốt nghiệp	NTD/ doanh nghiệp/ chuyên gia	Phát phiếu trực tiếp/ trực tuyến/ hội nghị /hội thảo
11	Khảo sát lấy ý kiến các BLQ về hoạt động kết nối và PVCĐ	GV, NV, NH, NTD	Trực tuyến

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, 09/2024)

Bên cạnh việc bổ sung 4 loại khảo sát, trong quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ năm 2022 đã bổ sung nội dung về việc Phòng KT-BĐCL giám sát các đơn vị sử

dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ đối với hoạt động ĐBCL của Trường có tính hệ thống, thể hiện rõ ràng trong Quy chế ĐBCL do Trường ban hành.

Hàng năm, Trường định kỳ thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong công tác ĐBCL và gửi kết quả thống kê đến các đơn vị để ứng dụng cải tiến cơ chế phản hồi và chất lượng các hoạt động.

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được cải tiến dần sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp từ kết quả khảo sát thu được mỗi năm.

3. Điểm tồn tại

Trường có thực hiện khảo sát lấy ý kiến các BLQ về công tác ĐBCL hàng năm nhưng số lượng các NTD trả lời khảo sát vẫn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa và Phòng KT-ĐBCL thực hiện đa dạng các hình thức khảo sát để nâng cao số lượng các NTD trả lời khảo sát.	Khoa Phòng KT-ĐBCL	Tháng 7 hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường định kỳ thực hiện rà soát quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL để cải tiến cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống.	Phòng KT-ĐBCL các đơn vị liên quan	11/2025	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất theo lịch điều chỉnh toàn Trường, đúng quy trình, tuân thủ theo đúng quy định của Trường và Bộ GD&ĐT. Hàng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại QT xây dựng, thiết kế và QT cập nhật, đánh giá CDR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT, nhu cầu

của các BLQ và với thực tế của Trường. Cụ thể, Trường đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT và Quy định về khảo sát các BLQ.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Trường tổng hợp đầy đủ và gửi về Khoa phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành QTKD, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH ngành này. Trường đã triển khai rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT; trong đó, có sự điều chỉnh về quy trình xây dựng CTĐT và quy trình điều chỉnh CTĐT theo đúng Thông tư ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và điều chỉnh cấu trúc của CDR theo đúng Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Dựa trên Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT của Trường, Khoa đã thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành QTKD vào năm 2019, 2021 và 2022.

Việc cải tiến để nâng cao chất lượng đối với công tác ĐBCL tại Trường được quan tâm sâu sát và thực thi đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Năm 2020, Nhà trường triển khai rà soát cơ chế phản hồi của các BLQ và bổ sung vai trò giám sát của Phòng KT-ĐBCL đối với các đơn vị khác khi sử dụng kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ để cải tiến các hoạt động. Trường đã ban hành cụ thể quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy định được rà soát và cập nhật phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn

Số lượng NTD tham gia trả lời khảo sát đánh giá về CTĐT ngành QTKD chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Số lượng đề tài NCKH của Khoa còn chưa tương xứng với tiềm năng nguồn nhân lực của Khoa. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của NH về công tác CVHT, lấy ý kiến của NH về nhu cầu, nội dung, hình thức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua chưa được triển khai thực hiện.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/6 tiêu chí đạt điểm 5,0, 1/6 tiêu chí đạt điểm 4,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn 10 đạt: 4,83 điểm; Số tiêu chí đạt: 6/6; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống ĐBCL của Trường. Nhà trường và Khoa đã thiết lập và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về quá trình học tập của NH (tỷ lệ NH tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ NH thôi học). Bên cạnh đó lượng NH tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối

với cựu NH. Các hoạt động NCKH cho NH được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của ngành và bước đầu đã khơi gợi được đam mê NCKH của NH. Các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện. Trường và Khoa đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các BLQ là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống BDCL.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả quá trình học tập của NH là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá chất lượng ĐT. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của NH ngành QTKD được thống kê, xác lập cụ thể, rõ ràng và mang tính hệ thống, từ đó làm căn cứ để phân tích, đánh giá tình hình học tập của NH và chất lượng ĐT của Nhà trường. Để giám sát quá trình học tập, rèn luyện của NH, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của NH. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành hệ thống văn bản trong hoạt động ĐT để hướng dẫn thực hiện giám sát, cập nhật hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Ngoài ra, Trường đã xây dựng phần mềm QLĐT, phần mềm được bảo trì và nâng cấp hằng năm để bổ sung, hoàn thiện các chức năng. Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, số NH đang theo học, bảo lưu, thôi học, tốt nghiệp được lưu giữ trên phần mềm QLĐT và có thể trích xuất dễ dàng giúp hỗ trợ giám sát khối lượng học tập, kết quả học tập và kết quả rèn luyện của NH. Các dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của NH được phân quyền đến Khoa và cập nhật thường xuyên từ đó giúp kịp thời đánh giá cũng như hỗ trợ NH tiến bộ hơn trong học tập và rèn luyện [H11.11.01.02].

Về phía Khoa KT-QTKD, hoạt động thống kê, giám sát tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của NH được Khoa thực hiện thông qua đội ngũ GVCN/CVHT. Vào mỗi học kỳ, GVCN/CVHT tổ chức họp lớp để phổ biến các quy định của Nhà trường, nắm bắt tình hình học tập và nhắc nhở NH về việc đăng ký HP [H11.11.01.03]. Ngoài ra, các GV còn lập các nhóm trên mạng xã hội Zalo, Facebook nhằm nắm bắt nhanh chóng tình hình NH, đặc biệt là NH cá biệt và có biện pháp can thiệp kịp thời. Đồng thời trong các buổi họp Khoa, CVHT báo cáo tình hình H nợ HP, cảnh báo học tập, có hoàn cảnh khó khăn, có ý định nghỉ học, chậm tốt nghiệp... Từ đó, Khoa xem xét và đề xuất các biện pháp phù hợp, kịp thời nhằm nâng cao kết quả học tập, giúp NH tốt nghiệp đúng hạn và giảm bớt tỷ lệ thôi học [H11.11.01.04].

Hằng năm, Trường tiến hành xét tốt nghiệp theo Quy chế ĐT để đánh giá kết quả học tập của NH [H11.11.01.01], [H11.11.01.05]. Tỷ lệ NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát chặt chẽ dựa trên hoạt động của Hội đồng xét tốt nghiệp đồng thời tuân theo quy định

của Quy chế ĐT. Nhà trường thực hiện xét học vụ dựa trên kết quả học tập của NH để nắm bắt được tiến độ học tập của NH, kịp thời giúp NH kết quả học tập kém có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa của CTĐT [H11.11.01.06]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ NH tốt nghiệp và thôi học của 05 khóa tuyển sinh trong chu kỳ đánh giá được thể hiện qua bảng 11.1.1.

Bảng 11.1.1. Tỷ lệ NH tốt nghiệp ngành QTKD của 05 khóa

Khóa học	Thời gian đào tạo	Số lượng toàn khóa	NH hoàn thành chương trình trong thời gian							
			3 năm		4 năm		Trên 4 năm		Tổng	
			SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2016	4 năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2017	4 năm	2	0	0	1	50	1	50	2	100
2018	4 năm	6	0	0	1	16,35	1	16,35	2	33,3
2019	4 năm	5	0	0	2	40	0	0	2	40
2020	4 năm	3	0	0	1	33,3	0	0	1	33,3

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật đến 9/2024)

Kết quả đối sánh tương quan giữa các khóa cho thấy tỷ lệ NH ngành QTKD tốt nghiệp đạt mức cao và giữ ổn định trên 85%. Bên cạnh đó, có thể thấy số lượng NH đạt tốt nghiệp đúng hạn luôn ở mức cao. Tuy nhiên, tỷ lệ NH tốt nghiệp khóa 2018 có giảm so với các khóa khác. Nguyên nhân do ảnh hưởng của đại dịch Covid, các Trung tâm Anh ngữ đóng cửa, việc học và tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Anh như IELTS, TOEFL, TOEIC cũng tạm hoãn nên NH không thể hoàn thành các điều kiện xét tốt nghiệp đúng hạn. Mặt khác cũng do dịch COVID-19, NH chuyển từ học lý thuyết trực tiếp tại Trường sang học online, gây khó khăn trong việc tập trung và khả năng tiếp thu bài giảng của NH dẫn đến việc tăng số lượng NH phải thi lại và học lại. Trong giai đoạn này, Nhà trường đã xây dựng các quy định về tổ chức giảng dạy, thi kết thúc HP nhằm định hướng và tạo điều kiện để NH học tập [H11.11.01.07].

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ NH thôi học ngành QTKD các khóa

Khóa	SL toàn khóa	SL TH	Tỷ lệ (%)
2016	-	-	-
2017	2	0	0
2018	6	3	50

Khóa	SL toàn khóa	SL TH	Tỷ lệ (%)
2019	5	1	20
2020	3	2	66,67

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật đến 9/2024)

Qua bảng số liệu trên cũng cho thấy tỷ lệ thôi học của NH trong khoảng từ 20% - 66,67%. Khóa 2020 có tỷ lệ NH thôi học cao nhất, lên đến 66,67% vào năm 2020 là giai đoạn đại dịch phức tạp với nhiều khó khăn về điều kiện học tập, kinh tế và tâm lý nên có tỷ lệ thôi học cao.

Bảng 11.1.3. Đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp của 05 khoá với ngành QTKD

Ngành	Khóa học	Thời gian đào tạo (năm)	Số lượng toàn khóa	NH hoàn thành chương trình trong thời gian							
				3 năm		4 năm		Trên 4 năm		Tổng	
				SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
NNA	2016	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2017	4	8	0	0	3	37,5	0	0	3	37,5
	2018	4	7	0	0	5	71,4	1	14,3	6	85,7
	2019	4	12	0	0	5	41,7	4	33,3	9	75
	2020	4	4	0	0	1	25	0	0	1	25
QTKD	2016	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	2017	4	2	0	0	1	50	1	50	2	100
	2018	4	6	0	0	1	16,35	1	16,35	2	33,3
	2019	4	5	0	0	2	40	0	0	2	40
	2020	4	3	0	0	1	33,3	0	0	1	33,3

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật đến 9/2024)

Bảng 11.1.4. Đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian TN trung bình với ngành NNA

Khóa	Tỷ lệ thôi học		Tỷ lệ TN đúng hạn		Thời gian TNTB	
	Ngành NNA	Ngành QTKD	Ngành NNA	Ngành QTKD	Ngành NNA	Ngành QTKD
2016	-	-	-	-	-	-
2017	37,5	0	37,5	50	4	4,5
2018	14,3	50	71,4	16,35	4,17	4,5
2019	8,3	20	41,7	40	4,4	4
2020	75	66,67	25	33,3	4	4

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật đến 9/2024)

Việc cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đã được phổ biến cho NH ngay từ năm đầu tiên học tại trường. Nhìn chung, NH thôi học tại Khoa có lý do phần lớn tập trung vào hoàn cảnh khó khăn hoặc do NH có những định hướng khác trong quá trình học tập (cảm thấy chưa phù hợp với năng lực bản thân, tìm kiếm được hướng phát triển khác tốt hơn...) hoặc NH thôi học để đi du học. Ngoài ra, từ năm 2015, Bộ GD&ĐT tổ chức kỳ thi THPT quốc gia lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm căn cứ để các cơ sở GDDH sử dụng xét tuyển đầu vào, điều này tạo thêm cơ hội cho NH có sự chuyển hướng trong lựa chọn ngành học [H11.11.01.08].

Để khắc phục việc số lượng NH thôi học cao, tốt nghiệp trễ, Nhà trường đã phân tích nguyên nhân và thực hiện một số biện pháp như: ổn định học phí, có các chính sách hỗ trợ tài chính NH, ban hành thông báo chấp nhận sử dụng chứng chỉ tiếng Anh Duolingo, tạo điều kiện cho NH học tập và dự thi trực tuyến để lấy chứng chỉ hoàn thành hồ sơ xét tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.01.09]. Bên cạnh đó, Khoa đã giao cho đội ngũ CVHT giám sát chặt chẽ, thường xuyên nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của NH để kịp thời báo cáo và đề ra hướng giải quyết, hỗ trợ NH. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa KT-QTKD cũng tổ chức các buổi họp, đối thoại nhằm nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH [H11.11.01.10].

2. Điểm mạnh

Trường có bộ phận, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp. Có tiến hành thống kê danh sách, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp mỗi khóa ĐT. Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm hạn chế

NH thôi học và NH tốt nghiệp chưa đúng tiến độ của ngành QTKD vẫn còn ở tỷ lệ khá cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ.	Khoa Phòng KT- ĐBCL Phòng CTNH- HTDN CVHT	Tháng 8/2025	
2	Phát huy	Trường tăng cường kinh phí nâng cấp phần mềm QL giáo dục, trong	Phòng QLĐT Ban CNTT	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
	điểm mạnh	đó có tăng cường phân công theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và danh sách thôi học, tốt nghiệp.	Và các đơn vị liên quan		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTNH-HTDN, các Khoa để QL, theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của NH. Đồng thời, phòng QLĐT chịu trách nhiệm QL số liệu liên quan đến số lượng NH nhập học, quá trình học tập, tốt nghiệp của NH; QL theo dõi số liệu NH ngừng học, thôi học, bảo lưu kết quả học tập. Ngoài ra, phòng QLĐT còn phối hợp phòng CTNH-HTDN, phòng TC-KT và Khoa lập danh sách NH đủ điều kiện tốt nghiệp dựa trên quy chế, quy định hiện hành [H11.11.02.01]. Theo quy định của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào quy chế ĐT tín chỉ của Trường, thời gian ĐT trung bình của trình độ ĐH ngành QTKD được xác lập là 04 năm, thời gian ĐT tối đa cho phép là 8 năm [H11.11.02.02]. Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua hoạt động của Phòng QLĐT [H11.11.02.03]. Ngoài ra, NH có thể truy cập vào hệ thống QL học tập cá nhân (my.ttu) bằng tài khoản được cấp để theo dõi quá trình học tập, từ đó chủ động và biết được tiến trình tốt nghiệp của mình [H11.11.02.04].

Trong giai đoạn đánh giá, trung bình hằng năm số lượng NH hoàn thành chương trình học cũng như thời gian tốt nghiệp trung bình nói chung dao động rất sát so với thời gian tốt nghiệp đúng hạn.

Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành QTKD

Khóa	Thời gian TN				Thời gian TN trung bình
	3 năm	4 năm	5 năm	6 năm	
2016	-	-	-	-	-
2017	0	1	1	0	4,5

Khóa	Thời gian TN				Thời gian TN trung bình
2018	0	1	1	0	4,5
2019	0	2	0	0	4
2020	0	1	0	0	4

(Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo, cập nhật đến 01/09/2024)

Phòng QLĐT phối hợp Khoa tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế của ngành QTKD so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước và với các ngành khác trong Trường [11.11.02.05], [11.11.02.06]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định so chuẩn, đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường ban hành [11.11.02.07]. Ngoài ra, Trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa BGH, lãnh đạo Khoa với NH để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH, đồng thời trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.08].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, Phòng QLĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả CTĐT và thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của Khoa [11.11.02.09]. Trong giai đoạn 2019 - 2024, các báo cáo tổng kết năm học có nội dung điều chỉnh CTĐT hướng đến nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian ĐT [11.11.02.10]. Năm 2022, Trường đã điều chỉnh CDR ngoại ngữ phù hợp với tình hình thực tế của trường [11.11.02.11]. Bên cạnh đó, Trường tổ chức các khóa tiếng anh tăng cường, các khóa kỹ năng mềm nhằm tạo điều kiện để NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.12]

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm tiến độ và cũng tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp chậm tiến độ để có biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại

Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD còn cao so với thời gian dự kiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	---------	---------

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa kết hợp với Phòng QLĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn	Khoa Phòng QLĐT Phòng CTNH-HTDN CVHT	Tháng 10/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của NH.	Khoa Phòng QLĐT Phòng CTNH-HTDN CVHT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTNH-HTDN là đơn vị được Trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Phòng CTNH-HTDN phân công 01 Phó trưởng phòng và 01 chuyên viên phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường. Hằng năm, Phòng CTNH-HTDN phối hợp với các Khoa để theo dõi, liên hệ với NH tốt nghiệp và hỗ trợ NH tốt nghiệp chưa có việc làm [H11.11.03.01].

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Trường ban hành, cập nhật Quy định và Kế hoạch khảo sát các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp. Dựa trên kế hoạch khảo sát hằng năm, Phòng CTNH-HTDN tiến hành khảo sát để đánh giá tình hình việc làm, thu nhập trung bình của NH sau tốt nghiệp, đồng thời thu thập thông tin về sự phù hợp của CTĐT với yêu cầu của thị trường lao động về kiến thức, kỹ năng cần thiết cho công việc mà NH đang làm. Đây chính là cơ sở để Nhà trường nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật nội dung CTDH và các hoạt động hỗ trợ nhằm nâng cao tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của NTD [H11.11.03.02].

Kết quả khảo sát NH tốt nghiệp năm 2022 có 101/101 (đạt 100%) cựu NH trả lời, trong đó có việc làm đúng ngành ĐT 08/101 (đạt 7,92%); liên quan đến ngành ĐT 10/101 (đạt 9,90%); không liên quan đến ngành ĐT 05/101 (đạt 4,95%); tiếp tục học nâng cao trình độ 77/101 (đạt 76,24%); chưa có việc làm 01/101 (đạt 0,99%).

Trường ĐHTT, Khoa KT-QTKD cam kết cung cấp một môi trường học tập và hỗ trợ tối đa cho NH, giúp phát triển tư duy quốc tế, mở rộng kiến thức, giúp nâng cao kỹ năng giao tiếp đa văn hóa, mở rộng cơ hội phát triển nghề nghiệp cho NH. Chính vì vậy, Nhà trường đã phối hợp các tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và NTD thông qua tổ chức hội thảo, hội nghị việc làm nhằm tư vấn, hỗ trợ NH có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.03]. Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của NH sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTNH-HTDN tiến hành đối sánh tỷ lệ NH có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của các CTĐT trong Trường [H11.11.03.04].

Bảng 11.3.1. Thống kê môi trường làm việc của NH tốt nghiệp (%)

Năm TN	NHTN phản hồi	Môi trường làm việc của NH tốt nghiệp									
		Tư nhân		Có yếu tố nước ngoài		Nhà nước		Tự tạo việc làm		Tiếp tục học	
		SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
2022	3	1	33,3%	0	0	1	33,3%	0	0	1	33,3%
2021	1	0	0	1	100%	0	0	0	0	0	0
2019	1	1	100%	0	0	0	0	0	0	0	0
2018	3	3	100%	0	0	0	0	0	0	0	0
2017	2	2	100%	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Nhóm Chuyên trách tổng hợp, cập nhật đến 09/2024)

Đa phần NH tốt nghiệp làm việc ở khu vực tư nhân; tiếp theo là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thống kê từ khảo sát của khoa về tình hình NH tốt nghiệp đáp ứng nhu cầu của NTD cho thấy năng lực của NH tốt nghiệp đáp ứng tốt nhu cầu của NTD.

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ NH có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTNH-HTDN chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho NH để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của NH thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị [H11.11.03.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CNHC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh

CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của NH tất cả các CTĐT, [H11.11.03.06], [H11.11.03.07]. Ngoài ra, Trường ĐHTT thuộc Tập đoàn Tân Tạo, do đó đã đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các CSGD, các khu công nghiệp, các công ty nhằm tạo điều kiện tối đa cho NH tiếp cận việc làm sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.08]

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị phụ trách khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá, có số liệu tin cậy về việc làm của NH, có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng cựu NH phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn chưa đầy đủ. NH ngành QTKD làm việc ở ngành gần hoặc chưa đúng ngành ĐT còn nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm học 2025 - 2026, Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu NH để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH	Khoa Phòng QLĐT Phòng CTNH- HTDN CVHT	Tháng 10/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường và Khoa tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ NH có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của NH tốt nghiệp của các CTĐT	Khoa Phòng QLĐT Phòng CTNH- HTDN CVHT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Nghiên cứu khoa học được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường ĐHTT, vì vậy Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển KHCN, trong đó có hoạt động NCKH cho NH. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc ĐH là trang bị cho NH các kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập, chuẩn bị cho NH hành trang tốt nhất sau khi ra trường. Sản phẩm từ các hoạt động NCKH từ NH là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng ĐT của Khoa. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của NH thông qua việc ban hành Quy định QL hoạt động NCKH của NH có nêu rõ nội dung về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà NH phải thực hiện [H11.11.04.01]. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành quy định cụ thể về tài chính và khen thưởng nhằm hỗ trợ, khuyến khích và động viên NH tham gia và đạt thành tích cao trong hoạt động NCKH [H11.11.04.02]. Trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn 2030 đã xác định rõ mục tiêu “Thành lập Quỹ hỗ trợ NCKH, vườn ươm sinh viên NCKH nhằm thúc đẩy người học tại Trường triển khai NCKH và phát triển hoạt động khởi nghiệp”, [H11.11.04.03]. Ngoài ra, trong kế hoạch năm học của P. QLKH-HTQT và Khoa [H11.11.04.04] đều xác định các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng NCKH của NH.

Trường xác định hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của NH, trong đó cấp trường do Phòng QLKH-HTQT thực hiện; cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện. Ban Giám hiệu Trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT phân công 01 chuyên viên thực hiện việc, theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của NH [H11.11.04.05]. Hoạt động NCKH của NH được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở, bài kỷ yếu hội thảo khoa học, bài báo khoa học mang lại những ý nghĩa thiết thực cho NH [H11.11.04.06]. Tuy nhiên, giai đoạn 2019 - 2024 số lượng hoạt động NCKH và số NH tham gia các hoạt động NCKH của ngành QTKD còn hạn chế về số lượng.

Hàng năm, Phòng QLKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của NH toàn trường dựa trên báo cáo hàng năm của các Khoa. Bên cạnh đó, các Khoa đồng thời xây dựng CSDL về kết quả thực hiện NCKH của NH của Khoa. Định kỳ cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của NH về Phòng QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H11.11.04.07], [H11.11.04.08]. Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT-BĐCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các BLQ về chất lượng nghiên cứu của NH Trường [H11.11.04.08]. Trong nội dung khảo sát ý kiến của

các BLQ có khảo sát ý kiến phản hồi của GV, NH về chất lượng NCKH của NH Trường. Kết quả khảo sát các BLQ đánh giá chất lượng nghiên cứu của NH Trường ở mức độ Khá [H11.11.04.10].

Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà NH của Khoa KT-QTKD đạt được so với các ngành khác [H11.11.04.11].

Bảng 11.4.1. Thống kê hoạt động NCKH của NH ngành QTKD với các ngành khác

TT	Nội dung	Ngành					Tổng
		NNA	QTKD	KHMT	CNSH	Y	
1	Số đề tài NCKH	1	2	3	2	0	8
2	Số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH	1	7	5	2	0	15
3	Số bài báo khoa học	1	2	2	2	33	39
4	Hội nghị, hội thảo khoa học	1	2	3	12	10	28
5	Giải thưởng cấp quốc tế	0	0	1	0	1	2
6	Giải thưởng cấp trường	1	1	4	3	6	15
	Tổng	4	14	18	21	50	

(Nguồn: Phòng QLKH-HTQT, 09/2024)

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của NH Trường đạt được hàng năm, BGH trường họp với lãnh đạo các đơn vị để xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của NH và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Ngoài ra, Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích NH tham gia NCKH, tăng cường đầu tư CSVC, tài liệu, trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của NH [H11.11.04.12]. Nhìn chung, thông qua việc thực hiện các hoạt động NCKH, NH không những có cơ hội áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn mà còn phát triển kỹ năng nghề nghiệp và một số kỹ năng cần thiết cho học tập suốt đời. Tuy nhiên, số lượng các bài báo khoa học của NH còn thấp, do đó Nhà trường cần xây dựng những chính sách đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và khả năng của NH từ đó nâng cao chất lượng và số lượng các bài báo khoa học của NH.

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch hoạt động NCKH của NH, có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH từ Trường tới Khoa. Khoa có sự tổ

chức, hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho NH, các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ NH trong quá trình làm đề tài.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số NH còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH; số lượng bài báo khoa học của NH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm 2025 - 2026, Trường đẩy mạnh việc NCKH trong NH bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho NH nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho NH về vai trò của NCKH trong NH.	Khoa Phòng QLKH-HTQT Phòng TCKT	Tháng 10/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH NH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các lớp miễn phí về NCKH cho NH	Khoa Phòng QLKH-HTQT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch và phối hợp các phòng, khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ (CB, NV, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, NTD) về hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CNHC,... Định kỳ hàng năm, căn cứ quy định khảo sát các BLQ của Trường

[H11.11.05.01], Phòng KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch khảo sát về các hoạt động Nhà trường trình Hiệu trưởng ký ban hành và thông báo đến các đơn vị thực hiện. Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H11.11.05.02]. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng công cụ khảo sát trực tuyến nhằm thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ đến quá trình đào tạo một cách nhanh chóng, chính xác, tin cậy hơn.

Các thông tin sau khi thu nhận được sử dụng như một nguồn dữ liệu quan trọng trong quá trình phân tích nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của đội ngũ CB, GV, NH, đơn vị sử dụng lao động. Từ đó, đề xuất biện pháp điều chỉnh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng ĐT. Cụ thể:

Đối với người học: mức độ hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV được phòng QLĐT thu thập mỗi học kỳ. Nội dung khảo sát bao gồm 17 câu hỏi, liên quan đến tác phong, PPGD và sự công bằng trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH. Nhìn chung, tỷ lệ NH hài lòng về chất lượng giảng dạy tương đối cao [H11.11.05.03]. Ngoài bảng hỏi, báo cáo kết quả còn thống kê các ý kiến của NH liên quan đến công tác giảng dạy của GV, giáo trình tài liệu tham khảo, KTĐG. Báo cáo và các ý kiến đóng góp trên được chuyển cho các Khoa để có các hành động khắc phục phù hợp, từ đó cải tiến hoạt động dạy học đạt kết quả tốt nhất.

Bên cạnh đó, mức độ hài lòng của NH trước tốt nghiệp về chất lượng ĐT của Nhà trường cũng được thu thập căn cứ vào các đợt xét tốt nghiệp trong năm học. Hoạt động này nhằm thu nhận những ý kiến, góp ý cho CTĐT để Nhà trường có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động [H11.11.05.04].

Bên cạnh hình thức khảo sát trực tuyến, các thông tin phản hồi từ NH còn được thu thập thông qua các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo trường, Khoa KT-QTKD với NH để giải đáp sâu rộng ý kiến thắc mắc cho NH. Bên cạnh đó, các CVHT cũng tổ chức họp lớp nhằm lắng nghe ý kiến đóng góp, phản hồi từ NH một cách công khai, thẳng thắn, từ đó, ghi nhận, tiếp thu và báo cáo vào các cuộc họp định kỳ của Khoa [H11.11.05.05].

Đối với cựu người học: Phòng CTNH-HTDN triển khai khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp. Hoạt động này cung cấp các thông tin hữu ích về thực trạng NH tốt nghiệp ra trường đáp ứng như thế nào so với MTĐT, so với CĐR. Qua kết quả khảo sát cho thấy, đa số cựu NH đánh giá khá cao chất lượng ĐT, có sự hài lòng về các vấn đề được hỏi. Ngoài ra, tỷ lệ NH có việc làm và phù hợp ngành ĐT sau tốt nghiệp trong những năm gần đây đạt tỷ lệ cao [H11.11.05.06].

Đối với chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động: Các ý kiến của đơn vị sử dụng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh, cải tiến CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Do đó, khi sửa đổi, bổ sung Quy định khảo sát vào năm 2022, Trường đã quy

định NTD lao động là một trong những đối tượng của khảo sát lấy ý kiến phản hồi về CTĐT và chất lượng NH đang làm việc tại đơn vị [H11.11.05.01 (2)]. Hoạt động này được tiến hành khi Khoa cần rà soát, cập nhật CTĐT từ đó có được thông tin cụ thể về những điểm mạnh cũng như hạn chế của CTĐT để lập kế hoạch phát triển, cải tiến hoặc xây dựng CTĐT mới. Theo đó, Khoa thu nhận ý kiến từ các đơn vị đang sử dụng NLĐ và cựu NH Trường ĐHTT trên các phương diện như kiến thức, kỹ năng, thái độ và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc [H11.11.05.07].

Đối với CB giảng viên và NV: Hoạt động khảo sát lấy ý kiến đội ngũ CB, GV, NV về mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT cũng như các dịch vụ hỗ trợ được Trường ĐHTT chú trọng triển khai thực hiện hằng năm. Ngoài ra, trước mỗi lần rà soát, chỉnh sửa CTĐT, đội ngũ GV cũng được tiến hành khảo sát để lấy ý kiến về CTĐT, mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội, sự phù hợp của CTĐT ở góc độ người dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của đội ngũ GV, NV về điều kiện, môi trường làm việc. Nội dung phiếu khảo sát gồm những đánh giá về tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường, tổ chức công việc, chế độ chính sách, dịch vụ hỗ trợ, CTĐT, NCKH, và đánh giá các đơn vị hỗ trợ. Kết quả khảo sát cho thấy GV, NV hài lòng với hầu hết các vấn đề nói trên [H11.11.05.08].

Trên cơ sở kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, Trường ĐHTT và Khoa KT-QTKD đã có những cải tiến về chất lượng CTĐT ngành QTKD. Cụ thể, ban hành CTĐT mới với những cải tiến hướng tới phát huy khả năng tự học, tăng cường các HP thực tế, giúp NH tiếp cận sớm với môi trường nghề nghiệp [H11.11.05.09]; chú trọng đến các HP, các hoạt động hỗ trợ cho việc cung cấp những kỹ năng mềm cho NH [H11.11.05.10]; bổ sung sách và tài liệu phục vụ học tập hằng năm [H11.11.05.11]; tổ chức các buổi họp đổi mới PPGD đánh giá của GV [H11.11.05.12]; cải tiến hệ thống CNHC, trang thiết bị phục vụ ĐT [H11.11.05.13].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến gặp khó khăn do số lượng cựu NH và người sử dụng lao động chưa tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	TGTH/HT	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục lập kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm với các BLQ, nhất là đơn vị sử dụng lao động để lắng nghe, trao đổi trực tiếp, cụ thể hơn nhằm điều chỉnh CTĐT theo nhu cầu thực tế của thị trường lao động và thu hút số lượng cựu NH và người sử dụng lao động tham gia nhiều vào các cuộc khảo sát.	Khoa Phòng KT- ĐBCL Phòng CTSV- HTDN	Tháng 12/2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa hoàn thiện CTDH và nâng cao chất lượng ĐT trên cơ sở có tham khảo kết quả khảo sát các BLQ để nâng cao chất lượng ĐT đáp ứng nhu cầu xã hội.	Khoa Phòng KT- ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường có bộ phận chuyên trách, có công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ NH trong học tập và rèn luyện. Có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của NH các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ NH học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn. Tỷ lệ NH có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. NH được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của NH cũng như chia sẻ chuyên đề và tuyển dụng. NH ngành QTKD nói riêng và NH của trường nói chung tham gia hoạt động NCKH với nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của NH luôn được Khoa và Nhà trường hỗ trợ, đầu tư nâng cao và giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hàng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các

BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ NH và điều chỉnh CTĐT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Chưa đối sánh chất lượng đầu ra của NH với các trường trong và ngoài nước. Một số NH chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng cựu NH và người sử dụng lao động phản hồi khảo sát còn hạn chế. Vẫn còn một số NH chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 3/5 tiêu chí đạt 5,0 điểm, 2/5 tiêu chí đạt 4,0 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,60 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CTĐT của ngành QTKD với mục tiêu được xác định rõ ràng, phù hợp với SM và TN của Trường QTKD, cũng như phù hợp với mục tiêu GDĐH trong Luật GDĐH. Ngoài ra, CĐR của CTĐT xác định rõ những yêu cầu cần đạt được của NH để có thể đảm nhận được các vị trí làm việc của một Cử nhân QTKD được quy định trong CĐR của ngành. Khi xây dựng CĐR, ngành QTKD tham khảo ý kiến các doanh nghiệp, NH đã tốt nghiệp, NTD lao động, GV và NH để CĐR có thể đáp ứng được yêu cầu thực tế của thị trường lao động và được định kỳ rà soát và công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các BLQ có thể dễ dàng tiếp cận

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT của ngành QTKD cung cấp đầy đủ các nội dung và các thông tin hữu ích khác giúp NH có thể lập kế hoạch học tập của mình nhằm đạt được các CĐR sau thời gian học tập và được cụ thể hóa trong các ĐCCT HP của chương trình. ĐCCT các HP được chuẩn hóa trong toàn Trường về nội dung, hình thức, đảm bảo sự thống nhất trong giảng dạy. ĐCCT tất cả HP được rà soát, định kỳ hằng năm cập nhật cùng lúc với rà soát CTĐT. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp NH, NH đã tốt nghiệp, người sử dụng lao động tiếp cận dễ dàng nhất.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của ngành QTKD được thiết kế nhất quán với CĐR, PPGD và học tập, kiểm tra/đánh giá kết quả NH của các HP phù hợp với CTDH. Mỗi HP của CTDH đều xác định vai trò và mức độ đóng góp vào CĐR một cách rõ ràng. Từ đó, mỗi HP được thiết kế tổ hợp các phương pháp dạy và học theo hướng tích cực hóa NH để đạt CĐR. Các HP của CTDH đảm bảo tính logic và tính gắn kết giữa các HP giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Do đó, NH có thể học các HP chuyên ngành ở các học kỳ sau một cách dễ dàng và hứng thú. Ngoài ra, CTDH của ngành được hiệu chỉnh, cập nhật hằng năm bằng việc ghép các HP và thay bằng HP mới với yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ ở mức cao hơn, cũng như cập nhật được các kiến thức mới của chuyên ngành đang ứng dụng thực tiễn. Việc hiệu chỉnh CTDH cũng được tham khảo với các CTDH trong và ngoài nước để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trường QTKD đã công bố sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược giai đoạn 2020-2025, TN đến 2030. Qua đó, Trường cũng đã ban hành TLGD vào năm 2018. TLGD của Nhà trường được chuyển tải vào mục tiêu của của CTĐT ngành QTKD thuộc Khoa QTKD để CB, GV, NV và NH cùng thực hiện. Các mục tiêu này được phổ biến rộng rãi đến các BLQ qua nhiều kênh thông tin. Các GV đã sử dụng các PPGD phù hợp, đa dạng

theo hướng tích cực hóa NH để đáp ứng CĐR và được NH đánh giá cao. Tất cả ĐCCT của ngành QTKD đều hướng dẫn phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho NH để nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Đánh giá KQHT của NH (gồm phương pháp, công cụ, thời điểm, tiêu chí, trọng số) được thiết kế và triển khai chi tiết cho từng CĐR của HP nên đo lường được mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Phương pháp đánh giá luôn tuân thủ các quy định, đảm bảo độ tin cậy và được kiểm chứng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng. Cơ chế phản hồi của NH được quy định rõ ràng, thông báo công khai tới NH trước khi bắt đầu khóa học và HP. NH có thể gặp trực tiếp GV để được phân tích những ưu điểm và nhược điểm của bài kiểm tra, đánh giá, qua đó giúp NH cải thiện phương pháp học tập để đạt được kết quả tốt hơn. NH được tiếp cận dễ dàng và giải quyết nhanh chóng với các quy trình khiếu nại về KQHT.

1.6. Đội ngũ giảng viên

Công tác quy hoạch/kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa QTKD được triển khai thực hiện theo đúng quy hoạch chung của Nhà trường. Đội ngũ GV ngành QTKD đủ về số lượng và đạt yêu cầu về chất lượng theo yêu cầu của Nhà nước và Trường. GV được ĐT, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn ở trong trường và các cơ sở ĐT ngoài trường. Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV và khung năng lực GV được cụ thể hóa bằng văn bản quy định phù hợp với nhu cầu của Trường cũng như các quy định hiện hành, góp phần phát triển đội ngũ GV có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu ĐT, NCKH và PVCĐ. Việc quản trị theo kết quả công việc thông qua đo lường theo đơn vị giờ chuẩn các khối lượng công việc làm thực tế về giảng dạy, NCKH của GV và tổ chức đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng kịp thời cho những GV có nhiều cống hiến, đạt thành tích cao.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTĐT ngành QTKD đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ của ngành QTKD. Quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai minh bạch. Thông báo tuyển dụng công khai trên nhiều kênh: báo chí và Website của Trường, Email nội bộ. NV của Khoa luôn đạt danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên. Hàng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ NV hỗ trợ. Khoa có phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho NV qua bản mô tả công việc và bản đăng ký thực hiện nhiệm vụ đầu năm học. Tỷ lệ hài lòng về phân công công việc và đánh giá thi đua khen thưởng của NV cao.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Trường có chính sách tuyển sinh và đề án tuyển sinh rõ ràng, được cập nhật đầy đủ thông tin và được công bố công khai, rộng rãi, đa dạng hình thức cho thí sinh. Hoạt động tuyển sinh được tổ chức theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo các điều kiện quy định về năng lực ĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, được đánh giá khách quan, minh bạch, theo đúng các quy định chung của Bộ GD&ĐT. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được điều chỉnh linh hoạt hằng năm, phù hợp tình hình thực tế và đặc điểm Khoa. Ngành QTKD có hệ thống giám sát chặt chẽ về sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của NH. Nhà trường đã phân công trách nhiệm cho các đơn vị phụ trách về tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trang thiết bị và hạ tầng cơ sở hỗ trợ, phục vụ ĐT là phương tiện giúp cho Nhà trường nói chung và Khoa QTKD nói riêng HTTNV ĐT và cung cấp các tiện nghi hữu ích cho công tác NCKH. Do đó, cùng với yêu cầu của sự phát triển, Nhà trường luôn có kế hoạch đầu tư CNHC, nâng cấp, thay thế trang thiết bị hỗ trợ, phục vụ công tác ĐT và NCKH nhằm đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ giữa nhu cầu của NH và mức độ đáp ứng của Nhà trường, có chú trọng đến nhu cầu sử dụng, tâm lý làm việc của người khuyết tật. Bên cạnh đó, các điều kiện về cơ sở hạ tầng còn đảm bảo các tiêu chuẩn quy định về an toàn, môi trường và sức khỏe, góp phần tạo dựng cảnh quan tươi mới, môi trường thông thoáng, là điều kiện tốt cho làm việc và học tập.

1.10. Nâng cao chất lượng

Khoa QTKD và Trường QTKD có nhiều hoạt động nâng cao chất lượng ĐT mang tính hệ thống và được cải tiến liên tục từ quy trình, thu thập và áp dụng thông tin phản hồi vào rà soát, cập nhật CTDH, xây dựng CTĐT khóa mới. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH được quy định rõ ràng, được định kỳ hàng năm đánh giá và cải tiến, trong đó có sự tham gia của các BLQ như đại diện nhà QL, chuyên gia, NTD, người giỏi nghề, GV, NH đã tốt nghiệp, NH. Hoạt động dạy và học, đánh giá KQHT của NH được Khoa tổ chức đánh giá và cải tiến. Các công trình NCKH của GV và NH phù hợp với ngành ĐT và được ứng dụng vào hoạt động giảng dạy, học tập, góp phần cải tiến CTDH và nâng cao chất lượng ĐT. Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, tư vấn NH, CTNH, các hoạt động đoàn thể phong phú, đa dạng, được NH đánh giá cao và liên tục cải tiến. Hệ thống tiếp nhận thông tin phản hồi của các BLQ luôn được cập nhật và ngày càng hoàn thiện.

1.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ NH thôi học có xu hướng giảm sau mỗi khoá. Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH ngành QTKD có xu hướng giảm dần. Tỷ lệ NH đã tốt nghiệp của

ngành QTKD tăng. Kết quả khảo sát cho thấy, sự hài lòng của các BLQ gồm NH, NH đã tốt nghiệp, GV, NTD đạt tỷ lệ khá cao.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Số lượng NTD trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành QTKD. chưa nhiều. Số lượng cựu NH, các NTD tham gia khảo sát về CDR của CTĐT ngành QTKD. còn hạn chế do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới cựu NH và NTD. Số lượng các NTD có thương hiệu trong ngành QTKD. ký kết hợp tác với Khoa chưa nhiều do Trường chưa đẩy mạnh mạng lưới NTD.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa chưa tham khảo nhiều Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT. Biểu mẫu ĐCCT HP của ngành QTKD. chưa tham khảo hoàn toàn ĐC HP. Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành QTKD. đến các BLQ.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các PPGD hiện đại được GV Khoa xác định trong ĐCCT HP chưa nhiều. Số lượng NTD và cựu NH góp ý về CTDH ngành QTKD. tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức chưa nhiều. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành QTKD. chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Số lượng doanh nghiệp, NTD và cựu NH tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn quá ít. Vẫn còn trường hợp NH năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc ĐH. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa tổ chức chưa nhiều.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của NH

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CDR, tuy nhiên số lượng các phương pháp KTĐG được xác định chưa nhiều. Khoa chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các HP của ngành. Khoa chưa đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số HP công bố điểm kết thúc HP còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

2.6. Đội ngũ giảng viên

Việc nâng cao trình độ TS đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa còn ít. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường chưa tuyển được nhiều GV có học

hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen cao của GV Khoa chưa nhiều. Khoa chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác quy hoạch đội ngũ NV tuy đã được triển khai nhưng việc rà soát quy hoạch đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Vẫn còn trường hợp NV kiêm nhiệm các công tác khác. Hoạt động đánh giá đồng nghiệp tuy đã được triển khai nhưng chưa phát huy tối đa hiệu quả. Trường chưa thực hiện đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với NV được chuyển sang ngạch GV. Các hình thức khen thưởng cấp cao của GV Khoa còn hạn chế.

2.8. NH và hoạt động hỗ trợ NH

Trường chưa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài một cách có hệ thống về chính sách tuyển sinh của Trường. Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành QTKD. vẫn chưa cao như các trường ĐH danh tiếng trên địa bàn. Bên cạnh, một số CVHT chưa được tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia. Không gian sinh hoạt chung còn hạn chế so với nhu cầu của GV, NH.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp NH chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống QL giáo dục của Trường. CNHC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của NH khuyết tật.

2.10. Nâng cao chất lượng

Số lượng các NTD tham gia góp ý CTĐT ngành QTKD. chưa nhiều. Việc rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn chậm so với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Việc giải trình ý kiến của cựu NH về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR triển khai còn chậm. Số lượng đề tài NCKH của Khoa còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Do nguồn lực có hạn nên việc cải tiến các dịch vụ hỗ trợ chưa đáp ứng hoàn toàn nhu cầu của NH. Số lượng các NTD trả lời ý kiến khảo sát chưa nhiều.

2.11. Kết quả đầu ra

Hàng năm, vẫn có các trường hợp NH ngành QTKD. bị thôi học. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành QTKD. còn cao so với thời gian dự kiến. Vẫn còn tỷ lệ NH ngành QTKD. làm việc chưa đúng chuyên ngành ĐT. Số lượng NH Khoa tham gia

NCKH chưa nhiều so với tiềm năng của NH. Số lượng cựu NH, các NTD trả lời khảo sát chưa nhiều và chưa thường xuyên.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp với Khoa đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến nhằm tăng số lượng NTD trả lời ý kiến phản hồi về CTĐT ngành. Phòng CTNH-HTDN, Phòng QLKH-HTQT triển khai hoạt động nổi kết doanh nghiệp, NTD thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT. Kiện toàn mạng lưới cựu NH, mở rộng hợp tác nhiều doanh nghiệp, NTD. Trên cơ sở đó, Khoa tích cực khảo sát ý kiến phản hồi của cựu NH, các NTD về CĐR của CTĐT ngành tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức. Mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, NTD trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa tăng cường ký kết hợp tác với các NTD có thương hiệu trong ngành.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở ĐT trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Khoa tham khảo Bản Mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh Bản Mô tả CTĐT. Tổ chức mời chuyên gia tập huấn xây dựng chuẩn CTĐT, CĐR, ĐCCT. Trên cơ sở đó, Khoa tham khảo đề cương HP để phục vụ rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP ngành. Phòng KT-BĐCL phối hợp với Khoa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP ngành đến các BLQ.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa triển khai đề GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐCCT HP để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR. Khoa tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng số lượng NTD và cựu NH góp ý về CTDH ngành. Khoa tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Trường tăng cường số lượng doanh nghiệp, NTD tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng KT-BĐCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các NTD về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường. Trường và Khoa tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho NH, đặc biệt NH năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc ĐH. Khoa tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của NH

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa triển khai đề GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG để bổ sung các các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CDR. Khoa triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của NH của Khoa đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của NH. Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các HP. Khoa phối hợp với Phòng KT-BĐCL khảo sát đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Khoa có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

3.6. *Đội ngũ giảng viên*

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang ĐT Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa. Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm Ngoại ngữ thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho GV nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa. Trường/Khoa tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành ĐT. Phòng TC-HC, Khoa tăng cường động viên, khuyến khích GV tham gia các hình thức khen cao. Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương.

3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Phòng TC-HC phối hợp với các đơn vị để rà soát đề án vị trí việc làm và thực hiện quy hoạch đội ngũ NV nhằm có những điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phù hợp. Nhà trường rà soát để bố trí, sắp xếp nhằm đảm bảo NV thực hiện công tác chuyên trách theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Bổ sung các hình thức đánh giá đồng nghiệp một cách thường xuyên nhằm phát huy hiệu quả của hoạt động đánh giá đồng nghiệp. Trường và khoa triển khai đánh giá hiệu quả công tác giảng dạy đối với NV được chuyển sang ngạch GV. Trường, Phòng TC-HC, các đơn vị khuyến khích NV đăng ký thực hiện các hình thức thi đua.

3.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp với Phòng ĐT và các Khoa triển khai khảo sát ý kiến các BLQ bên ngoài về chính sách tuyển sinh của Trường để có thêm cơ sở điều chỉnh chính sách tuyển sinh cho phù hợp. Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường. Trường, Phòng CTCT&QLNH thường xuyên tổ chức tập

huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ NH. Phòng CTCT&QLNH phối hợp Đoàn TN, Hội NH, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thu hút đông đảo NH tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của NH.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo. Bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động ĐT và nghiên cứu của CTĐT ngành. Trường, Khoa, CVHT tăng cường hướng dẫn để NH hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống QL giáo dục của Trường.

3.10. Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng KT-BĐCL phối hợp các khoa triển khai đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các BLQ, đặc biệt là các NTD nhằm nâng cao số lượng các NTD trả lời khảo sát. Phòng ĐT phối hợp các khoa triển khai rà soát về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Khoa phối hợp các phòng chức năng để giải trình các ý kiến đóng góp của các BLQ, đồng thời triển khai hội thảo, chuyên đề về phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Trường tăng cường các chính sách động viên, khuyến khích kết hợp giao nhiệm vụ để nâng cao số lượng đề tài NCKH của GV Khoa. Trường tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để cải tiến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của NH. Phòng KT-BĐCL đa dạng hình thức khảo sát và tăng cường phối hợp với các Khoa nhằm nâng cao số lượng các NTD trả lời ý kiến khảo sát.

3.11. Kết quả đầu ra

Từ năm học 2024 - 2025, định kỳ tháng 2 và tháng 7 hằng năm, CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của NH do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ. Khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về NH tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với thiết kế CTĐT để có những điều chỉnh về CTĐT, hoạt động giảng dạy, đánh giá NH, hoạt động hỗ trợ một cách phù hợp, kịp thời giúp NH tốt nghiệp đúng hạn. Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu NH để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của XH. Trường đẩy mạnh việc NCKH trong NH bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia. Bên cạnh đó, Trường và Khoa sẽ tiếp tục các hội đồng tư vấn đề tài NCKH cho NH nhằm mục đích định hướng nghiên cứu cho các đề tài triển khai đạt hiệu quả cao. Đoàn - Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho NH về vai trò của NCKH trong NH. Trường triển khai đánh giá tính hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ NH ngày càng được nâng cao.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,
Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Tân Tạo**

Mã: **TTU**

Tên CTĐT: **Quản trị kinh doanh**

Mã CTĐT: **7340101**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4,66	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5,00	5	100%

Tiêu chí 7.1				5				
Tiêu chí 7.2				5				
Tiêu chí 7.3				5				
Tiêu chí 7.4				5				
Tiêu chí 7.5				5				
Tiêu chuẩn 8								
Tiêu chí 8.1				5				
Tiêu chí 8.2				5			5,00	5
Tiêu chí 8.3				5				100%
Tiêu chí 8.4				5				
Tiêu chí 8.5				5				
Tiêu chuẩn 9								
Tiêu chí 9.1				5				
Tiêu chí 9.2			4				4,80	5
Tiêu chí 9.3				5				100%
Tiêu chí 9.4				5				
Tiêu chí 9.5				5				
Tiêu chuẩn 10								
Tiêu chí 10.1				5				
Tiêu chí 10.2				5				
Tiêu chí 10.3				5			4,83	6
Tiêu chí 10.4			4					100%
Tiêu chí 10.5				5				
Tiêu chí 10.6				5				
Tiêu chuẩn 11								
Tiêu chí 11.1				5				
Tiêu chí 11.2				5				
Tiêu chí 11.3			4				4,60	5
Tiêu chí 11.4			4					100%
Tiêu chí 11.5				5				
Đánh giá chung CTĐT							4,90	5
								100%

Ghi chú: Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Long An, ngày 04 tháng 10 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đặng Thị Hoàng Yến
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/08/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - + Tiếng Việt: Trường Đại học Tân Tạo
 - + Tiếng Anh: Tan Tao University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tên viết tắt: TTU
3. Tên trước đây (nếu có): Không có
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: Khu đô thị E. City Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (+84) 272 376 9216
E-mail: info@ttu.edu.vn Website: <https://ttu.edu.vn/>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2010
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2011
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2015
10. Loại hình cơ sở giáo dục:
 - Công lập Bán công Dân lập Tư thục
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
 - Tiếng Anh: School of Economics and Business Administration
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: K.KTQTKD
 - Tiếng Anh: SEB
14. Tên trước đây (nếu có)
 - Tiếng Việt: không có
 - Tiếng Anh: SBE
15. Mã CTĐT: 7340101
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): QTKD
17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Đại lộ Đại học Tân Tạo, Tân Đức E.City, Đức Hòa, Tỉnh Long An
18. Số điện thoại liên hệ: +84 272 376 9216

Email: khoakinhte@ttu.edu.vn

Website: <https://sbe.ttu.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2011

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2011

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2015

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT.

22.1. Khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Khoa Kinh tế và QTKD

Khoa KT-QTKD được thành lập vào ngày 25 tháng 02 năm 2011 theo quyết định số 784/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Đây là một trong những khoa đầu tiên của Trường ĐHTT, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng giáo dục ĐT theo chuẩn quốc tế cho các ngành QTKD tại Việt Nam.

Từ khi thành lập, Khoa KT-QTKD đã phát triển mạnh mẽ với 4 ngành ĐT chính: **QTKD, Kinh doanh quốc tế, Tài chính ngân hàng, và Kế toán**. Chương trình ĐT của Khoa được xây dựng dựa trên mô hình giáo dục khai phóng (liberal arts education) của ĐH Duke, Hoa Kỳ, giúp NH tiếp cận với kiến thức đa ngành và phát triển tư duy độc lập, sáng tạo.

Từ năm 2011 đến năm 2021, Khoa KT-QTKD tập trung ĐT cử nhân kinh tế với chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, nhằm chuẩn bị cho NH khả năng hội nhập quốc tế. Từ năm 2022, Khoa mở rộng thêm CTĐT bằng tiếng Việt với MTĐT nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển kinh tế đất nước và xã hội hóa giáo dục, giúp tiếp cận được nhiều đối tượng NH hơn.

22.2. Thành tích nổi bật

Khoa KT-QTKD đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong suốt quá trình phát triển:

Khoa đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều trường ĐH và tổ chức quốc tế, tạo cơ hội cho NH được học tập, thực tập tại nước ngoài. Đặc biệt, các chương trình trao đổi và liên kết với các trường ĐH hàng đầu tại Mỹ, như ĐH Duke, đã giúp NH tiếp cận với những xu hướng mới nhất trong QTKD toàn cầu.

Khoa sở hữu đội ngũ GV có trình độ cao, với nhiều GV tốt nghiệp từ các trường ĐH danh tiếng trên thế giới. Các GV không chỉ giỏi về mặt học thuật mà còn có kinh nghiệm thực tế, giúp NH nắm bắt được những kỹ năng và kiến thức thiết yếu cho sự nghiệp.

Khoa KT-QTKD đã ĐT hàng trăm NH tốt nghiệp, nhiều trong số họ đã thành công trong việc khởi nghiệp và đạt được những vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp lớn

trong và ngoài nước. Chương trình học tiếng Anh vượt trội của khoa đã trang bị cho NH kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp quốc tế, giúp họ cạnh tranh hiệu quả trên thị trường lao động toàn cầu.

22.3. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Khoa KT-QTKD, liên kết với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường ĐHTT và mục tiêu chương trình đào tạo ngành QTKD

Tầm nhìn:

Trường ĐHTT: Đến năm 2030, ĐHTT trở thành một trường ĐH nổi tiếng trong khu vực ASEAN và trên thế giới, cung cấp nền giáo dục chất lượng cao dựa trên nghiên cứu, phục vụ người dân Việt Nam, Đông Nam Á và toàn cầu.

Khoa KT-QTKD: Đến năm 2030, Khoa KT-QTKD sẽ là đơn vị ĐT uy tín trong lĩnh vực kinh doanh và kinh tế tại Việt Nam, phát triển nguồn nhân lực có tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo toàn cầu và sáng tạo trong kinh doanh, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Ngành QTKD (QTKD): Chương trình ĐT QTKD của ĐHTT nhằm phát triển nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế xã hội và môi trường kinh doanh quốc tế. NH được trang bị kiến thức tổng quát và chuyên sâu, cùng với kỹ năng lãnh đạo và giải quyết vấn đề sáng tạo, đóng góp vào sự phát triển bền vững và hội nhập toàn cầu.

Sứ mệnh:

ĐHTT: Với TLGD khai phóng và thực tiễn dựa trên mô hình GDDH Hoa Kỳ, ĐHTT khuyến khích NH tư duy độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ. ĐHTT hướng tới việc ĐT những cá nhân có tính sáng tạo, tư duy logic, học hỏi suốt đời, trung thực và có trách nhiệm với xã hội.

Khoa KT-QTKD: Khoa cam kết ĐT thế hệ NH có khả năng tư duy độc lập, giải quyết vấn đề hiệu quả, sáng tạo trong kinh doanh và có trách nhiệm xã hội. Khoa tập trung vào việc phát triển những nhà lãnh đạo có khả năng đổi mới, thích ứng với các thách thức toàn cầu, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.

Ngành QTKD: MTĐT ngành QTKD là cung cấp cho NH kiến thức toàn diện về QTKD, trang bị kỹ năng phân tích, lãnh đạo và giải quyết vấn đề để trở thành những nhà QL và doanh nhân thành công, đáp ứng nhu cầu của môi trường kinh doanh quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

ĐHTT:

- Trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, và quốc gia.
- Hợp tác trong mọi hoạt động.
- Nỗ lực để xây dựng ĐHTT phát triển bền vững.

- Chất lượng đạt chuẩn quốc tế.
- Sáng tạo và khác biệt có giá trị.
- Tôn trọng bản thân và các quyền của cộng đồng.
- Lãnh đạo bản thân, nhóm và tổ chức.

Khoa KT-QTKD:

- Sáng tạo: Khuyến khích tư duy đổi mới và tạo ra giá trị mới cho xã hội và doanh nghiệp.

- Chất lượng: ĐBCL giáo dục và nghiên cứu theo chuẩn quốc tế.

- Trách nhiệm: SV và GV hành động có trách nhiệm với doanh nghiệp, cộng đồng và môi trường.

- Hợp tác: Xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa NH, GV và doanh nghiệp.

- Tôn trọng: Đảm bảo sự đa dạng và hòa nhập trong môi trường học tập và làm việc.

- Lãnh đạo: Phát triển năng lực lãnh đạo tự thân và lãnh đạo tổ chức trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

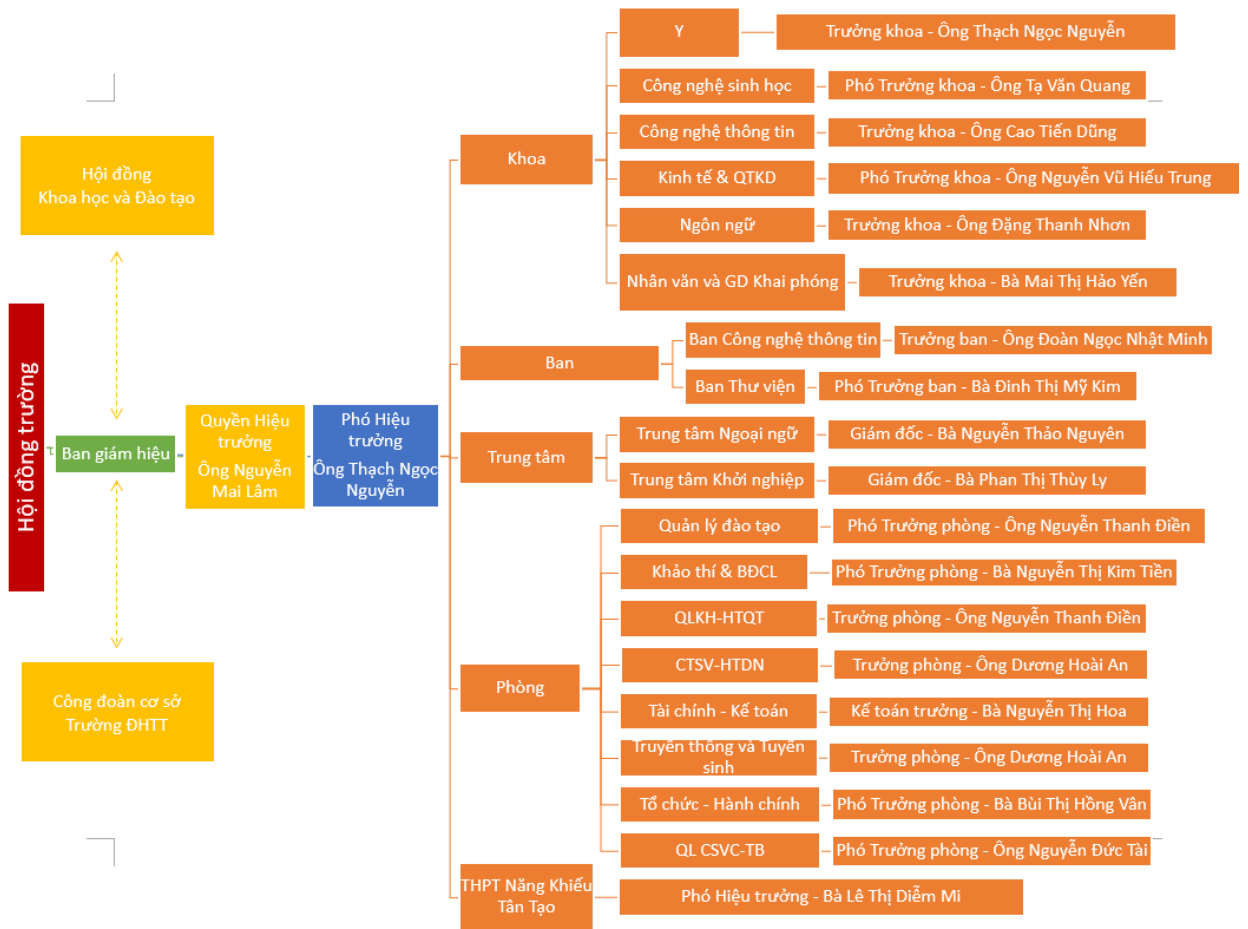
Triết lý giáo dục:

ĐHTT: Triết lý giáo dục *khai phóng – học suốt đời*, ĐT nguồn nhân lực có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực và có trách nhiệm với xã hội.

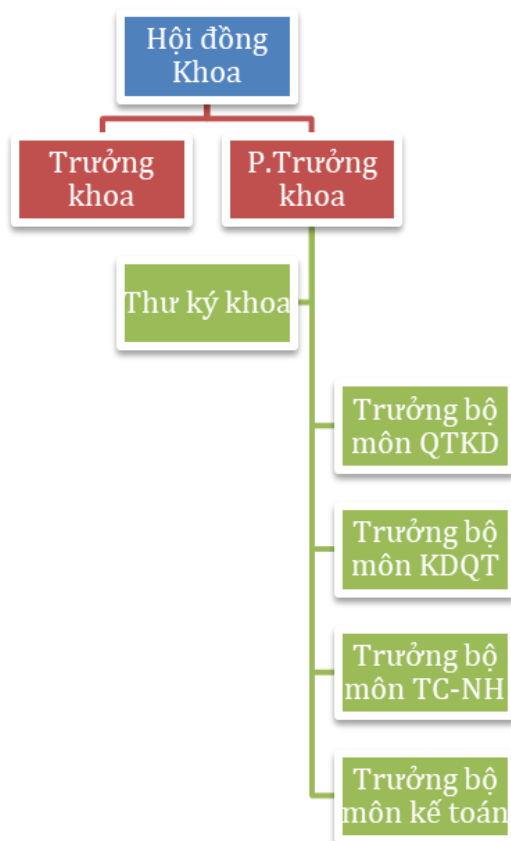
Khoa KT-QTKD: Khoa đặt trọng tâm vào việc nuôi dưỡng tinh thần doanh nhân, trang bị kiến thức toàn cầu, và tạo ra giá trị bền vững. Khoa thúc đẩy NH theo đuổi ý tưởng sáng tạo và biết cách hiện thực hóa chúng trong thực tiễn. Chương trình ĐT chú trọng phát triển kỹ năng ngôn ngữ, văn hóa, và khả năng giao tiếp toàn cầu. Đồng thời, Khoa hướng tới việc giáo dục NH về trách nhiệm kinh doanh với môi trường và xã hội, khuyến khích họ áp dụng các phương pháp kinh doanh bền vững.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của CSGD và đơn vị thực hiện CTĐT.

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính CSGD



23.2. Cơ cấu tổ chức hành chính đơn vị thực hiện CTĐT



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách CB lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Học vị	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo CSGD						
1		Nguyễn Mai Lâm	TS	Quyền Hiệu trưởng	0944333336	viceprovost@ttu.edu.vn
2		Thạch Ngọc Nguyễn	TS	Phó Hiệu trưởng	0272-3769216	thach.nguyen@ttu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.		Nguyễn Vũ Hiếu Trung	TS	Phó Trưởng Khoa	0902989411	trung.nguyen@ttu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Học vị	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Công đoàn	Bùi Thị Hồng Vân	ĐH	Chủ tịch	0987819872	van.bui@ttu.edu.vn
III. Các phòng, ban						
1.	Phòng Tổ chức - Hành chính	Bùi Thị Hồng Vân	ĐH	Phó Trưởng Phòng	0987819872	van.bui@ttu.edu.vn
2.	Phòng Công tác sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp	Dương Hoài An	ThS	Trưởng Phòng	0916518895	an.duong@ttu.edu.vn
3.	Phòng Truyền thông và Tuyển sinh	Dương Hoài An	ThS	Trưởng Phòng	0916518895	an.duong@ttu.edu.vn
4.	Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Thị Hoa	ĐH	Kế toán Trưởng	0987997566	hoa.nguyen@ttu.edu.vn
5.	Phòng Quản lý CSVC - Thiết bị	Nguyễn Đức Tài	ĐH	Phó Trưởng phòng	0937686319	tai.nguyen@ttu.edu.vn
6.	Phòng	Nguyễn	TS	Phó	0763550172	dien.nguyenthanh@ttu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Học vị	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Quản lý Đào tạo	Thanh Điền		Trưởng phòng		
7.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Nguyễn Thanh Điền	TS	Trưởng phòng	0763550172	dien.nguyenthanh@ttu.edu.vn
8.	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Thị Kim Tiên	ThS	Phó trưởng phòng	0352065793	tien.nguyen@ttu.edu.vn
9.	Trung tâm Khởi nghiệp	Phan Thị Thùy Ly	Đại học	Giám đốc	0988437772	ly.phan@ttu.edu.vn
10.	Trung tâm Ngoại ngữ	Nguyễn Thảo Nguyên	ĐH	Giám đốc	0979159116	nguyen.nguyen@ttu.edu.vn
11.	Ban Thư viện	Đinh Thị Mỹ Kim	ĐH	Phó Trưởng Ban	098 577 9419	kim.dinh@ttu.edu.vn
12.	Ban CNTT	Đoàn Ngọc Nhật Minh	ĐH	Trưởng ban	0913114960	minh.doan@ttu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: QTKD, Kinh doanh Quốc tế, Tài chính Ngân hàng, Kế toán.

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo TS: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 0

28. Số lượng ngành đào tạo ĐH: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

		Có	Không
Chính quy		<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng CB quản lý, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	9	2	11
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	9	2	11
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)			
	Tổng số	9	2	11

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0

¹ Đội ngũ cơ hữu là CB QL, GV, NV trong biên chế và CB hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc CB hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là CB ở các cơ quan khác hoặc CB nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các HP, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
	khoa học						
4	Tiến sĩ	4	0	4	1	0	1
5	Thạc sĩ	6	0	6	0	0	
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	10	0	10	1	0	1

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 10 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: 10

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB QL			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	-	-	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa	3,0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB QL			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi học	-	-	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
4	Tiến sĩ	2	4	0	4	0	0	1	8
5	Thạc sĩ	1	6	0	6	0	0	0	6
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		10	1,0	5	0,3	0,2	0,2	14

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	4	40%	4	0	0	0	3	0	1
5	Thạc sĩ	6	60%	4	2	0	3	2	1	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	10	100%	8	2	2	3	5	1	1

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 43,2 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 40%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 60%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, NH, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của NH được tuyển	Số lượng NH quốc tế nhập học (người)
2019-2020	233	87	2,67	77	15/30, 19/30, 21/30	20,55	2
2020-2021	222	71	3,12	55	15/30, 19/30, 21/30	21,15	0
2021-2022	334	80	4,18	71	15/30, 19/30,	20,86	0

					21/30		
2022-2023	723	146	4,95	113	15/30, 19/30, 21/30	20,04	0
2023-2024	531	166	3,19	128	15/30, 19/30, 21/30	21,33	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. NH ĐH	15	16	18	28	49
Trong đó:					
Hệ chính quy	15	16	18	28	49
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. NH cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

40. Số NH quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24736	24736	24736	24736	24736
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	164	10	8	136	158
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	11	4	2	10	15
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	2248.73	6184	12368	2473.6	1649.07

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	9	0	9	47	45
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0	0	0	0	2,2%

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. NH tốt nghiệp ĐH. Trong đó:	01	01	01	03	03
Hệ chính quy	01	01	01	03	03
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. NH tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của NH hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	01	01	01	03	03
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	20%	33,3%	25%	14,3%	12,5%
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100%	100%	100%	100%	-
3.2. Tỷ lệ NH trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	-
3.3. Tỷ lệ NH trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	0	0	0	0	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	66,7%	-
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	33,3%	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm.	12 triệu	12 triệu	12 triệu	12 triệu	-
5. Đánh giá của NTD về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	0	0	0	0	
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100%	100%	100%	66,7%	-
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0	0	0	33,3%	-
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là CSGD/đơn vị thực hiện CTĐT không điều

tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	0	1	0,5
	Tổng		0	0	0	0	0,5	0,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 0,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1/9

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VND)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VND/ người)
1	2019	628	1%	9.1
2	2020	433	0.5%	4.6
3	2021	0	0%	0
4	2022	338	0.4%	3
5	2023	975	1.4%	11.3

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng CB tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số CB tham gia	0	0	1	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0/9

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách	Sách	Sách	Sách

	chuyên khảo	giáo trình	tham khảo	hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số CB tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	3	1	1	1	1	10,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	0	3	2	05
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng							15,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 15,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 15,5/9

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	3	3	0
Từ 6 đến 10 bài báo	1	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	4	3	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo

cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	0	1	4	2,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	4	1	1,25
4	Tổng		0	0	0	5	5	3,75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của CSGD vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 3,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 3,75/9

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	5	5
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	0	1	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của NH:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Năm học				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố			1	1	

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 437.300 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 36.533 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 6.414 m²

Nơi học: 6210,1 m²

Nơi vui chơi giải trí: 24.769 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 7.992 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 19,85 m²/NH

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: **15932**

Tổng số sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT: Không có

Số liệu cụ thể:

1. Sách:

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách (Số bản sách in)	Bản sách (Số bản sách điện tử)
Khối ngành I	0	0
Khối ngành II	0	0
Khối ngành III	1711	194
Khối ngành IV	199	76
Khối ngành V	752	152
Khối ngành VI	1329	353
Khối ngành VII	4690	137
Tham khảo	7251	692
Tổng	15932	1604

Đầu sách điện tử được lưu trong đó:

GDrive	Proquest
122	72
70	6
99	53
155	198
120	17
527	165
1093	511

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: **165**

- Dùng cho hệ thống văn phòng: **41**

- Dùng cho NH học tập: **85**

Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: **15.63% (85/544)**

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 10

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu (%): 10

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 40%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 60%

2. Người học:

Tổng số NH chính quy (người): 63

Tỷ số NH chính quy trên giảng viên: 7:1 (63/9)

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 15,8% (9/57)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 100%

Tỷ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 0

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 95

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 12

5. Đánh giá của NTD về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): Đang khảo sát

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): Đang khảo sát

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao KH-CN (quy đổi) trên CB cơ hữu: 1/9

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 15,5/9

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 3,75/9

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên NH chính quy: 19 NH/máy (10 máy Thư viện, 80 máy tại 2 phòng máy)

Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 19,85 m²/NH

Tỷ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy: 88.41m²/NH

Phụ lục 2: DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH

2.1. Quyết định việc thành lập hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QTKD

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 244/QĐ-ĐHTT.23

Long An, ngày 27 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và Công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-HĐT-TTU.21 ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Tân Tạo ban hành về Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Tân Tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công bố Website trường;
- Lưu: P. TCHC, P. KT-BĐCL, Khoa KT&QTKD.



TS. Đặng Thị Hoàng Yên
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**
(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-DHTT.23, ngày 27 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a Maya Dangelas Ed.D.)	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Phó chủ tịch
4	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BDCL	Thư ký
5	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên
7	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
8	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên
10	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên
13	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng	Thành viên
14	Bà Phạm Lan Anh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
15	Ông Dương Hoài Linh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
16	Ông Vũ Văn Cường	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
17	Bà Đoàn Thị Mỹ Hạnh	Sinh viên khóa 2022-2026, ngành Quản trị kinh doanh	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27 tháng 11 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Trưởng Ban
2	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng TC-HC	Phó Ban
3	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Phó Ban
4	Bà Phạm Lan Anh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
5	Ông Nguyễn Thương Trường	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
6	Ông Dương Huy Khôi	Nhân viên Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
7	Ông Ngô Hoàng Nhân	Nhân viên Ban Thư viện	Thành viên
8	Ông Huỳnh Quốc Huy	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
9	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
10	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
12	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên

(Danh sách gồm có 12 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-DHTT.23, ngày 27 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1, 2, 3, 4, 5)	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Trưởng Nhóm
	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Phó nhóm
	Ông Vũ Văn Cường	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
	Ông Dương Hoài Linh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thái Chi	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Bà Phạm Lan Anh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thư ký
Nhóm 2 (TC 6, 7)	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng TC-HC	Trưởng Nhóm
	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Bích Ngân	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
	Bà Phạm Thị Bảo Trân	Nhân viên Phòng QLKH-HTQT	Thành viên
	Bà Nguyễn Bích Ngọc Hương	Nhân viên Phòng QLKH-HTQT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Ông Nguyễn Thương Trường	Nhân viên Phòng TC-HC	Thư ký
	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Trưởng Nhóm

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 3 (TC 8)	Bà Nguyễn Thảo Nguyên	Phó Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Phó Nhóm
	Ông Phạm Bùi Trọng Hiếu	Nhân viên Phòng TT-TS	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Minh	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Bà Phạm Thị Lan Anh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
	Ông Dương Huy Khôi	Nhân viên Phòng CTSV-HTDN	Thư ký
Nhóm 4 (TC 9)	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL TB-CSVC	Trưởng Nhóm
	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban IT	Phó nhóm
	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phụ trách Thư viện	Phó nhóm
	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Phó nhóm
	Bà Phạm Kiều Ánh	Nhân viên Phòng QL CSVC-TB	Thành viên
	Ông Ngô Hoàng Nhân	Nhân viên Ban Thư viện	Thư ký
Nhóm 5 (TC 10, 11)	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BĐCL	Trưởng Nhóm
	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Phó nhóm
	Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
	Ông Dương Huy Khôi	Nhân viên Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
	Bà Lưu Nguyệt Anh	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thành viên
	Ông Huỳnh Quốc Huy	Nhân viên Phòng KT-BĐCL	Thư ký

2.2. Quyết định về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 207/QĐ-ĐHTT.24

Long An, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT và Công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTU.21 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Trường Đại học Tân Tạo ban hành về Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Tân Tạo;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27/11/2023, gồm các ông/bà có tên như sau:

1. Ông Nguyễn Mai Lâm - Quyền Hiệu trưởng - Chủ tịch
2. Ông Thạch Ngọc Nguyễn - Phó Hiệu trưởng - Phó chủ tịch

3. Bà Đặng Thị Hoàng Yến - Chủ tịch Hội đồng trường - Thành viên

Điều 2. Các thành viên có nhiệm vụ cùng Hội đồng triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công bố Website trường;
- Lưu: P. TCHC, P. KT-BDCL, Khoa KT&QTKD.



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text "GIANG ĐỨC VÀ ĐO ĐO" is written around the top and sides. In the center, the text "HỘI ĐỒNG TRƯỞNG" is written in a large, bold font, with "TRƯỜNG" written below it. Underneath, "ĐẠI HỌC TÂN TẠO" is written in a smaller font. A handwritten signature in red ink, "TS. Nguyễn Mai Lâm", is written across the stamp and extends to the right.

TS. Nguyễn Mai Lâm

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Kèm theo Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23, ngày 27/11/2023 và Quyết định số 207/QĐ-ĐHTT.24 ngày 11/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo)

STT	Họ và Tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Mai Lâm	Quyền Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Thạch Ngọc Nguyễn	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Ông Nguyễn Vũ Hiếu Trung	Phó Trưởng Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Phó chủ tịch
4	Bà Nguyễn Thị Kim Tiền	Phó Trưởng Phòng KT-BDCL	Thư ký
5	Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a Maya Dangelas Ed.D.)	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Điền	Trưởng Phòng QLKH-HTQT kiêm Phó Trưởng Phòng QLĐT	Thành viên
7	Ông Dương Hoài An	Trưởng Phòng TT-TS kiêm Trưởng Phòng CTSV-HTDN	Thành viên
8	Ông Đoàn Ngọc Nhật Minh	Trưởng Ban Công nghệ thông tin	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Thành viên
10	Bà Bùi Thị Hồng Vân	Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Trưởng Phòng QL CSVC - TB	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Mỹ Kim	Phó Trưởng Ban Thư viện	Thành viên
13	Bà Mai Thị Hào Yến	Trưởng Khoa Nhân văn và Giáo dục khai phóng	Thành viên
14	Bà Phạm Lan Anh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
15	Ông Dương Hoài Linh	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
16	Ông Vũ Văn Cường	Giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Thành viên
17	Bà Đoàn Thị Mỹ Hạnh	Sinh viên khóa 2022-2026, ngành Quản trị kinh doanh	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người)

2.3. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành QTKD

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/KH-ĐHTT.23

Long An, ngày 29 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Y khoa ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn hướng dẫn 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; công văn hướng dẫn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng; công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/06/2021 của Cục Quản lý chất lượng.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 244/QĐ-ĐHTT.23 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo, Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký: Chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo. Lập kế hoạch hoạt động của Chủ tịch hội đồng, thay mặt chủ tịch hội đồng giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong Hội đồng và các nhóm chuyên trách.

b) Các nhóm công tác, cá nhân:

- Trưởng nhóm các nhóm công tác chuyên trách: Điều hành chung, chủ động tổ

chức hợp nhóm để phân công công việc cụ thể cho các thành viên, cung cấp cách thức tìm minh chứng và minh chứng. Chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn mà nhóm mình được phân công; biên tập báo cáo của các thành viên trong nhóm theo kế hoạch Tự đánh giá của trường và gửi cho Trường Ban thư ký.

- Thành viên các nhóm công tác chuyên trách: Tìm minh chứng, xử lý số liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do nhóm trưởng phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Nhóm 1	Từ 04/12/2023 đến 14/6/2024	
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT	Nhóm 1		
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 1		
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm 1		
5	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 1		
6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 2		
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 2		
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Nhóm 3		
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 4		

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
10	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nhóm 5		
11	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 5		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: 02 ngày (ngày 01 và 02/12/2023)
2. Thành phần: Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách và đội ngũ cán bộ Trường/ Khoa.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

- Phổ biến hệ thống văn bản tự đánh giá Chương trình đào tạo
- Quy trình và thủ tục tự đánh giá
- Hướng dẫn tìm minh chứng
- Hướng dẫn viết phiếu đánh giá tiêu chí và báo cáo tự đánh giá

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/ cung cấp

1. Nhân lực

- Nhân lực chính thực hiện quá trình tự đánh giá bao gồm các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách, các giảng viên nhân viên, các đơn vị liên quan trong trường. Ngoài ra, toàn bộ nhân sự của Trường có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến đối với các dự thảo và những nội dung khác theo quy định.

- Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng là đơn vị đầu mối thực hiện huy động nhân sự theo đề xuất của Hội đồng tự đánh giá được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Các đơn vị trong Trường phối hợp cung cấp thông tin, minh chứng, cơ sở dữ liệu và tạo mọi điều kiện để Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách thực hiện quá trình tự đánh giá theo đúng tiến độ.

- Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng phối hợp cùng Phòng Tài chính - Kế toán tham mưu, tư vấn Hiệu trưởng xây dựng dự toán kinh phí và thực hiện thanh, quyết toán công tác tự đánh giá chương trình đào tạo theo quy định.

- Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và phối hợp với các đơn vị liên quan trong Trường cung cấp các thông tin, minh chứng cho các nhóm công tác chuyên trách trong quá trình triển khai tự đánh giá.

2. Cơ sở vật chất

- Huy động tối đa cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường phục vụ quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khi có yêu cầu cần cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ triển khai tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đề xuất Ban Giám hiệu trang bị thêm các thiết bị cần thiết để phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ người học.

3. Tài chính

Dự trù kinh phí cơ bản cho công tác tự đánh giá bao gồm các khoản:

- Tập huấn công tác triển khai tự đánh giá;
- Thuê chuyên gia tư vấn (theo đề nghị được Hiệu trưởng phê duyệt);
- Văn phòng phẩm;
- Chế độ bồi dưỡng các thành viên tham gia trực tiếp cũng như các thành viên hỗ trợ công tác tự đánh giá;
- Thẩm định báo cáo tự đánh giá;
- Các chi phí phát sinh khác (nếu có).

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

- Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách đề xuất kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài (nếu cần) để Hội đồng tự đánh giá tổng hợp và trình Hiệu trưởng. Kế hoạch phải thể hiện rõ: mục đích, loại thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp thông tin, thời gian thực hiện, dự trù kinh phí cho hoạt động thu thập thông tin từ bên ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo.

- Nhà trường yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện việc thu thập thông tin từ bên ngoài trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tự đánh giá.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TDG

Trong tháng 12 năm 2023, Nhà trường mời chuyên gia tư vấn đến tập huấn công tác tự đánh giá với các nội dung về kỹ thuật tìm minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác tự đánh giá và giải quyết những vấn đề phát sinh trong lúc triển khai công tác tự đánh giá.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng theo chiều ngang của khổ A4 (để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT (khoảng 06 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
<p>Tuần từ 04/12 đến 23/12/2023</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Họp Ban Giám hiệu, Trưởng Khoa và các Trưởng Phòng Ban liên quan để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT. 4. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT thông qua việc gửi email thông báo, nhắc lại trong các cuộc họp. 5. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 6. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> - Bản kế hoạch TĐG CTĐT; - Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của trường và khoa); - Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG. 7. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng; 8. Tổ chức tập huấn sâu về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.
<p>Tuần từ 25/12/2023</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn, tiêu chí;

Thời gian	Các hoạt động
<p>đến 02/02/2024</p>	<ol style="list-style-type: none"> 2. Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập (xác định các minh chứng đã có, các minh chứng cần phục dựng); 3. Tiến hành thu thập minh chứng; 4. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; 5. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 6. Hoàn thành bảng dự thảo danh mục minh chứng.
<p>Tuần từ 19/02 đến 29/3/2024</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; 2. Điều chỉnh danh mục minh chứng theo góp ý của chuyên gia. 3. Phân công các thành viên viết báo cáo cho từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết); 4. Họp thông qua báo cáo tiêu chí và đề xuất chỉnh sửa; 5. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
<p>Tuần từ 01/4 đến 03/05/2024</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung. 2. Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT; • Viết phần mở đầu, kết luận của báo cáo tự đánh giá; • Viết phần cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT; • Gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá cho chuyên gia để góp ý.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần từ 06/5 đến 25/5/2024	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần); Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý; Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ trường và khoa; Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG; Chỉnh sửa theo góp ý của chuyên gia.
Tuần từ 27/5 đến 07/6/2024	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện; Chỉnh sửa theo góp ý của chuyên gia; Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét. Hoàn thiện báo cáo TĐG.
Tuần từ 10/6 đến 14/6/2024	<ol style="list-style-type: none"> Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG, sẵn sàng ký hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo t/h);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong trường (để th/h);
- Lưu: VT, P. KT-ĐBCL.



TS. Đặng Thị Hoàng Yến
(a.k.a. Maya Dangelas Ed.D.)